BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt 2

TẬP HAI

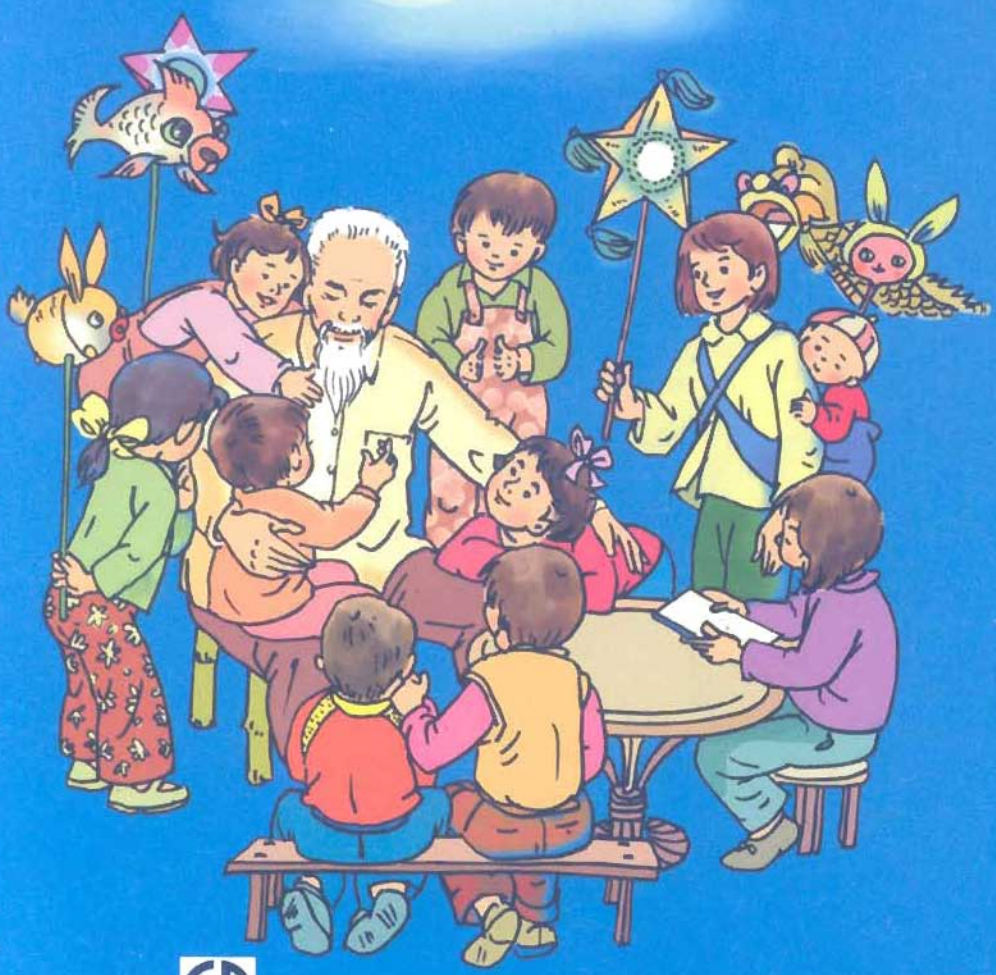

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HẠNH - NGUYỄN TRẠI - TRẦN HOÀNG TUÝ

Tiếng Việt 2

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách

(:)	CHÚ THÍCH VÀ GIẢI NGHĨA
(?)	CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP
M :	MẪU VÀ VÍ DỤ
(2), (3)	BÀI TẬP LỰA CHỌN

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01-2011/CXB/8-1235/GD

Mã số : 1H202T1

BỐN MÙA

Tập đọc

Chuyện bốn mùa

1. Một ngày đầu năm, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau. Đông cầm tay Xuân, bảo :

- Chị là người sung sướng nhất đấy ! Ai cũng yêu chị. Chị về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.

Xuân nói :

- Nhưng phải có nắng của em Hạ, cây trong vườn mới đơm trái ngọt. Có em Hạ, các cô cậu học trò mới được nghỉ hè.

Cô nàng Hạ tinh nghịch xen vào :

- Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Không có Thu, làm sao có vườn bưởi chín vàng, có đêm trăng rằm rước đèn, phá cỗ...

Đông, giọng buồn buồn :

- Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông, thủ thỉ :

- Có em mới có bập bùng bếp lửa nhà sàn, có giấc ngủ ấm trong chăn. Sao lại có người không thích em được ?

2. Bốn nàng tiên mải chuyện trò, không biết bà Đất đã đến bên cạnh từ lúc nào. Bà vui vẻ góp chuyện :

- Các cháu mỗi người một vẻ. Xuân làm cho cây lá tươi tốt. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, cho học sinh nhớ ngày tựu trường. Còn cháu Đông, ai mà ghét cháu được ! Cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

Theo **TỪ NGUYÊN TĨNH**

- ***Đâm chồi nảy lộc*** : mọc ra những mầm non, lá non.
- ***Đơm*** : nảy ra.
- ***Bập bùng*** : ngọn lửa cháy mạnh, khi bốc cao, khi hạ thấp.
- ***Tựu trường*** : cùng đến trường để mở đầu năm học.

1. Bốn nàng tiên trong truyện tượng trưng cho những mùa nào trong năm ?
2. Em hãy cho biết mùa xuân có gì hay :
   a) Theo lời của nàng Đông.
   b) Theo lời của bà Đất.
3. Mùa hạ, mùa thu, mùa đông có gì hay ?
4. Em thích nhất mùa nào ? Vì sao ?

Kể chuyện

1. Dựa vào các tranh sau, kể lại đoạn 1 *Chuyện bốn mùa* :

Đông cầm tay Xuân, bảo...

Xuân dịu dàng nói...

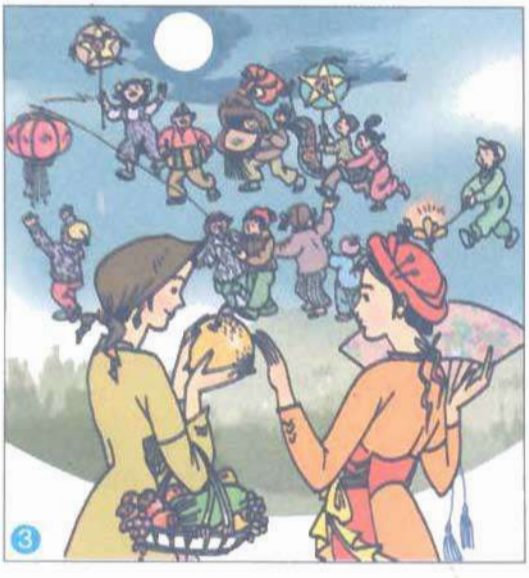

Hạ tinh nghịch xen vào...

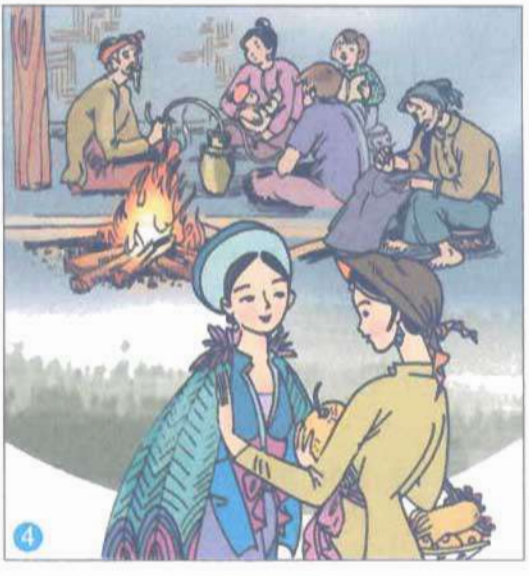

Thu đặt tay lên vai Đông...

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

3. Dựng lại câu chuyện trên theo các vai : người dẫn chuyện, Xuân, Hạ, Thu, Đông, bà Đất.

Chính tả

1. Tập chép : *Chuyện bốn mùa* (từ *Xuân làm cho...* đến *đâm chồi nảy lộc.)*

(?) Tìm và tập viết các tên riêng trong bài chính tả.

(2). a) Điền vào chỗ trống *l* hay *n* ?

- (Trăng) Mồng một ...ưỡi trai,
  Mồng hai ...á ...úa.
- Đêm tháng ...ăm chưa ...ằm đã sáng
  Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Tục ngữ

b) Ghi vào những chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã* ?

- Kiến cánh vỡ ***tô*** bay ra
  Bao táp mưa sa gần tới.
- Muốn cho lúa ***nay*** bông to
  Cày sâu, bừa ***kĩ***, phân gio cho nhiều.

Tục ngữ

(3). Tìm trong *Chuyện bốn mùa* :

a) 2 chữ bắt đầu bằng ***l***, 2 chữ bắt đầu bằng ***n***.
b) 2 chữ có ***dấu hỏi,*** 2 chữ có ***dấu ngã***.

Tập đọc

Lá thư nhầm địa chỉ

Mai đang giúp mẹ treo tranh Tết, chợt nghe tiếng bác đưa thư :

- Nhà 58 có thư nhé !

Cầm phong thư trên tay, Mai ngạc nhiên :

- Mẹ ơi, nhà mình có ai tên là Tường không nhỉ ?

Mẹ dừng tay :

- Nhà chỉ có ba người, làm gì còn ai tên là Tường nữa !
- Nhưng đúng là thư gửi cho nhà mình mà.

Mẹ cầm phong thư xem rồi bảo :

- Có lẽ người gửi đã ghi nhầm số nhà. Con đừng bóc thư, để trả lại bưu điện. À, hay là con đi hỏi bác Nga xem bác có biết ai là Tường không, chuyển giúp cho họ.

Cầm lá thư đi, Mai thầm mong bác tổ trưởng biết ông Tường để lá thư này không phải vòng về Hải Phòng xa xôi nữa.

HẢO MINH

- ***Bưu điện*** : cơ quan phụ trách việc chuyển thư, điện báo, điện thoại,...

1. Nhận được phong thư, Mai ngạc nhiên về điều gì ?
2. Tại sao mẹ bảo Mai đừng bóc thư của ông Tường ?
3. Trên phong bì thư cần ghi những gì ? Ghi như vậy để làm gì ?

Luyện từ và câu

1. Em hãy kể tên các tháng trong năm. Cho biết mỗi mùa xuân, hạ, thu, đông bắt đầu từ tháng nào, kết thúc vào tháng nào.

2. Xếp các ý sau vào bảng cho đúng lời bà Đất trong bài *Chuyện bốn mùa* :

a) Cho trái ngọt, hoa thơm
b) Làm cho cây lá tươi tốt
c) Nhắc học sinh nhớ ngày tựu trường
d) Ấp ủ mầm sống để xuân về đâm chồi nảy lộc
e) Làm cho trời xanh cao

Mùa xuân	Mùa hạ	Mùa thu	Mùa đông

3. Trả lời các câu hỏi sau :

- **Khi nào** học sinh được nghỉ hè ?
- **Khi nào** học sinh tựu trường ?
- Mẹ thường khen em **khi nào** ?
- Ở trường, em vui nhất **khi nào** ?

M : Ở trường, em vui nhất khi được điểm tốt.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

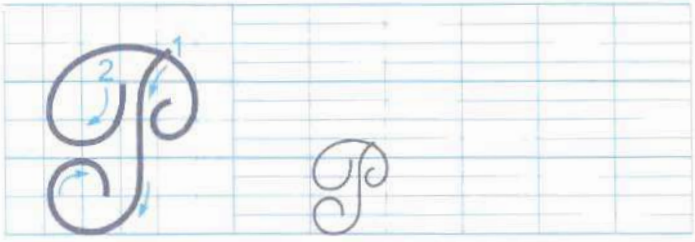

2. Viết ứng dụng : Phong cảnh hấp dẫn.

Tập đọc

Thu Trung thu

(Trích)

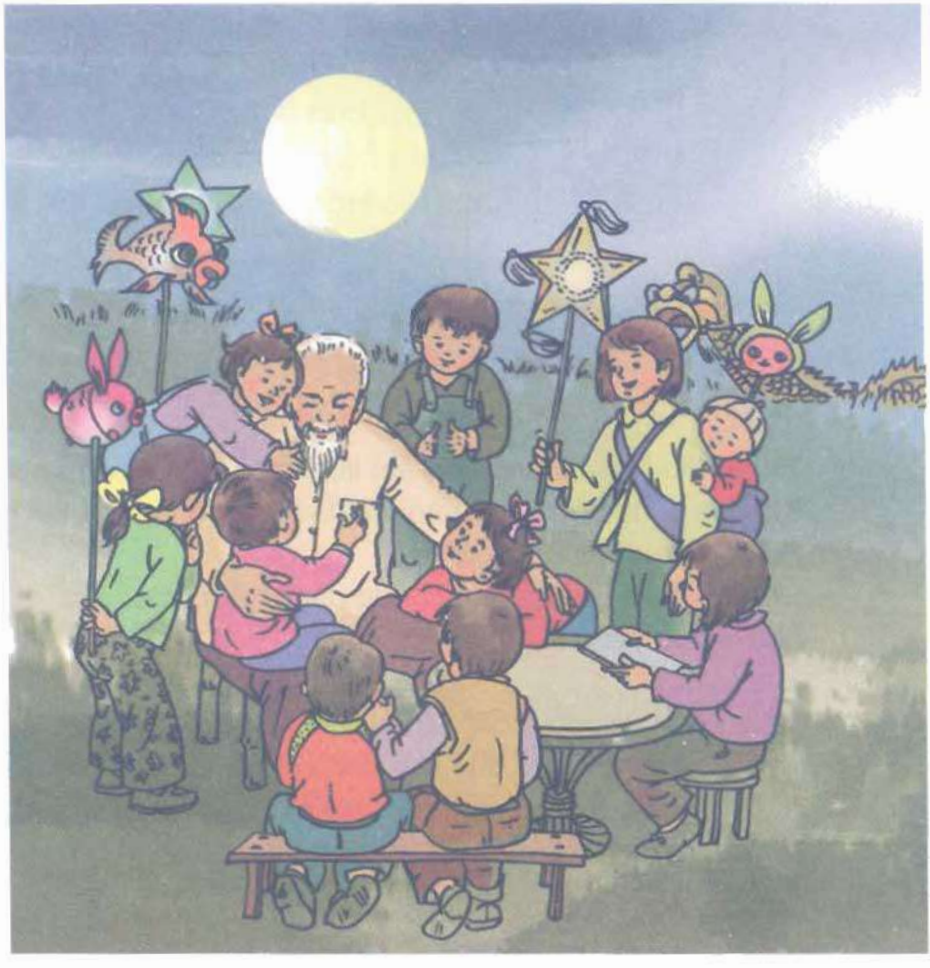

Mỗi năm, đến Tết Trung thu, Bác càng nhớ các cháu.

Các cháu gửi thư cho Bác nhiều lắm, Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung thu, Bác gửi các cháu thư này :

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh ?
Tính các cháu ngoan ngoãn,
Mặt các cháu xinh xinh.
Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành.
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tuỳ theo sức của mình,
Để tham gia kháng chiến,
Để gìn giữ hoà bình.
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh.

Hôn các cháu
HỒ CHÍ MINH

- ***Trung thu*** : rằm tháng tám âm lịch, một ngày Tết của thiếu nhi.
- ***Thi đua*** : cùng nhau cố gắng làm việc, học tập đạt kết quả tốt nhất.
- ***Hành*** : làm theo điều đã học.
- ***Kháng chiến*** : chiến đấu chống quân xâm lược.
- ***Hoà bình*** : yên vui, không có giặc.

1. Mỗi Tết Trung thu, Bác Hồ nhớ tới ai ?
2. Những câu thơ nào cho biết Bác Hồ rất yêu thiếu nhi ?
3. Bác khuyên các em làm những điều gì ?
4. Học thuộc lòng bài thơ trong *Thư Trung thu*.

1. Nghe - viết : *Thư Trung thu* (12 dòng thơ trong bài)

(?) - Bài thơ của Bác Hồ có những từ xưng hô nào ?
- Những chữ nào trong bài phải viết hoa ? Vì sao ?

(2). Viết tên các vật :

a) Chữ ***l*** hay chữ ***n*** ?

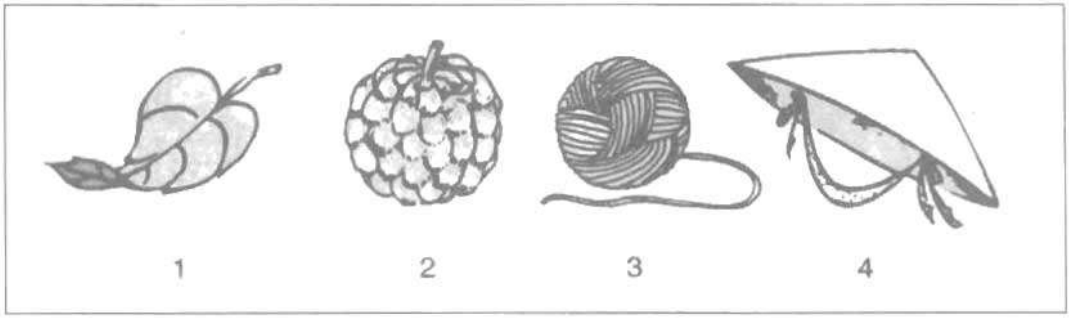

b) ***Dấu hỏi*** hay ***dấu ngã*** ?

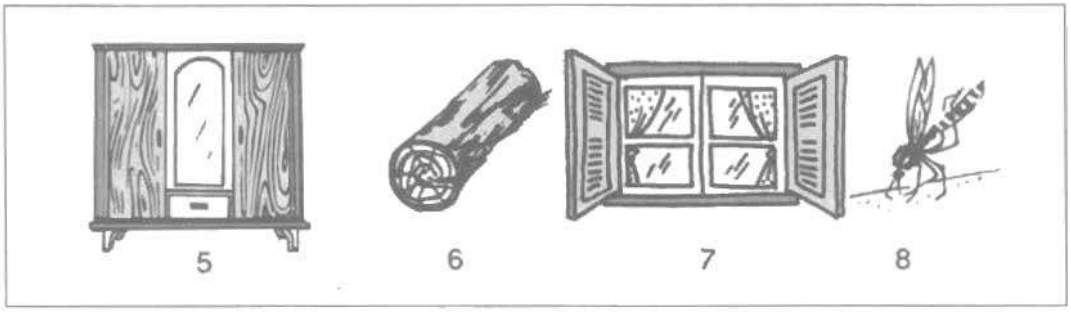

(3). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) - *(nặng, lặng)* : ... lẽ , ... nề
- *(no, lo)* : ... lắng , đói ...

b) - *(đổ, đỗ)* : thi ... , ... rác
- *(giả, giã)* : ... vờ (đò) , ... gạo

Tập làm văn

1. Theo em, các bạn học sinh trong hai bức tranh dưới đây sẽ đáp lại thế nào ?

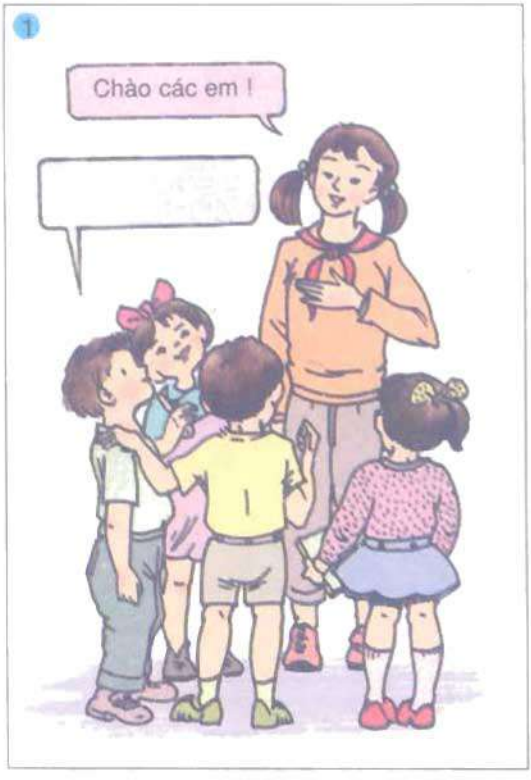

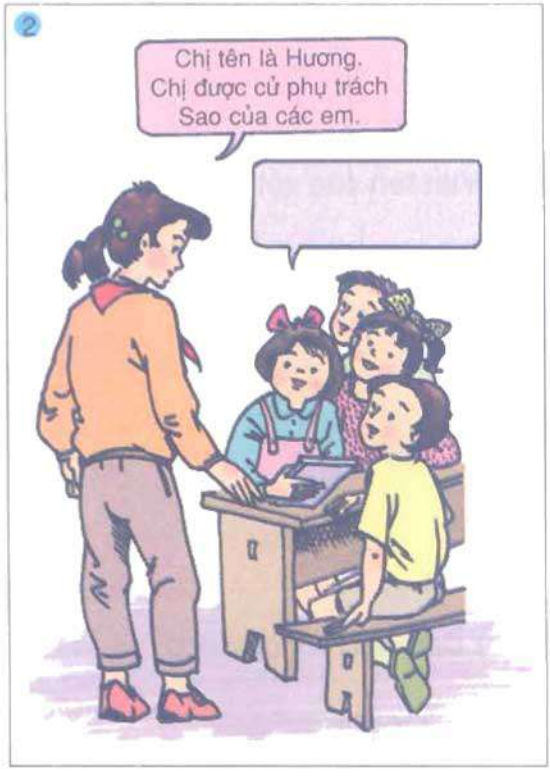

2. Có một người lạ đến nhà em, gõ cửa và tự giới thiệu : "Chú là bạn bố cháu. Chú đến thăm bố mẹ cháu." Em sẽ nói thế nào :

a) Nếu bố mẹ em có nhà ?
b) Nếu bố mẹ em đi vắng ?

3. Viết lời đáp của Nam vào vở :

- Chào cháu.
- ...
- Cháu cho cô hỏi đây có phải nhà bạn Nam không ?
- ...
- Tốt quá. Cô là mẹ bạn Sơn đây.
- ...
- Sơn bị sốt. Cô nhờ cháu chuyển giúp cô đơn xin phép cho Sơn nghỉ học.

Tập đọc

Ông Mạnh thắng Thần Gió

1. Ngày xưa, loài người chưa biết làm nhà, phải ở hang núi. Về sau, nhiều người về đồng bằng và ven biển sinh sống. Đây là nơi Thần Gió hoành hành.

2. Một hôm, Thần Gió gặp một người tên là Mạnh. Thần xô ông Mạnh ngã lăn quay. Ông lồm cồm bò dậy, nổi giận, quát :

- Thật độc ác !

Thần Gió bay đi với tiếng cười ngạo nghễ.

3. Từ đó, ông Mạnh quyết chống trả. Ông vào rừng lấy gỗ dựng nhà. Cả ba lần, nhà đều bị quật đổ. Cuối cùng, ông quyết định dựng một ngôi nhà thật vững chãi. Ông đẵn những cây gỗ lớn nhất làm cột, chọn những viên đá thật to làm tường.

4. Ngôi nhà đã làm xong. Đêm ấy, Thần Gió lại đến đập cửa, thét :

- Mở cửa ra !

- Không ! Sáng mai ta sẽ mở cửa mời ông vào.

Sáng hôm sau, mặt trời lên, ông Mạnh mở cửa, thấy cây cối xung quanh đổ rạp. Rõ ràng đêm qua Thần Gió đã giận dữ, lồng lộn mà không thể xô đổ ngôi nhà.

5. Mấy tháng sau, Thần Gió đến nhà ông Mạnh, vẻ ăn năn. Ông Mạnh an ủi và mời Thần thỉnh thoảng tới chơi. Từ đó, Thần Gió thường đến thăm ông, đem cho ngôi nhà không khí mát lành từ biển cả và hương thơm ngào ngạt của các loài hoa.

Phỏng theo **A-NHÔNG**
(Hoàng Ánh *dịch*)

:

- ***Đồng bằng*** : vùng đất rộng, bằng phẳng.
- ***Hoành hành*** : làm nhiều điều ngang ngược trên khắp một vùng rộng, không kiêng nể ai.
- ***Ngạo nghễ*** : coi thường tất cả.
- ***Vững chãi*** : chắc chắn, khó bị lung lay.
- ***Đẵn*** : chặt.
- ***Ăn năn*** : hối hận về lỗi lầm của mình.

?

1. Thần Gió đã làm gì khiến ông Mạnh nổi giận ?
2. Kể việc làm của ông Mạnh chống lại Thần Gió.
3. Hình ảnh nào chứng tỏ Thần Gió phải bó tay ?
4. Ông Mạnh đã làm gì để Thần Gió trở thành bạn của mình ?
5. Ông Mạnh tượng trưng cho ai ? Thần Gió tượng trưng cho cái gì ?

Kể chuyện

1. Xếp lại thứ tự các tranh sau theo đúng nội dung câu chuyện *Ông Mạnh thắng Thần Gió* :

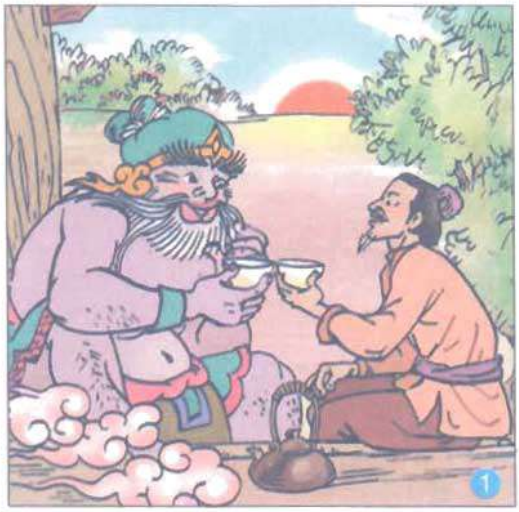

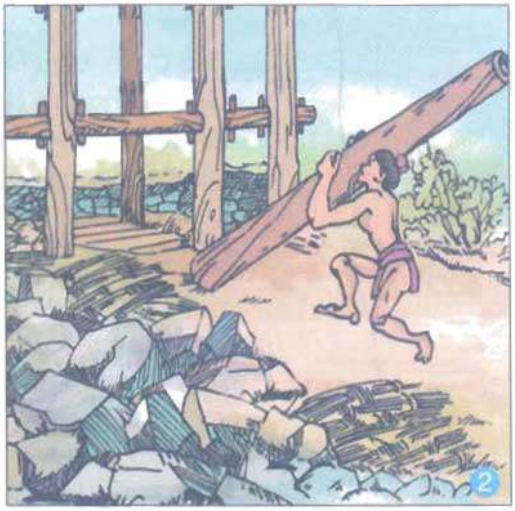

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

3. Đặt tên khác cho câu chuyện.

M : Ông Mạnh và Thần Gió.

1. Nghe - viết :

Gió

Gió ở rất xa, rất rất xa,
Gió thích chơi thân với mọi nhà
Gió cù khe khẽ anh mèo mướp
Rủ đàn ong mật đến thăm hoa.

Gió đưa những cánh diều bay bổng
Gió ru cái ngủ đến la đà
Hình như gió cũng thèm ăn quả
Hết trèo cây bưởi lại trèo na...

NGÔ VĂN PHÚ

? Tìm các chữ bắt đầu bằng ***r, gi, d*** (hoặc các chữ có ***dấu hỏi, dấu ngã***) trong bài chính tả.

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***s*** hay ***x*** ?
- hoa ...en, ...en lẫn
- hoa ... úng, ...úng xính

b) ***iêt*** hay ***iêc*** ?
- làm v..., bữa t...
- thời t..., thương t...

(3). Tìm các từ :

a) Chứa tiếng có âm ***s*** hay âm ***x***, có nghĩa như sau :
- Mùa đầu tiên trong bốn mùa.
- Giọt nước đọng trên lá buổi sớm.

b) Chứa tiếng có vần ***iêc*** hay vần ***iêt***, có nghĩa như sau :
- Nước chảy rất mạnh.
- Tai nghe rất kém.

Tập đọc

Mùa xuân đến

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích choè nhanh nhảu. Những chú khướu lắm điều. Những anh chào mào đỏm dáng. Những bác cu gáy trầm ngâm.

Chú chim sâu vui cùng vườn cây và các loài chim bạn. Nhưng trong trí thơ ngây của chú còn mãi sáng ngời hình ảnh một cánh hoa mận trắng, biết nở cuối đông để báo trước mùa xuân tới.

NGUYỄN KIÊN

:

- ***Mận*** : loài cây có hoa trắng, quả màu nâu, vàng hay xanh nhạt, ăn có vị ngọt hoặc chua.
- ***Nồng nàn*** : ý nói toả mùi thơm đậm đà, dễ chịu.
- ***Khướu*** : loài chim đuôi dài, lông màu đen, hay hót.
- ***Đỏm dáng*** : đẹp bề ngoài, có vẻ chải chuốt.
- ***Trầm ngâm*** : có dáng lặng lẽ như đang suy nghĩ.

?

1. Dấu hiệu nào báo mùa xuân đến ?
2. Kể lại những thay đổi của bầu trời và mọi vật khi mùa xuân đến.
3. Tìm những từ ngữ trong bài giúp em cảm nhận được :
   a) Hương vị riêng của mỗi loài hoa xuân.
   b) Vẻ riêng của mỗi loài chim.

Luyện từ và câu

1. Chọn những từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để chỉ thời tiết của từng mùa *(nóng bức, ấm áp, giá lạnh, mưa phùn gió bấc, se se lạnh, oi nồng)* :

- Mùa xuân :
- Mùa thu :
- Mùa hạ :
- Mùa đông :

2. Hãy thay cụm từ *khi nào* trong các câu hỏi dưới đây bằng các cụm từ khác *(bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ...)* :

a) Khi nào lớp bạn đi thăm viện bảo tàng ?
b) Khi nào trường bạn nghỉ hè ?
c) Bạn làm bài tập này khi nào ?
d) Bạn gặp cô giáo khi nào ?

M : ***Khi nào*** lớp bạn đi thăm viện bảo tàng ?
Bao giờ lớp bạn đi thăm viện bảo tàng ?

3. Em chọn *dấu chấm* hay *dấu chấm than* để điền vào ô trống ?

a) Ông Mạnh nổi giận, quát :

- Thật độc ác ■

b) Đêm ấy, Thần Gió lại đến đập cửa, thét :

- Mở cửa ra ■
- Không ■ Sáng mai ta sẽ mở cửa mời ông vào ■

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

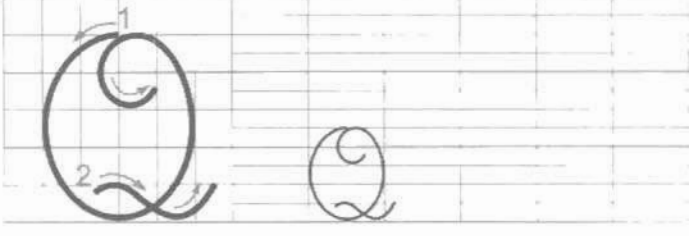

2. Viết ứng dụng : Quê hương tươi đẹp.

Mùa nước nổi

Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ, vì nước lên hiền hoà. Nước mỗi ngày một dâng lên. Mưa dầm dề, mưa sướt mướt ngày này qua ngày khác.

Rồi đến rằm tháng bảy. "Rằm tháng bảy nước nhảy lên bờ". Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hoà lẫn với nước dòng sông Cửu Long.

Đồng ruộng, vườn tược và cây cỏ như biết giữ lại hạt phù sa ở quanh mình, nước lại trong dần. Ngồi trong nhà, ta thấy cả những đàn cá ròng ròng, từng đàn, từng đàn theo cá mẹ xuôi theo dòng nước, vào tận đồng sâu.

Theo **NGUYỄN QUANG SÁNG**

- ***Lũ*** : nước từ nguồn về, dâng cao nhanh và mạnh.
- ***Hiền hoà*** : (nước lên) từ từ, không dữ dội.
- ***Cửu Long*** : sông từ Trung Quốc, chảy qua Lào, Cam-pu-chia vào miền Nam nước ta.
- ***Phù sa*** : đất, cát nhỏ, mịn cuốn trôi theo dòng sông hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi.

1. Em hiểu thế nào là mùa nước nổi ?
2. Bài văn tả mùa nước nổi ở vùng nào ?
3. Tìm một vài hình ảnh về mùa nước nổi được tả trong bài.

Chính tả

1. Nghe - viết :

Mưa bóng mây

Cơn mưa nào lạ thế
Thoáng qua rồi tạnh ngay
Em về nhà hỏi mẹ
Mẹ cười : "Mưa bóng mây."

Cơn mưa rơi nho nhỏ
Không làm ướt tóc ai
Tay em che trang vở
Mưa chẳng khắp bàn tay.

Mưa yêu em mưa đến
Dung dăng cùng đùa vui
Mưa cũng làm nũng mẹ
Vừa khóc xong đã cười.

TÔ ĐÔNG HẢI

Tìm các chữ có vần *ươi, ươt, oang, ay* trong bài chính tả.

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) - *(sương, xương)* : ... mù , cây ... rồng
- *(sa , xa)* : đất phù ... , đường ...
- *(sót, xót)* : ... xa , thiếu ...

b) - *(chiết, chiếc)* : ... cành, ...lá
- *(tiết, tiếc)* : nhớ ... , ... kiệm
- *(biết, biếc)* : hiểu ... , xanh ...

Tập làm văn

1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

Xuân về

Thế là mùa xuân mong ước đã đến ! Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ thơm nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thủi. Các cành cây đều lấm tấm mầm xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trổ lá, lại sắp buông toả ra những tán hoa sang sáng, tim tím. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.

Theo **TÔ HOÀI**

a) Những dấu hiệu nào báo mùa xuân đến ?
b) Tác giả đã quan sát mùa xuân bằng những cách nào (nhìn, nghe, hay ngửi...) ?

2. Hãy viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu nói về mùa hè.

Gợi ý :

a) Mùa hè bắt đầu từ tháng nào trong năm ?
b) Mặt trời mùa hè như thế nào ?
c) Cây trái trong vườn như thế nào ?
d) Học sinh thường làm gì vào dịp nghỉ hè ?

CHIM CHÓC

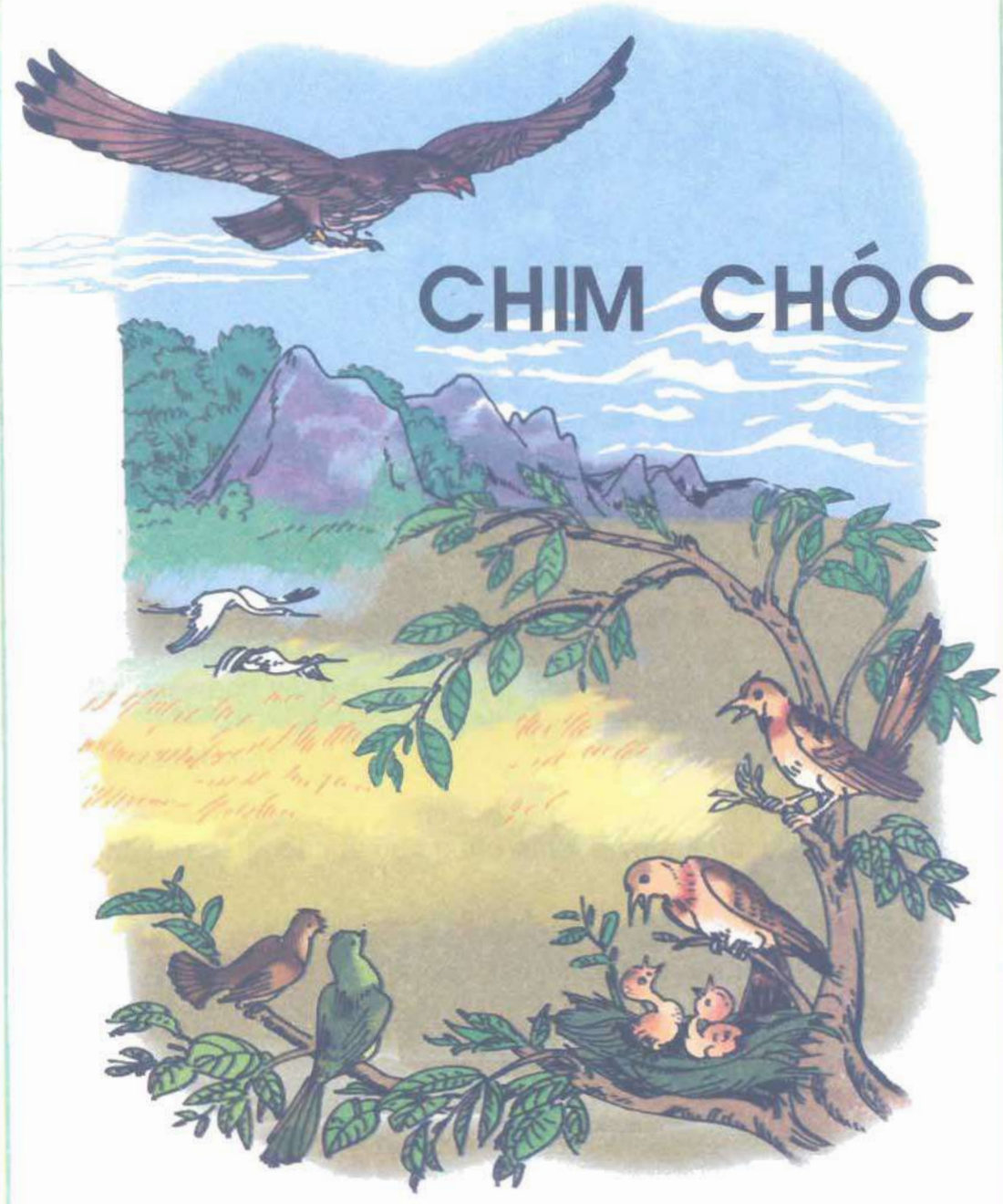

Chim sơn ca và bông cúc trắng

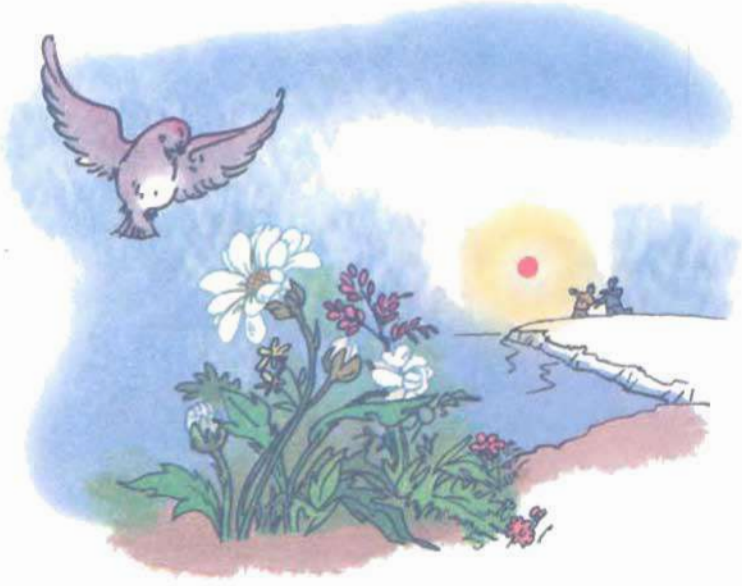

1. Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú sơn ca sà xuống, hót rằng :

- Cúc ơi ! Cúc xinh xắn làm sao !

Cúc sung sướng khôn tả. Chim véo von mãi rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm.

2. Nhưng sáng hôm sau, khi vừa xoè cánh đón bình minh, bông cúc đã nghe thấy tiếng sơn ca buồn thảm. Thì ra, sơn ca đã bị nhốt trong lồng.

Bông cúc muốn cứu chim nhưng chẳng làm gì được.

3. Bỗng có hai cậu bé đi vào vườn, cắt cả đám cỏ lẫn bông cúc đem về bỏ vào lồng sơn ca. Con chim bị cầm tù, họng khô bỏng vì khát, rúc mỏ vặt đám cỏ ẩm ướt. Cúc toả hương thơm ngào ngạt an ủi chim. Sơn ca dù khát, phải vặt hết nắm cỏ, vẫn không đụng đến bông hoa.

Tối rồi, chẳng ai cho con chim khốn khổ một giọt nước. Đêm ấy, sơn ca lìa đời. Bông cúc héo lả đi vì thương xót.

4. Sáng hôm sau, thấy sơn ca đã chết, hai cậu bé đặt con chim vào một chiếc hộp rất đẹp và chôn cất thật long trọng. Tội nghiệp con chim ! Khi nó còn sống và ca hát, các cậu đã để mặc nó chết vì đói khát. Còn bông hoa, giá các cậu đừng ngắt nó thì hôm nay chắc nó vẫn đang tắm nắng mặt trời.

Theo **AN-ĐEC-XEN**
(Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn *dịch*)

- ***Sơn ca (chiền chiện)*** : loài chim nhỏ hơn chim sẻ, hót rất hay ; khi hót thường bay bổng lên cao.
- ***Khôn tả*** : không tả nổi.
- ***Véo von*** : (âm thanh) cao, trong trẻo.
- ***Bình minh*** : lúc mặt trời mới mọc.
- ***Cầm tù*** : bị giam giữ.
- ***Long trọng*** : đầy đủ nghi lễ, rất trang nghiêm.

1. Trước khi bị bỏ vào lồng, chim và hoa sống thế nào ?
2. Vì sao tiếng hót của chim trở nên buồn thảm ?
3. Điều gì cho thấy các cậu bé rất vô tình :
   a) Đối với chim ?
   b) Đối với hoa ?
4. Hành động của các cậu bé gây ra chuyện gì đau lòng ?
5. Em muốn nói gì với các cậu bé ?

Kể chuyện

1. Dựa vào các gợi ý dưới đây, kể lại từng đoạn câu chuyện *Chim sơn ca và bông cúc trắng* :

a) *Đoạn 1* : Cuộc sống tự do, sung sướng của sơn ca và bông cúc.
- Bông cúc đẹp như thế nào ?
- Sơn ca làm gì và nói gì ?
- Bông cúc vui như thế nào ?

b) *Đoạn 2* : Sơn ca bị cầm tù.
- Chuyện gì xảy ra vào sáng hôm sau ?
- Bông cúc muốn làm gì ?

c) *Đoạn 3* : Trong tù.
- Chuyện gì xảy ra với bông cúc ?
- Sơn ca và bông cúc thương nhau như thế nào ?

d) *Đoạn 4* : Sự ân hận muộn màng.
- Thấy sơn ca chết, các cậu bé đã làm gì ?
- Các cậu bé có gì đáng trách ?

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Chính tả

1. Tập chép : *Chim sơn ca và bông cúc trắng* (từ *Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại...* đến *bay về bầu trời xanh thẳm.)*

(?) - Đoạn chép có những dấu câu nào ?
- Tìm những chữ bắt đầu bằng ***r, tr, s*** (hoặc những chữ có ***dấu hỏi, dấu ngã***).

(2). a) Thi tìm từ ngữ chỉ các loài vật :
- Có tiếng bắt đầu bằng ***ch***. M : chào mào
- Có tiếng bắt đầu bằng ***tr***. M : trâu

b) Thi tìm từ ngữ chỉ vật hay việc :
- Có tiếng chứa vần ***uôt***. M : tuốt lúa
- Có tiếng chứa vần ***uôc***. M : cái cuốc

(3). Giải các câu đố sau :

a) Tiếng có âm ***ch*** hay âm ***tr*** ?

Chân gì ở tít tắp xa
Gọi là chân đấy nhưng mà không chân ?
(Là chân gì ?)

b) Tiếng có vần ***uôc*** hay ***uôt*** ?

Có *sắc* - để uống hoặc tiêm
Thay *sắc* bằng *nặng* - là em nhớ bài.
(Là tiếng gì ?)

Tập đọc

Thông báo của thư viện vườn chim

1. Giờ mở cửa :

- Buổi sáng : từ 7 giờ đến 10 giờ.
- Buổi chiều : từ 15 giờ đến 17 giờ.
- Các ngày nghỉ : mở cửa buổi sáng.

2. Cấp thẻ mượn sách :

Mời các bạn chưa có thẻ mượn sách đến làm thẻ vào sáng thứ năm hằng tuần.

3. Sách mới về :

- *Khi đại bàng vỗ cánh*
- *Đà điểu trên sa mạc, tập 1*
- *Khúc nhạc của rừng xanh*
- *Tập bay*
- *Tình bạn của Vạc và Bồ Nông*
- *Chuyện lạ về thế giới loài chim*

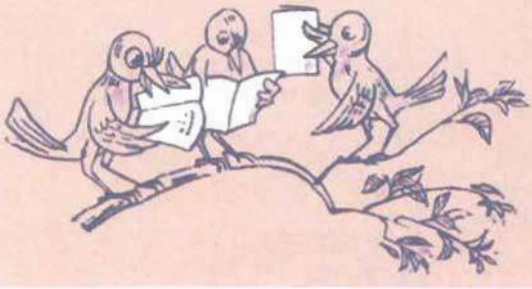

Phụ trách thư viện
VÀNG ANH

- ***Thông báo*** : những điều cần báo cho mọi người biết.
- ***Thư viện*** : nơi để sách, báo cho mọi người đọc hoặc mượn về đọc.
- ***Đà điểu*** : loài chim rất to, cổ dài, chân cao, chạy nhanh, sống ở vùng nóng.

1. Thông báo của thư viện có mấy mục ? Hãy nêu tên từng mục.
2. Muốn biết giờ mở cửa thư viện, đọc mục nào ?
3. Muốn làm thẻ mượn sách, cần đến thư viện vào lúc nào ?
4. Mục *Sách mới về* giúp chúng ta biết điều gì ?

Luyện từ và câu

1. Xếp tên các loài chim cho trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp :

a) Gọi tên theo hình dáng. M : chim cánh cụt
b) Gọi tên theo tiếng kêu. M : tu hú
c) Gọi tên theo cách kiếm ăn. M : bói cá
(cú mèo, gõ kiến, chim sâu, cuốc, quạ, vàng anh)

2. Dựa vào những bài tập đọc đã học, trả lời các câu hỏi sau :

a) Bông cúc trắng mọc **ở đâu** ?
b) Chim sơn ca bị nhốt **ở đâu** ?
c) Em làm thẻ mượn sách **ở đâu** ?

3. Đặt câu hỏi có cụm từ *ở đâu* cho mỗi câu sau :

a) Sao *Chăm chỉ* họp ở phòng truyền thống của trường.
b) Em ngồi ở dãy bàn thứ tư, bên trái.
c) Sách của em để trên giá sách.
M : Sao *Chăm chỉ* họp ở đâu ?

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

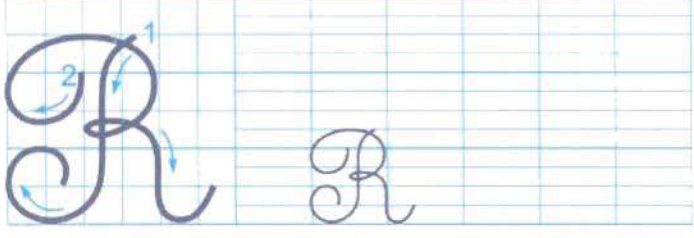

2. Viết ứng dụng : Ríu rít chim ca.

Vè chim

Hay chạy lon xon
Là gà mới nở
Vừa đi vừa nhảy
Là em sáo xinh
Hay nói linh tinh
Là con liếu điếu
Hay nghịch hay tếu
Là cậu chìa vôi
Hay chao đớp mồi
Là chim chèo bẻo
Tính hay mách lẻo
Thím khách trước nhà
Hay nhặt lân la
Là bà chim sẻ
Có tình có nghĩa
Là mẹ chim sâu
Giục hè đến mau
Là cô tu hú
Nhấp nhem buồn ngủ
Là bác cú mèo...

VÈ DÂN GIAN

- ***Vè*** : lời kể có vần.
- ***Lon xon*** : dáng chạy của trẻ nhỏ.
- ***Tếu*** : vui nhộn, gây cười.
- ***Chao*** : nghiêng mình rất nhanh từ bên này qua bên kia.
- ***Mách lẻo*** : kể chuyện riêng của người này cho người khác.
- ***Nhặt lân la*** : nhặt nhạnh lúc xa, lúc gần.
- ***Nhấp nhem*** : (mắt) lúc nhắm lúc mở.

1. Tìm tên các loài chim được kể trong bài.
2. Tìm những từ ngữ được dùng :
   a) Để gọi các loài chim. M : ***em*** sáo
   b) Để tả đặc điểm của các loài chim. M : hay ***chạy lon xon***
3. Em thích con chim nào trong bài ? Vì sao ?
4. Học thuộc lòng bài vè.

1. Nghe - viết :

Sân chim

Chim nhiều không tả xiết. Chúng đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe được nữa. Thuyền đã đi xa mà vẫn thấy chim đậu trắng xoá trên những cành cây sát sông.

Theo **ĐOÀN GIỎI**

? Tập viết trước những chữ trong bài chính tả bắt đầu bằng ***tr, s*** (hoặc những chữ có ***dấu hỏi, dấu ngã***).

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***tr*** hay ***ch*** ?

- đánh ...ống , ...ống gậy
- ...èo bẻo , leo ... èo
- quyển ...uyện , câu ...uyện.

b) ***uôt*** hay ***uôc*** ?

- uống th..., trắng m...
- bắt b..., b... miệng nói
- chải ch... , ch... lỗi

(3). a) Thi tìm những tiếng bắt đầu bằng ***ch*** hoặc ***tr*** và đặt câu với những tiếng đó.

M : trường ⟶ Em đến trường.

b) Thi tìm những tiếng có vần ***uôc*** hoặc ***uôt*** và đặt câu với những tiếng đó.

M : cuốc ⟶ Ba cuốc đất.

1. Đọc lại lời các nhân vật trong tranh dưới đây :

2. Em đáp lại lời cảm ơn trong các trường hợp sau như thế nào ?

a) Em cho bạn mượn quyển truyện. Bạn em nói : "Cảm ơn bạn. Tuần sau mình sẽ trả."

b) Em đến thăm bạn ốm. Bạn em nói : "Cảm ơn bạn. Mình sắp khỏi rồi."

c) Em rót nước mời khách đến nhà. Khách nói : "Cảm ơn cháu. Cháu ngoan quá !"

3. Đọc bài văn sau và làm bài tập :

Chim chích bông

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liến. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chắp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

Theo **TÔ HOÀI**

a) Tìm những câu tả hình dáng của chích bông.

b) Tìm những câu tả hoạt động của chích bông.

c) Viết 2,3 câu về một loài chim em thích.

Tập đọc

Một trí khôn hơn trăm trí khôn

1. Gà Rừng và Chồn là đôi bạn thân nhưng Chồn vẫn ngầm coi thường bạn. Một hôm, Chồn hỏi Gà Rừng :

- Cậu có bao nhiêu trí khôn ?

- Mình chỉ có một thôi.

- Ít thế sao ? Mình thì có hàng trăm.

2. Một buổi sáng, đôi bạn dạo chơi trên cánh đồng. Chợt thấy một người thợ săn, chúng cuống quýt nấp vào một cái hang. Nhưng người thợ săn đã thấy dấu chân của chúng. Ông reo lên : "Có mà trốn đằng trời !" Nói rồi, ông lấy gậy thọc vào hang.

Gà Rừng thấy nguy quá, bảo Chồn :

- Cậu có trăm trí khôn, nghĩ kế gì đi !

Chồn buồn bã :

- Lúc này, trong đầu mình chẳng còn một trí khôn nào cả.

3. Đắn đo một lúc, Gà Rừng nghĩ ra một mẹo, ghé tai Chồn :

- Mình sẽ làm như thế, còn cậu cứ thế nhé !

Mọi chuyện xảy ra đúng như Gà Rừng đoán. Người thợ săn lôi Gà Rừng ra, thấy cứng đờ, tưởng Gà Rừng đã chết. Ông ta quẳng nó xuống đám cỏ, rồi thọc gậy vào hang bắt Chồn. Thình lình, Gà Rừng vùng chạy. Người thợ săn đuổi theo. Chỉ chờ thế, Chồn vọt ra, chạy biến vào rừng.

4. Hôm sau, đôi bạn gặp lại nhau. Chồn bảo Gà Rừng :
- Một trí khôn của cậu còn hơn cả trăm trí khôn của mình.

Theo **TRUYỆN ĐỌC 1, 1994**

- ***Ngầm*** : kín đáo, không lộ ra ngoài.
- ***Cuống quýt*** : vội đến mức rối lên.
- ***Đắn đo*** : cân nhắc xem lợi hay hại.
- ***Thình lình*** : bất ngờ.

1. Tìm những câu nói lên thái độ của Chồn coi thường Gà Rừng.
2. Khi gặp nạn, Chồn như thế nào ?
3. Gà Rừng nghĩ ra mẹo gì để cả hai thoát nạn ?
4. Thái độ của Chồn đối với Gà Rừng thay đổi ra sao ?
5. Chọn một tên khác cho câu chuyện theo gợi ý dưới đây :
   a) Gặp nạn mới biết ai khôn.
   b) Chồn và Gà Rừng.
   c) Gà Rừng thông minh.

Kể chuyện

1. Đặt tên cho từng đoạn câu chuyện *Một trí khôn hơn trăm trí khôn.*

M : - Đoạn 1 : Chú Chồn kiêu ngạo.
- Đoạn 2 : Trí khôn của Chồn.

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện trên.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

1. Nghe - viết : *Một trí khôn hơn trăm trí khôn* (từ *Một buổi sáng...* đến *lấy gậy thọc vào hang.)*

(?) - Tìm câu nói của người thợ săn.
- Cho biết câu nói ấy được đặt trong dấu gì.

(2). Tìm các tiếng :

a) Bắt đầu bằng ***r, d*** hoặc ***gi***, có nghĩa như sau :

- Kêu lên vì vui mừng.
- Cố dùng sức để lấy về.
- Rắc hạt xuống đất để mọc thành cây.

b) Có ***thanh hỏi*** hoặc ***thanh ngã***, có nghĩa như sau :

- Ngược lại với *thật*.
- Ngược lại với *to*.
- Đường nhỏ và hẹp trong làng xóm, phố phường.

(3). a) Điền vào chỗ trống *r, d* hay *gi* ?

Tiếng chim cùng bé tưới hoa
Mát trong từng ...*ọt* nước hoà tiếng chim.
Vòm cây xanh, đố bé tìm
Tiếng nào ...*iêng* ...*ũa* trăm nghìn tiếng chung.

ĐỊNH HẢI

b) Ghi vào những chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã* ?

Vắng từ vườn xa
Chim cành ***tho the***
Ríu rít đầu nhà
Tiếng bầy se sẻ.

Em đứng ***ngân*** ngơ
Nghe bầy chim hót
Bầu trời cao vút
Trong lời chim ca.

THANH QUẾ

Chim rừng Tây Nguyên

Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ Y-rơ-pao rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông.

Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít. Chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn cùng hoà âm. Bầy thiên nga trắng muốt đang bơi lội. Những con chim kơ púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt cố rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo.

Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn vang cả mặt nước.

Theo **THIÊN LƯƠNG**

- ***Chao lượn*** : bay nghiêng đi nghiêng lại trên trời.
- ***Rợp*** : (bóng che) kín.
- ***Hoà âm*** : phối hợp nhiều âm thanh với nhau cùng lúc.
- ***Thanh mảnh*** : thon thả, xinh xắn.

1. Quanh hồ Y-rơ-pao có những loài chim gì ?
2. Tìm từ ngữ tả hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của từng loài chim :
   a) Chim đại bàng.
   b) Chim thiên nga.
   c) Chim kơ púc.

Luyện từ và câu

1. Nói tên các loài chim trong những tranh sau :

(đại bàng, cú mèo, chim sẻ, sáo sậu, cò, chào mào, vẹt)

2. Hãy chọn tên loài chim thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây :

a) Đen như...

b) Hôi như...

c) Nhanh như...

d) Nói như...

e) Hót như...

(vẹt, quạ, khướu, cú, cắt)

3. Chép lại đoạn văn dưới đây cho đúng chính tả sau khi thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy.

Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò ■ Chúng thường cùng ở ■ cùng ăn ■ cùng làm việc và đi chơi cùng nhau ■ Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

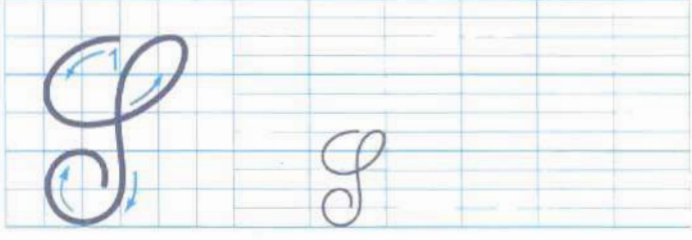

2. Viết ứng dụng : Sáo tắm thì mưa.

Cò và Cuốc

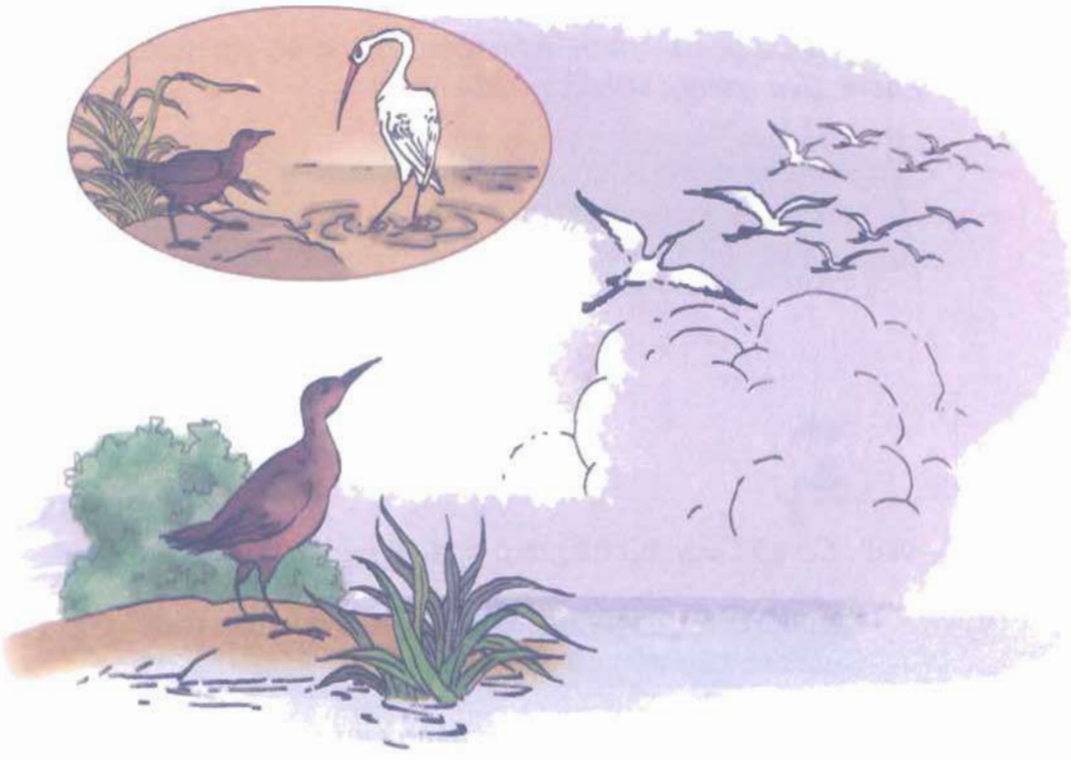

Cò đang lội ruộng bắt tép. Cuốc thấy vậy từ trong bụi rậm lần ra, hỏi :

- Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn bẩn hết áo trắng sao ?

Cò vui vẻ trả lời :

- Khi làm việc, ngại gì bẩn hở chị ?

Cuốc bảo :

- Em sống trong bụi cây dưới đất, nhìn lên trời xanh, thấy các anh chị trắng phau phau, đôi cánh dập dờn như múa, không nghĩ cũng có lúc chị phải khó nhọc thế này.

Cò trả lời :

- Phải có lúc vất vả lội bùn mới có khi được thảnh thơi bay lên trời cao. Còn áo bẩn muốn sạch thì khó gì !

Kiếm ăn xong, Cò tắm rửa, tấm áo lại trắng tinh, rồi cất cánh bay, đôi cánh dập dờn như múa.

Theo **NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG**

- ***Cuốc*** : loài chim nhỏ sống ở bụi cây gần nước, chỉ bay là là mặt đất thường kêu "cuốc, cuốc".
- ***Trắng phau phau*** : trắng hoàn toàn, không có vệt màu khác.
- ***Thảnh thơi*** : nhàn, không lo nghĩ nhiều.

1. Thấy Cò lội ruộng, Cuốc hỏi thế nào ?
2. Vì sao Cuốc lại hỏi như vậy ?
3. Câu trả lời của Cò chứa một lời khuyên. Lời khuyên ấy là gì ?

Chính tả

1. Nghe - viết : *Cò và Cuốc* (từ đầu đến *ngại gì bẩn hở chị ?*)

- Câu nói của Cò và Cuốc được đặt sau dấu câu nào ?
- Cuối các câu trên có dấu câu gì ?

(2). Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau :

a) - riêng, giêng
- dơi, rơi
- dạ, rạ

b) - rẻ, rẽ
- mở, mỡ
- củ, cũ

(3). Thi tìm nhanh :

a) Các tiếng bắt đầu bằng ***r*** (hoặc ***d, gi***).

b) Các tiếng có ***thanh hỏi*** (hoặc ***thanh ngã***).

1. Đọc lời các nhân vật trong tranh dưới đây :

2. Em đáp lại lời xin lỗi trong các trường hợp sau như thế nào ?

a) Một bạn vội, nói với em trên cầu thang : "Xin lỗi. Cho tớ đi trước một chút ."
b) Một bạn vô ý đụng người vào em, vội nói : "Xin lỗi. Tớ vô ý quá !"
c) Một bạn nghịch, làm mực bắn vào áo em, xin lỗi em : "Xin lỗi bạn. Mình lỡ tay thôi."
d) Bạn xin lỗi em vì quên mang sách trả em : "Xin lỗi cậu. Tớ quên mang sách trả cậu rồi. "

3. Các câu dưới đây tả con chim gáy. Hãy sắp xếp lại thứ tự của chúng để tạo thành một đoạn văn :

a) Cổ chú điểm những đốm cườm trắng rất đẹp.
b) Một chú chim gáy sà xuống chân ruộng vừa gặt.
c) Thỉnh thoảng, chú cất tiếng gáy "cúc cù... cu", làm cho cánh đồng quê thêm yên ả.
d) Chú nhẩn nha nhặt thóc rơi bên từng gốc rạ.

MUÔNG THÚ

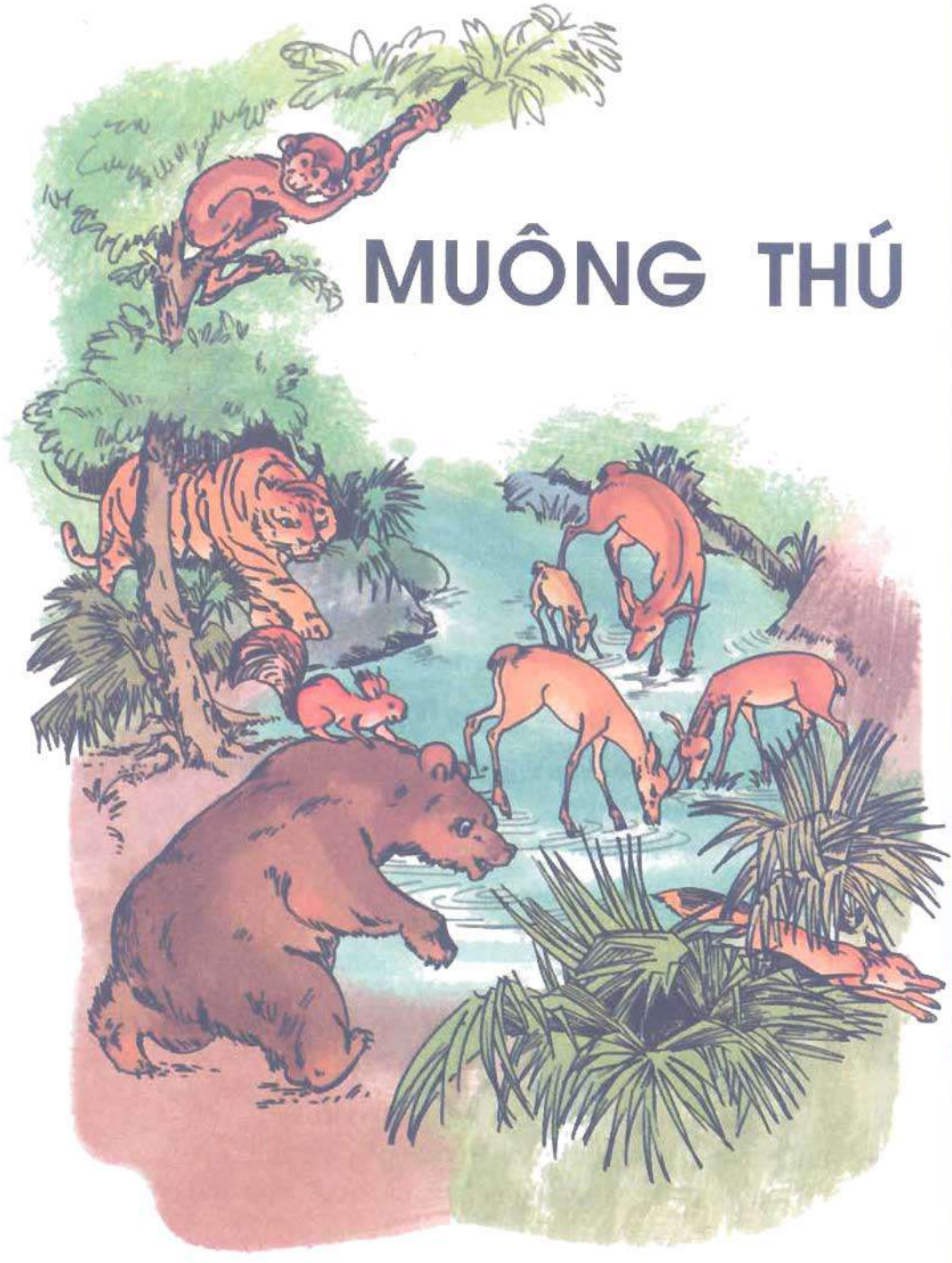

Tập đọc

Bác sĩ Sói

1. Thấy Ngựa đang ăn cỏ, Sói thèm rỏ dãi. Nó toan xông đến ăn thịt Ngựa, nhưng lại sợ Ngựa chạy mất. Nó bèn kiếm một cặp kính đeo lên mắt, một ống nghe cặp vào cổ, một áo choàng khoác lên người, một chiếc mũ thêu chữ thập đỏ chụp lên đầu. Xong, nó khoan thai tiến về phía Ngựa.

2. Sói đến gần, Ngựa mới phát hiện ra. Biết là cuống lên thì chết, Ngựa bình tĩnh đợi xem Sói giở trò gì.

Sói đến gần Ngựa, giả giọng hiền lành, bảo :

- Bên xóm mời ta sang khám bệnh. Ta đi ngang qua đây, nếu cậu có bệnh, ta chữa giúp cho.

Ngựa lễ phép :

- Cảm ơn bác sĩ. Cháu đau chân quá. Ông làm ơn chữa giúp cho. Hết bao nhiêu tiền, cháu xin chịu.

Sói đáp :

- Chà ! Chà ! Chữa làm phúc, tiền với nong gì. Đau thế nào ? Lại đây ta xem.

- Đau ở chân sau ấy ạ. Phiền ông xem giúp.

3. Sói mừng rơn, mon men lại phía sau, định lựa miếng đớp sâu vào đùi Ngựa cho Ngựa hết đường chạy.

Ngựa nhón nhón chân sau, vờ rên rỉ. Thấy Sói đã cúi xuống đúng tầm, nó tung vó đá một cú trời giáng, làm Sói bật ngửa, bốn cẳng huơ giữa trời, kính vỡ tan, mũ văng ra...

Theo **LA PHÔNG-TEN**
(Huỳnh Lý *dịch*)

- ***Khoan thai*** : thong thả, không vội vã.
- ***Phát hiện*** : nhận ra, tìm ra.
- ***Bình tĩnh*** : không sợ hãi hoặc nóng vội.
- ***Làm phúc*** : giúp người khác không lấy tiền của.
- ***Đá một cú trời giáng*** : đá một cái rất mạnh.

1. Từ ngữ nào tả sự thèm thuồng của Sói khi thấy Ngựa ?
2. Sói làm gì để lừa Ngựa ?
3. Ngựa đã bình tĩnh giả đau như thế nào ?
4. Tả lại cảnh Sói bị Ngựa đá.
5. Chọn tên khác cho truyện theo gợi ý dưới đây :
   a) Sói và Ngựa.
   b) Lừa người lại bị người lừa.
   c) Anh Ngựa thông minh.

Kể chuyện

1. Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện *Bác sĩ Sói* :

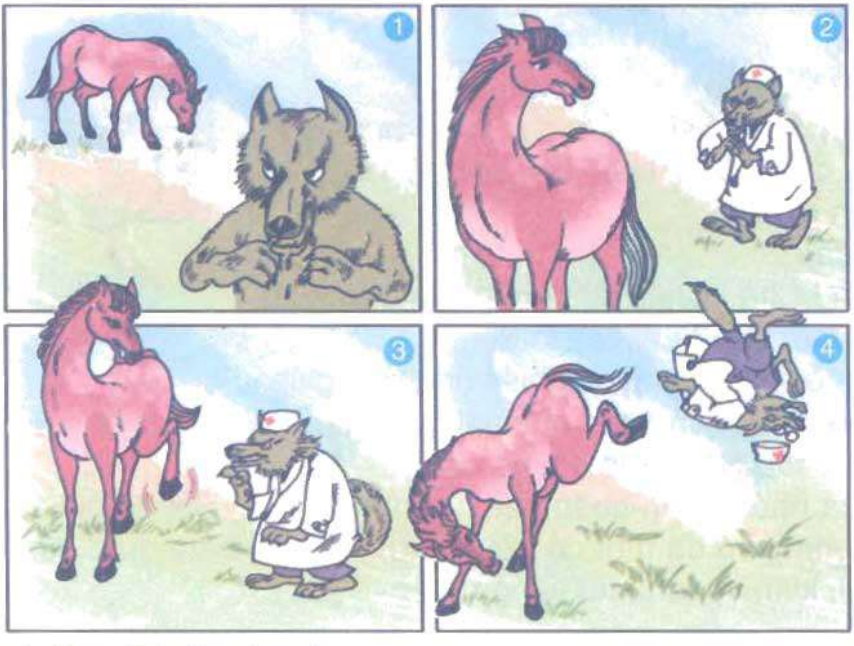

2. Phân vai, dựng lại câu chuyện.

Chính tả

1. Tập chép

Bác sĩ Sói

Muốn ăn thịt Ngựa, Sói giả làm bác sĩ, đến gần Ngựa, bảo : "Có bệnh, ta chữa giúp cho." Ngựa biết mưu của Sói, vờ nhờ Sói khám giúp chân sau. Sói định cắn vào chân cho Ngựa hết chạy, nhưng Ngựa đã kịp thời tung vó, đá cho Sói một cú trời giáng.

? - Tìm tên riêng trong bài chính tả.
- Lời của Sói được đặt trong dấu gì ?

(2). Chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) - *(lối, nối)* : ... liền , ... đi
- *(lửa, nửa)* : ngọn ... , một ...

b) - *(ước, ướt)* : ... mong , khăn ...
- (lược, lượt) : lần ... , cái ...

(3). Thi tìm nhanh các từ :

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng ***l*** (hoặc ***n***).

b) Chứa tiếng có vần ***ươc*** (hoặc ***ươt***).

Tập đọc

Nội quy Đảo Khỉ

Sau một lần đi chơi xa, Khỉ Nâu về quê nhà. Cảnh vật nhiều thay đổi. Thấy một tấm biển lớn ngay bến tàu, Khỉ Nâu bèn theo mấy khách du lịch đến xem.

NỘI QUY ĐẢO KHỈ

Đảo Khỉ là khu vực bảo tồn loài khỉ.

Khách đến tham quan Đảo Khỉ cần thực hiện những điều quy định dưới đây :

1. Mua vé tham quan trước khi lên đảo.
2. Không trêu chọc thú nuôi trong chuồng.
3. Không cho thú ăn các loại thức ăn lạ.
4. Giữ gìn vệ sinh chung trên đảo.

Ngày 15 tháng 1 năm 1990

BAN QUẢN LÍ ĐIỂM DU LỊCH ĐẢO KHỈ

Đọc xong, Khỉ Nâu cười khành khạch tỏ vẻ khoái chí.

NGUYỄN TRUNG

:

- ***Du lịch*** : đi chơi xa cho biết đó biết đây.
- ***Nội quy*** : những điều quy định mà mọi người phải theo.
- ***Bảo tồn*** : giữ lại, không để mất đi.
- ***Tham quan*** : xem, thăm một nơi để mở rộng hiểu biết.
- ***Quản lí*** : trông coi và giữ gìn.
- ***Khoái chí*** : thích thú.

?

1. Nội quy Đảo Khỉ có mấy điều ?
2. Em hiểu những điều quy định nói trên như thế nào ?
3. Vì sao đọc xong nội quy, Khỉ Nâu lại khoái chí ?

Luyện từ và câu

1. Xếp tên các con vật dưới đây vào nhóm thích hợp :

a) Thú dữ, nguy hiểm M : hổ

b) Thú không nguy hiểm M : thỏ

(hổ, báo, gấu, lợn lòi, chó sói, sư tử, thỏ, ngựa vằn, bò rừng, khỉ, vượn, tê giác, sóc, chồn, cáo, hươu)

2. Dựa vào hiểu biết của em về các con vật, trả lời những câu hỏi sau :

a) Thỏ chạy như thế nào ?

b) Sóc chuyền từ cành này sang cành khác như thế nào ?

c) Gấu đi như thế nào ?

d) Voi kéo gỗ như thế nào ?

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm dưới đây :

a) Trâu cày **rất khoẻ**. M : Trâu cày như thế nào ?

b) Ngựa phi **nhanh như bay**.

c) Thấy một chú ngựa béo tốt đang ăn cỏ, Sói thèm **rỏ dãi**.

d) Đọc xong nội quy, Khỉ Nâu cười **khành khạch**.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

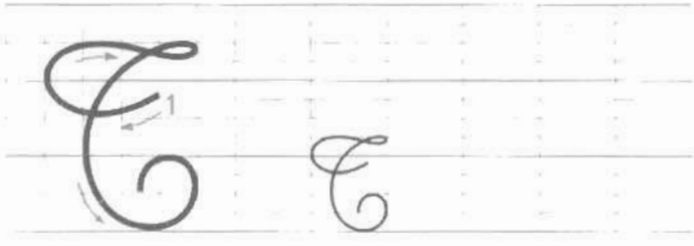

2. Viết ứng dụng : Thẳng như ruột ngựa.

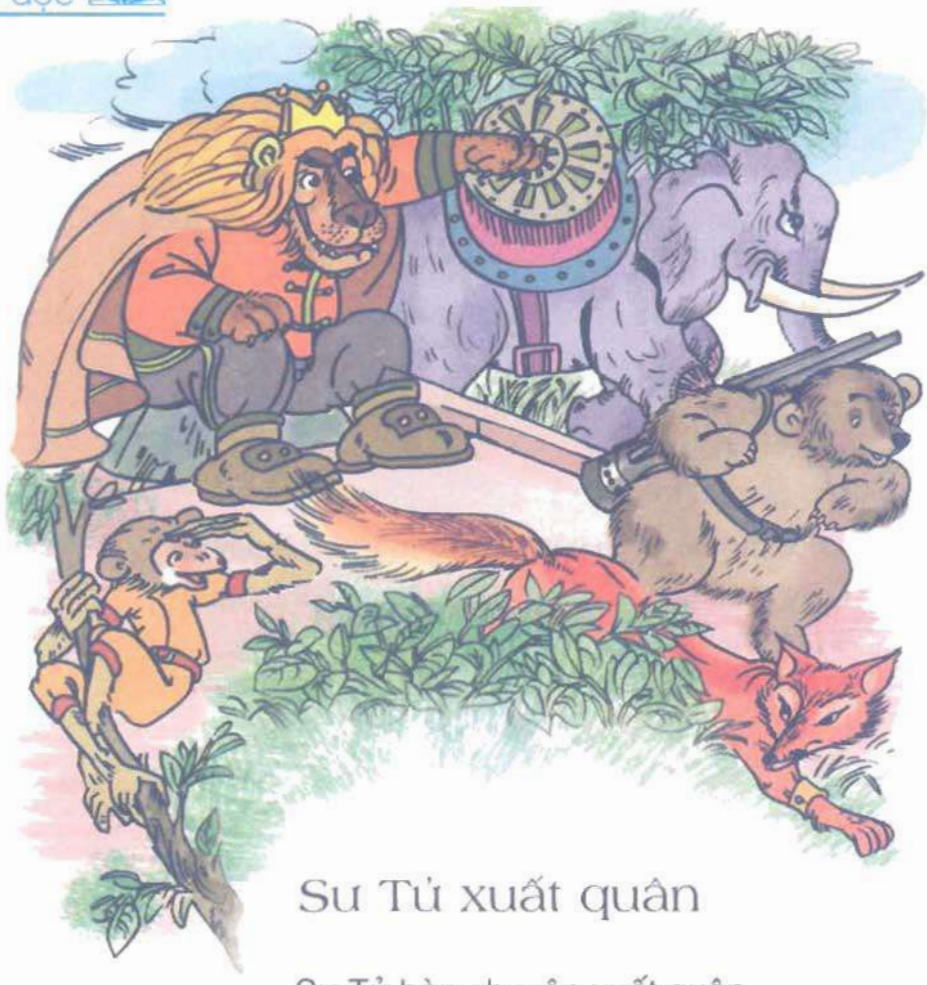

Sư Tử xuất quân

Sư Tử bàn chuyện xuất quân
Muốn sao cho khắp thần dân trổ tài
Nhỏ to, khoẻ yếu muôn loài
Ai ai cũng được tuỳ tài lập công :
Voi vận tải trên lưng quân bị
Vào trận sao cho khoẻ như voi.
Công đồn, Gấu phải kịp thời,
Cáo nhiều mưu kế tính bài quân cơ.
Mẹo lừa địch, phải nhờ chú Khỉ...

Bỗng có người nảy ý tâu Vua :
"Người ta bảo ngốc như Lừa
Nhát như Thỏ Đế, xin chưa vội dùng."
"Không ! - Vua phán - Trẫm dùng cả chứ !
Loại họ ra, đội ngũ không yên
Anh Lừa lo chuyện gạo tiền,
Giấy tờ Thỏ chạy giao liên tài tình."
Đã rằng khiển tướng, điều binh
Nhìn người giao việc cho tinh mới tài.

Phỏng theo **LA PHÔNG-TEN**
(Nguyễn Minh *dịch*)

- ***Xuất quân*** : đưa quân đi đánh giặc.
- ***Thần dân*** : người dân ở nước có vua.
- ***Quân bị*** : các vật dùng của quân đội.
- ***Công đồn*** : đánh đồn.
- ***Quân cơ*** : việc quan trọng, bí mật của quân đội.
- ***Giao liên*** : liên lạc.
- ***Khiển tướng, điều binh*** : chỉ huy quân đội.

1. Sư Tử muốn giao việc cho thần dân theo cách nào ?
2. Voi, Gấu, Cáo, Khỉ được giao những việc gì ?
3. Vì sao Sư Tử vẫn giao việc cho Lừa và Thỏ ?
4. Chọn một tên khác cho bài thơ theo gợi ý dưới đây :
   a) Ông vua khôn ngoan.
   b) Nhìn người giao việc.
   c) Ai cũng có ích.
5. Học thuộc lòng bài thơ.

1. Nghe - viết

Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên

Hằng năm, cứ đến mùa xuân, đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tưng bừng mở hội đua voi. Hàng trăm con voi nục nịch kéo đến. Mặt trời chưa mọc, từ các buôn, bà con đã nườm nượp đổ ra. Các chị mặc những chiếc váy thêu rực rỡ, cổ đeo vòng bạc...

Theo **LÊ TẤN**

? Những chữ nào trong bài chính tả được viết hoa ? Vì sao ?

(2). a) Điền vào chỗ trống ***l*** hay ***n*** ?

...ăm gian ...ều cỏ thấp ...e te
Ngõ tối đêm sâu đóm lập ...oè
...ưng giậu phất phơ màu khói nhạt
...àn ao lóng ...ánh bóng trăng ...oe.

NGUYỄN KHUYẾN

b) Tìm những tiếng có nghĩa để điền vào ô trống :

Âm đầu / Vần	b	r	l	m	th	tr
ươt		rượt				
ươc	bước					

1. Đọc lời các nhân vật trong tranh sau :

2. Nói lời đáp của em :

a) - Mẹ ơi, đây có phải con hươu sao không ạ ?
- Phải đấy, con ạ.
- ...

M : - Trông nó dễ thương quá !
- Nó giống con hươu trong phim thế, mẹ nhỉ ?
- Nó xinh quá !

b) - Con báo có trèo cây được không ạ ?
- Được chứ ! Nó trèo giỏi lắm.
- ...

c) - Thưa bác, bạn Lan có nhà không ạ ?
- Có. Lan đang học bài ở trên gác.
- ...

3. Đọc và chép lại từ 2 đến 3 điều trong nội quy của trường em.

Tập đọc

Quả tim khỉ

1. Một ngày nắng đẹp, đang leo trèo trên hàng dừa ven sông, Khỉ bỗng nghe một tiếng quẫy mạnh dưới nước. Một con vật da sần sùi, dài thượt, nhe hàm răng nhọn hoắt như một lưỡi cưa sắc, trườn lên bãi cát.

Nó nhìn Khỉ bằng cặp mắt ti hí với hai hàng nước mắt chảy dài. Khỉ ngạc nhiên :

- Bạn là ai ? Vì sao bạn khóc ?

- Tôi là Cá Sấu. Tôi khóc vì chả ai chơi với tôi.

Khỉ nghe vậy, mời Cá Sấu kết bạn.

Từ đó, ngày nào Cá Sấu cũng đến, ăn những hoa quả mà Khỉ hái cho.

2. Một hôm, Cá Sấu mời Khỉ đến chơi nhà. Khỉ nhận lời, ngồi lên lưng Cá Sấu. Bơi đã xa bờ, Cá Sấu mới bảo :

- Vua của chúng tôi ốm nặng, phải ăn một quả tim khỉ mới khỏi. Tôi cần quả tim của bạn.

Khỉ nghe vậy hết sức hoảng sợ. Nhưng rồi trấn tĩnh lại, nó bảo :

- Chuyện quan trọng vậy mà bạn chẳng bảo trước. Quả tim tôi để ở nhà. Mau đưa tôi về, tôi sẽ lấy tim dâng lên vua của bạn.

3. Cá Sấu tưởng thật, liền đưa Khỉ trở lại bờ. Tới nơi, Khỉ đu vút lên cành cây, mắng :

- Con vật bội bạc kia ! Đi đi ! Chẳng ai thèm kết bạn với những kẻ giả dối như mi đâu.

4. Cá Sấu tẽn tò, lặn sâu xuống nước, lủi mất.

Theo **TRUYỆN ĐỌC 1, 1994**

- ***Dài thượt*** : dài quá mức bình thường.
- ***Ti hí*** : (mắt) quá hẹp, nhỏ.
- ***Trấn tĩnh*** : lấy lại bình tĩnh.
- ***Bội bạc*** : xử tệ với người đã cứu giúp mình.
- ***Tẽn tò*** : xấu hổ (mắc cỡ).

1. Khỉ đối xử với Cá Sấu như thế nào ?
2. Cá Sấu định lừa Khỉ như thế nào ?
3. Khỉ nghĩ ra mẹo gì để thoát nạn ?
4. Tại sao Cá Sấu lại tẽn tò, lủi mất ?
5. Hãy tìm những từ nói lên tính nết của hai con vật :
   - Khỉ
   - Cá Sấu

Kể chuyện

1. Dựa vào các bức tranh sau, hãy kể từng đoạn câu chuyện *Quả tim khỉ* :

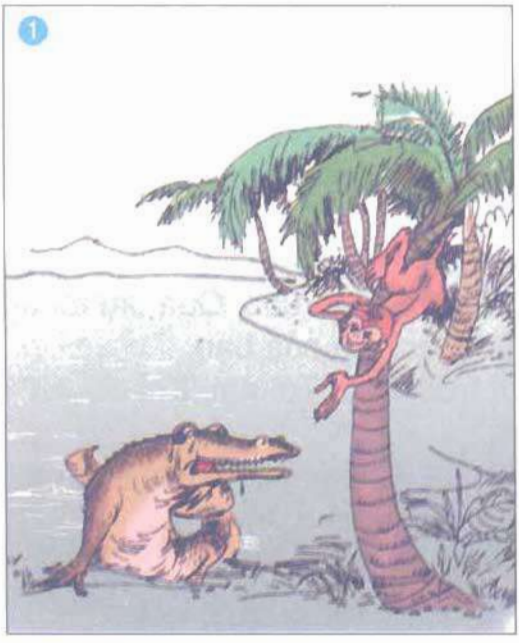

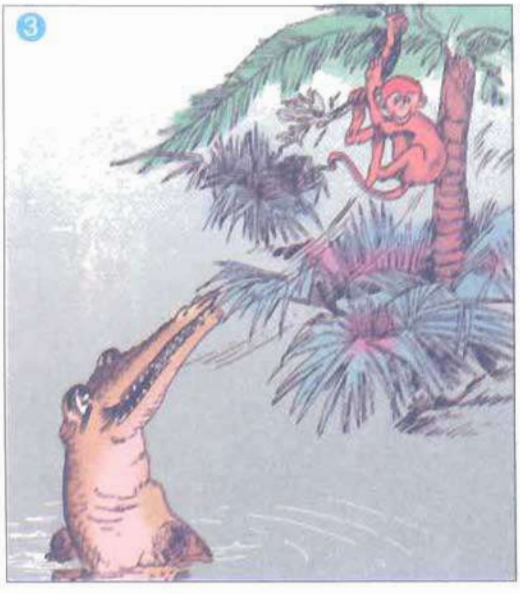

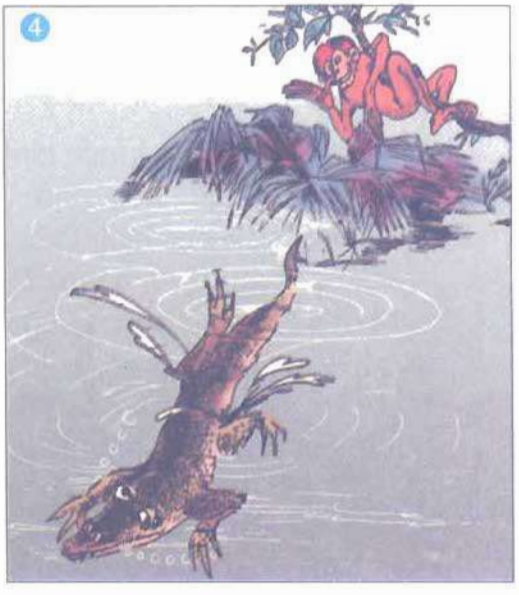

2. Phân vai, dựng lại câu chuyện.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Quả tim khỉ* (từ *Bạn là ai ? ...* đến *hoa quả mà Khỉ hái cho.)*

? - Những chữ nào trong bài chính tả phải viết hoa ? Vì sao ?
- Tìm lời của Khỉ và của Cá Sấu. Những lời nói ấy đặt sau dấu gì ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***s*** hay ***x*** ?
- ... ay sưa , ...ay lúa
- ...ông lên, dòng ...ông

b) ***ut*** hay ***uc*** ?
- ch...́ mừng , chăm ch...́
- l..̣ lội, l..̣ lọi

(3). a) Tên nhiều con vật thường bắt đầu bằng ***s*** : sói, sẻ, sứa,...

Em hãy tìm thêm các tên khác.

b) Tìm tiếng có vần ***uc*** hoặc vần ***ut***, có nghĩa như sau :
- Co lại.
- Dùng xẻng lấy đất, đá, cát,...
- Chọi bằng sừng hoặc đầu.

Tập đọc

Gấu trắng là chúa tò mò

Ở Bắc Cực, hầu hết các con vật đều có bộ lông trắng : chim ưng trắng, cú trắng, thỏ trắng, đến gấu cũng trắng nốt. Gấu trắng là con vật to khoẻ nhất. Nó cao gần 3 mét và nặng tới 800 ki-lô-gam.

Đặc biệt, gấu trắng rất tò mò.

Có lần, một thuỷ thủ rời tàu đi dạo. Trên đường trở về, thấy một con gấu trắng đang xông tới, anh khiếp đảm bỏ chạy. Gấu đuổi theo. Sực nhớ là con vật này có tính tò mò, anh ném lại cái mũ.

Thấy mũ, gấu dừng lại, đánh hơi, lấy chân lật qua lật lại chiếc mũ. Xong, nó lại đuổi. Anh thuỷ thủ vứt tiếp găng tay, khăn, áo choàng... Mỗi lần như vậy, gấu đều dừng lại, tò mò xem xét. Nhưng vì nó chạy rất nhanh nên suýt nữa thì tóm được anh. May mà anh đã kịp nhảy lên tàu, vừa sợ vừa rét run cầm cập.

Theo **LÊ QUANG LONG, NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

- ***Bắc Cực*** : nơi tận cùng ở phía bắc Trái Đất, quanh năm giá lạnh.
- ***Thuỷ thủ*** : người làm việc trên tàu thuỷ.
- ***Khiếp đảm*** : quá sợ hãi.

1. Hình dáng của gấu trắng như thế nào ?
2. Tính nết của gấu trắng có gì đặc biệt ?
3. Người thuỷ thủ đã làm cách nào để khỏi bị gấu vồ ?

Luyện từ và câu

1. Chọn cho mỗi con vật trong tranh vẽ bên một từ chỉ đúng đặc điểm của nó :
tò mò, nhút nhát, dữ tợn, tinh ranh, hiền lành, nhanh nhẹn.

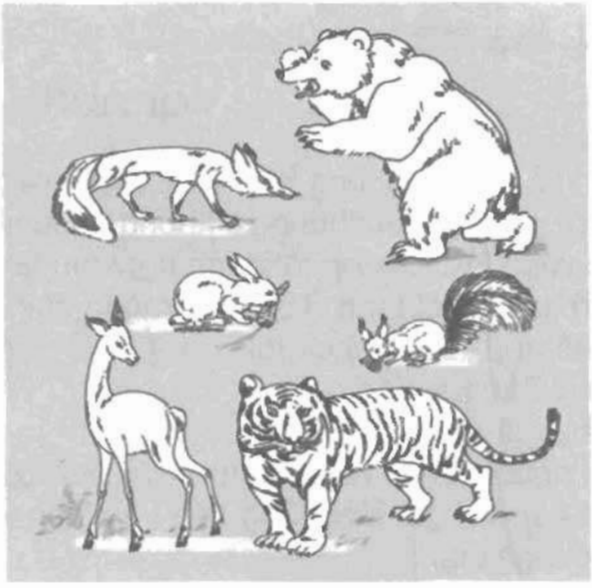

2. Hãy chọn tên con vật thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây :

a) Dữ như...
b) Nhát như...
(thỏ, voi, hổ (cọp), sóc)
c) Khoẻ như...
d) Nhanh như...

3. Điền *dấu chấm* hay *dấu phẩy* vào ô trống ?

Từ sáng sớm ▢ Khánh và Giang đã náo nức chờ đợi mẹ cho đi thăm vườn thú ▢ Hai chị em mặc quần áo đẹp, hớn hở chạy xuống cầu thang ▢ Ngoài đường ▢ người và xe đi lại như mắc cửi. Trong vườn thú ▢ trẻ em chạy nhảy tung tăng.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

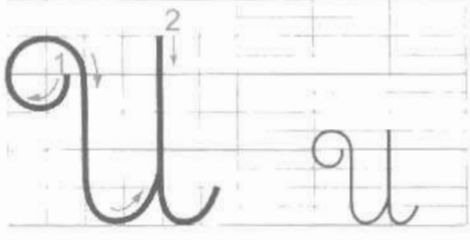

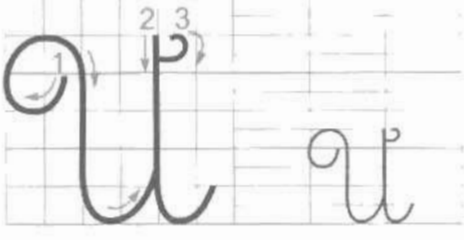

2. Viết ứng dụng : Ươm cây gây rừng.

Voi nhà

Gần tối, cơn mưa rừng ập xuống. Chiếc xe của chúng tôi bỗng khựng lại.

Tứ rú ga mấy lần nhưng xe không nhúc nhích. Hai bánh trước đã vục xuống vũng lầy. Chúng tôi đành ngồi thu lu trong xe, chịu rét qua đêm.

Gần sáng, trời tạnh. Tứ nhảy xuống nhìn, lắc đầu :

- Thế này thì hết cách rồi !

Bỗng Cần kêu lên :

- Chạy đi ! Voi rừng đấy !

Mọi người vội vã nép vào lùm cây ven đường.

Một con voi già lừng lững tiến về chiếc xe. Tứ chộp lấy khẩu súng. Cần vội ngăn lại :

- Không được bắn !

Con voi lúc lắc vòi ra hiệu điều gì đó, rồi đến trước mũi xe.

Tứ lo lắng :

- Nó đập tan xe mất. Phải bắn thôi !

Nhưng kìa, con voi quặp chặt vòi vào đầu xe và co mình lôi mạnh chiếc xe qua vũng lầy. Lôi xong, nó huơ vòi về phía lùm cây rồi lững thững đi theo hướng bản Tun.

Thật may cho chúng tôi đã gặp được voi nhà.

Theo **NGUYỄN TRẦN BÉ**

- ***Voi nhà*** : voi được người nuôi, dạy để làm một số việc.
- ***Khựng lại*** : dừng lại đột ngột vì một tác động bất ngờ.
- ***Rú ga*** : tăng thêm ga cho máy nổ mạnh.
- ***Vục (xuống vũng)*** : chúi ngập hẳn xuống.
- ***Thu lu*** : thu mình gọn nhỏ lại.
- ***Lừng lững*** : to lớn và như từ đâu hiện ra trước mắt, gây ấn tượng đáng sợ.

1. Vì sao những người trên xe phải ngủ đêm trong rừng ?
2. Mọi người lo lắng như thế nào khi thấy con voi đến gần xe ?
3. Con voi đã giúp họ thế nào ?

Chính tả

1. **Nghe - viết :** *Voi nhà* (từ *Con voi lúc lắc vòi...* đến *hướng bản Tun.*)

- Tìm câu có ***dấu gạch ngang*** và câu có ***dấu chấm than***.
- Viết các tiếng **huơ, quặp**.

(2). a) Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- *(xâu, sâu)* : ... bọ, ... kim
- *(sắn, xắn)* : củ ... , ... tay áo
- *(xinh, sinh)* : ... sống , ... đẹp
- *(sát, xát)* : ... gạo , ... bên cạnh

b) Tìm những tiếng có nghĩa để điền vào ô trống :

Vần \ Âm đầu	l	r	s	th	nh
ut	lụt				
uc					

1. Đọc lời các nhân vật trong tranh dưới đây :

2. Nói lời đáp của em :

a) - Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ.
- Rất tiếc, cô không biết, vì cô không phải người ở đây.
- ...

b) - Bố ơi, bố có mua được sách cho con không ?
- Bố chưa mua được đâu.
- ...

c) - Mẹ có đỡ mệt không ạ ?
- Mẹ chưa đỡ mấy.
- ...

3. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

Vì sao ?

a) Lần đầu về quê chơi, cô bé thấy thế nào ?
b) Cô bé hỏi cậu anh họ điều gì ?
c) Cậu bé giải thích vì sao bò không có sừng ?
d) Thực ra con vật mà cô bé nhìn thấy là con gì ?

SÔNG BIỂN

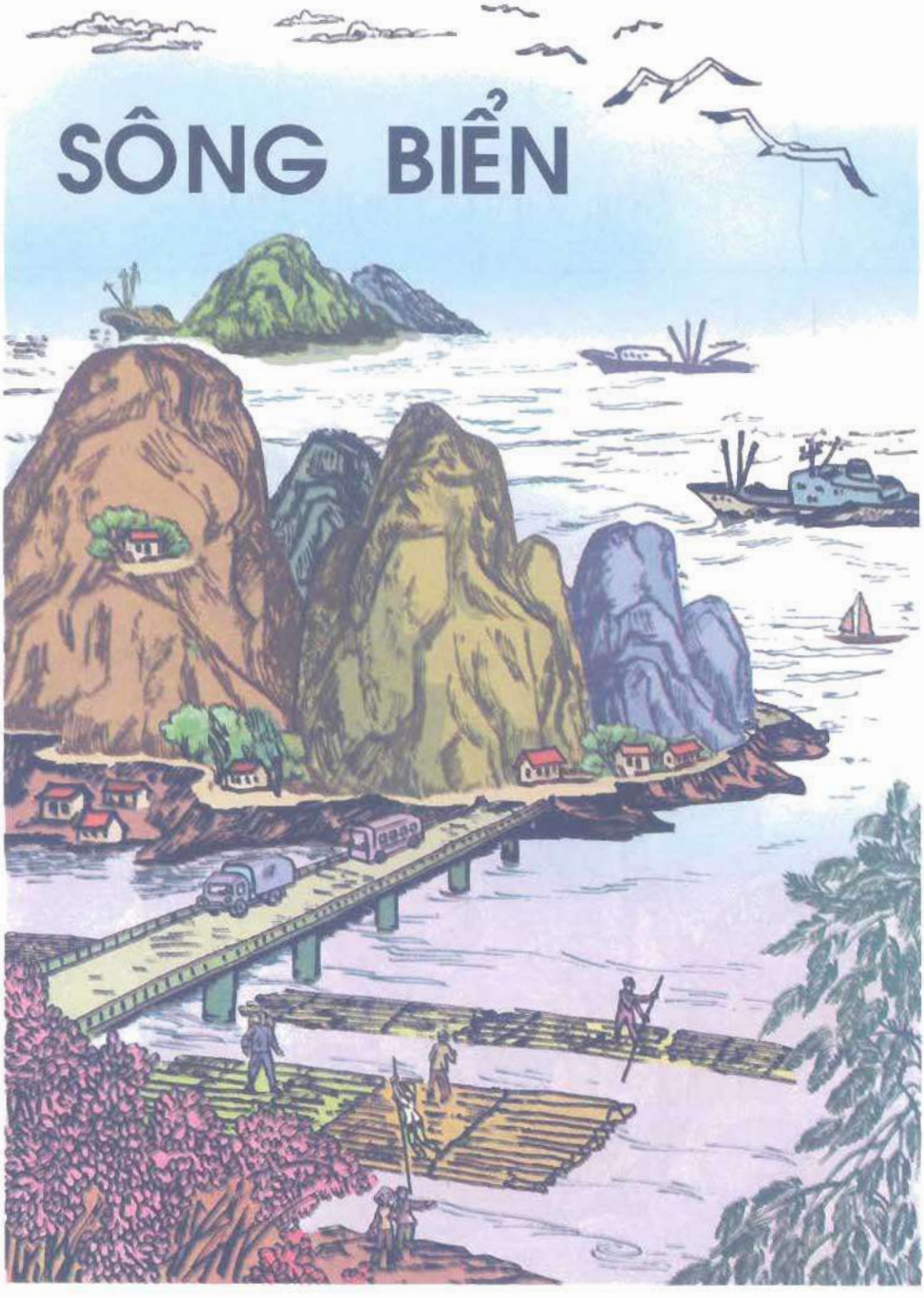

Tập đọc

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh

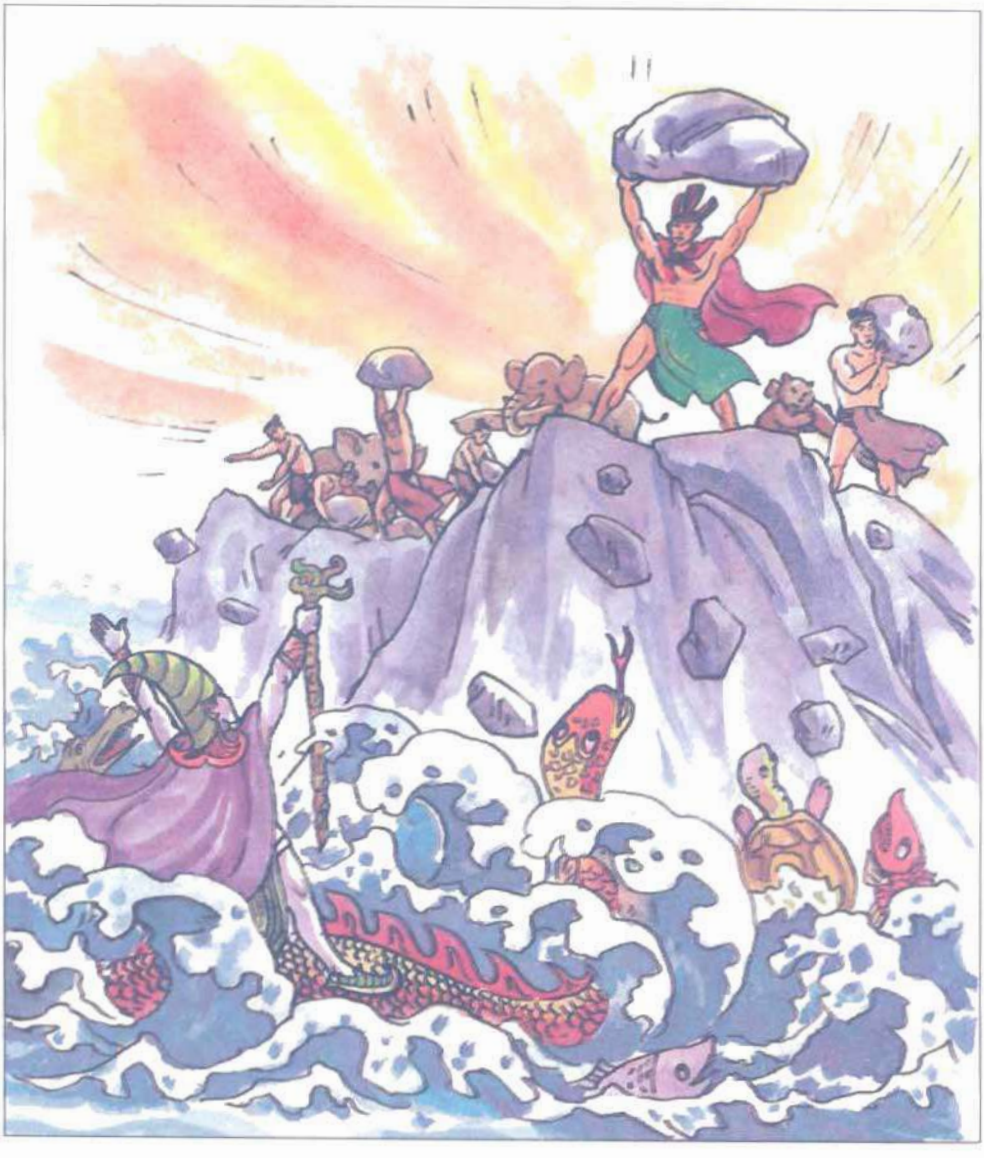

1. Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái đẹp tuyệt trần, tên là Mị Nương. Nhà vua muốn kén cho công chúa một người chồng tài giỏi.

Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn công chúa. Một người là Sơn Tinh, chúa miền non cao, còn người kia là Thuỷ Tinh, vua vùng nước thẳm.

2. Hùng Vương chưa biết chọn ai, bèn nói :

- Ngày mai, ai đem lễ vật đến trước thì được lấy Mị Nương. Hãy đem đủ một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao.

Hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước và được đón dâu về.

3.Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương, đùng đùng tức giận, cho quân đuổi đánh Sơn Tinh. Thuỷ Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuồn cuộn. Nhà cửa, ruộng đồng chìm trong biển nước. Sơn Tinh hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Thuỷ Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại nâng đồi núi cao lên bấy nhiêu. Cuối cùng, Thuỷ Tinh đuối sức, đành phải rút lui.

Từ đó, năm nào Thuỷ Tinh cũng dâng nước đánh Sơn Tinh, gây lũ lụt khắp nơi nhưng lần nào Thuỷ Tinh cũng chịu thua.

Theo **TRUYỆN CỔ VIỆT NAM**

(:)

- ***Cầu hôn*** : xin lấy người con gái làm vợ.
- ***Lễ vật*** : đồ vật để biếu, tặng, cúng.
- ***Ván*** : tấm gỗ phẳng và mỏng để bày thức ăn lên.
- ***Nệp (dệp)*** : đồ đan bằng tre nứa để đựng thức ăn.
- ***Ngà*** : răng nanh của voi mọc dài chìa ra ngoài miệng.
- ***Cựa*** : móng nhọn ở phía sau chân gà trống.
- ***Hồng mao*** : bờm (ngựa).

(?)

1. Những ai đến cầu hôn Mị Nương ?
2. Hùng Vương phân xử việc hai vị thần cùng cầu hôn như thế nào ?
3. Kể lại cuộc chiến đấu giữa hai vị thần.
4. Câu chuyện này nói lên điều gì có thật ?
   a) Mị Nương rất xinh đẹp.
   b) Sơn Tinh rất tài giỏi.
   c) Nhân dân ta chống lũ lụt rất kiên cường.

Kể chuyện

1. **Sắp xếp lại thứ tự các tranh bên theo nội dung câu chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*.**
2. **Dựa vào kết quả của bài tập 1, hãy kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.**
3. **Kể lại toàn bộ câu chuyện.**

Chính tả

1. Tập chép : *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (từ đầu đến... *cầu hôn công chúa.)*

? Tìm và viết các tên riêng có trong bài chính tả.

(2). a) Điền vào chỗ trống ***ch*** hay ***tr*** ?

- ...ú mưa - ...uyền tin - ...ở hàng
- ...ú ý - ...uyền cành - ...ở về

b) Ghi vào những chữ in đậm ***dấu hỏi*** hay ***dấu ngã*** ?

- số ***chăn*** - chăm ***chi*** - mệt ***moi***
- số ***le*** - lỏng ***leo*** - buồn ***ba***

(3). Thi tìm từ ngữ

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng ***ch*** (hoặc ***tr***). M : chổi rơm

b) Chứa tiếng có ***thanh hỏi*** (hoặc ***thanh ngã***). M : ngõ hẹp

Dự báo thời tiết

- Phía tây Bắc Bộ :
  Ngày nắng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 28 đến 34 độ.
- Phía đông Bắc Bộ :
  Ngày nắng. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 26 đến 31 độ.
- Các tỉnh từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế :
  Ngày nắng, có nơi có mưa rào rải rác. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 25 đến 33 độ.
- Các tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận :
  Ngày nắng, nóng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 28 đến 34 độ.
- Các tỉnh Tây Nguyên :
  Ngày nắng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 20 đến 31 độ.
- Các tỉnh Nam Bộ :
  Ngày nắng. Chiều tối có mưa rào rải rác. Gió tây nam cấp 3, cấp 4. Nhiệt độ từ 26 đến 33 độ.
- Khu vực Hà Nội :
  Ngày nắng, đêm không mưa. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3 . Nhiệt độ từ 27 đến 32 độ.

Theo **BẢN TIN CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 9 năm 2002

(:)

- ***Dự báo*** : báo trước.
- ***Thời tiết*** : tình hình mưa, nắng, nóng, lạnh,...
- ***Gió tây*** : gió thổi từ phía tây lại.
- ***Nhiệt độ*** : độ nóng, lạnh.
- ***Gió đông bắc*** : gió thổi từ phía đông bắc lại.
- ***Gió tây nam*** : gió thổi từ phía tây nam lại.

(?)

1. Kể tên các vùng được dự báo thời tiết trong bản tin.
2. Nơi em ở thuộc vùng nào ? Bản tin nói về thời tiết vùng này ra sao ?
3. Em sẽ làm gì nếu biết trước :
   a) Ngày mai trời nắng ?
   b) Ngày mai trời mưa ?
4. Theo em, dự báo thời tiết có ích lợi gì ?

Luyện từ và câu

1. Tìm các từ ngữ có tiếng *biển* :

M : tàu biển, biển cả.

2. Tìm từ trong ngoặc đơn hợp với mỗi nghĩa sau :

a) Dòng nước chảy tương đối lớn, trên đó thuyền bè đi lại được.
b) Dòng nước chảy tự nhiên ở đồi núi.
c) Nơi đất trũng chứa nước, tương đối rộng và sâu, ở trong đất liền.

(suối, hồ, sông)

3. Đặt câu hỏi cho phần in đậm trong câu sau :

Không được bơi ở đoạn sông này **vì có nước xoáy.**

4. Dựa theo cách giải thích trong truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*, trả lời các câu hỏi sau :

a) ***Vì sao*** Sơn Tinh lấy được Mị Nương ?
b) ***Vì sao*** Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh ?
c) ***Vì sao*** ở nước ta có nạn lụt ?

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

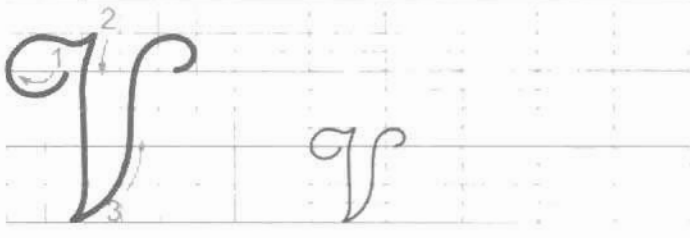

2. Viết ứng dụng : Vượt suối băng rừng.

Bé nhìn biển

Nghỉ hè với bố
Bé ra biển chơi
Tưởng rằng biển nhỏ
Mà to bằng trời.

Như con sông lớn
Chỉ có một bờ
Bãi giằng với sóng
Chơi trò kéo co.

Phì phò như bễ
Biển mệt thở rung
Còng giơ gọng vó
Định khiêng sóng lừng.

Nghìn con sóng khoẻ
Lon ta lon ton
Biển to lớn thế
Vẫn là trẻ con.

TRẦN MẠNH HẢO

- ***Bễ*** : dụng cụ của thợ rèn hay thợ kim hoàn, dùng để thụt hơi vào lò cho lửa cháy.
- ***Còng*** : giống cua nhỏ, sống ở ven biển.
- ***Sóng lừng*** : sóng lớn ở ngoài khơi xa.

1. Tìm những câu thơ cho thấy biển rất rộng.
2. Những hình ảnh nào cho thấy biển giống như trẻ con ?
3. Em thích khổ thơ nào nhất ? Vì sao ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Bé nhìn biển* (3 khổ thơ đầu)

(?) - Mỗi dòng thơ có mấy tiếng ?
- Nên bắt đầu viết mỗi dòng thơ từ ô nào trong vở ?

2. Tìm tên các loài cá :

a) Bắt đầu bằng ***ch***. M : cá chim
b) Bắt đầu bằng ***tr***. M : cá trắm

(3). Tìm các tiếng :

a) Bắt đầu bằng ***ch*** hoặc ***tr***, có nghĩa như sau :
- Em trai của bố.
- Nơi em đến học hằng ngày.
- Bộ phận cơ thể dùng để đi.

b) Có ***thanh hỏi*** hoặc ***thanh ngã*** :
- Trái nghĩa với *khó*.
- Chỉ bộ phận cơ thể ở ngay bên dưới đầu.
- Chỉ bộ phận cơ thể dùng để ngửi.

Tập làm văn

1. Đọc đoạn đối thoại sau. Nhắc lại lời của bạn Hà khi được bố của Dũng đồng ý cho gặp Dũng.

Hà : - Cháu chào bác ạ. Cháu xin phép bác cho cháu gặp bạn Dũng.
Bố Dũng : - Cháu vào nhà đi, Dũng đang học bài đấy.
Hà : - Cháu cảm ơn bác. Cháu xin phép bác.

2. Nói lời đáp trong các đoạn đối thoại sau :

a) - Hương cho tớ mượn cái tẩy nhé ?
- Ừ.
- ...

b) - Em cho anh chạy thử cái tàu thuỷ của em nhé ?
- Vâng.
- ...

3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi :

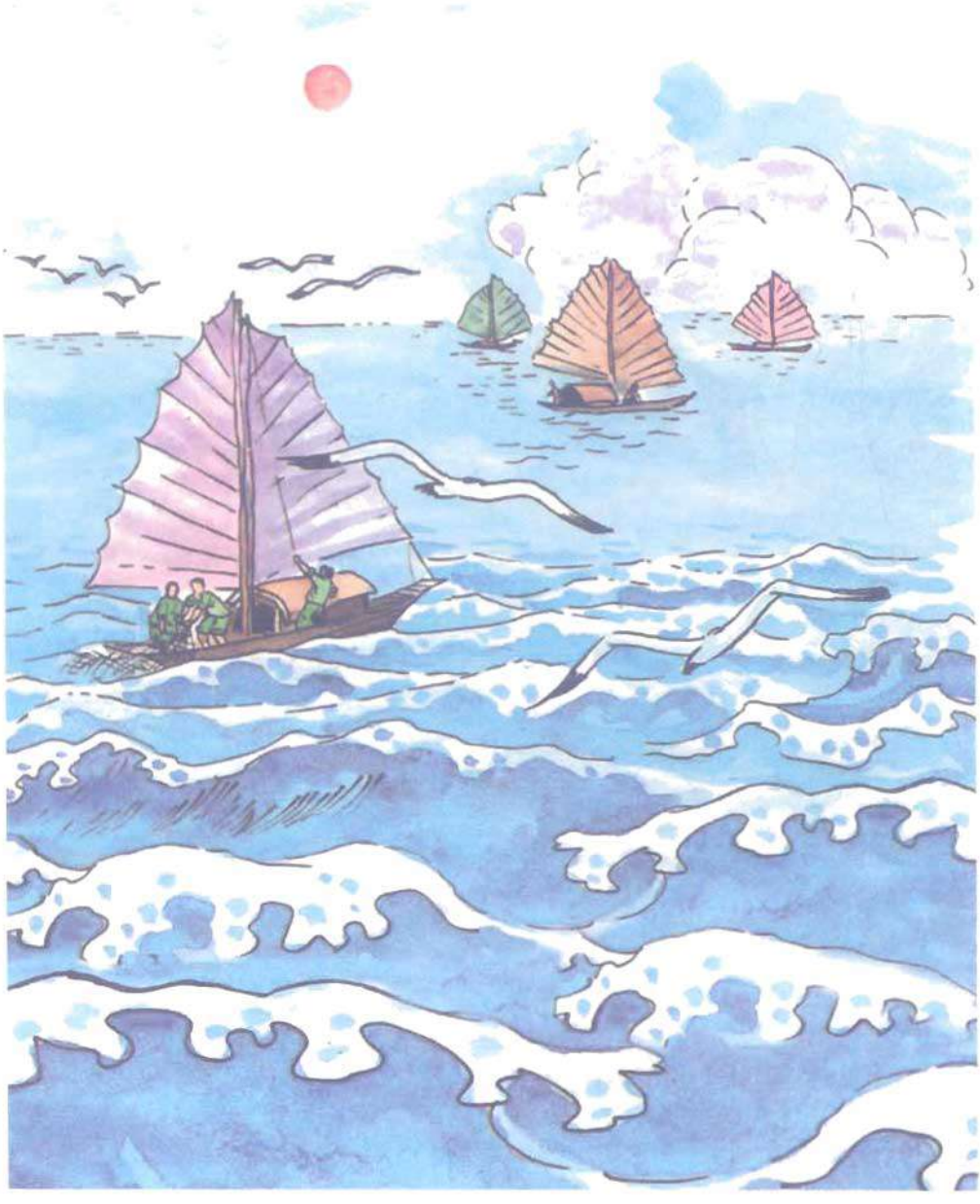

a) Tranh vẽ cảnh gì ?
b) Sóng biển như thế nào ?
c) Trên mặt biển có những gì ?
d) Trên bầu trời có những gì ?

Tập đọc

Tôm Càng và Cá Con

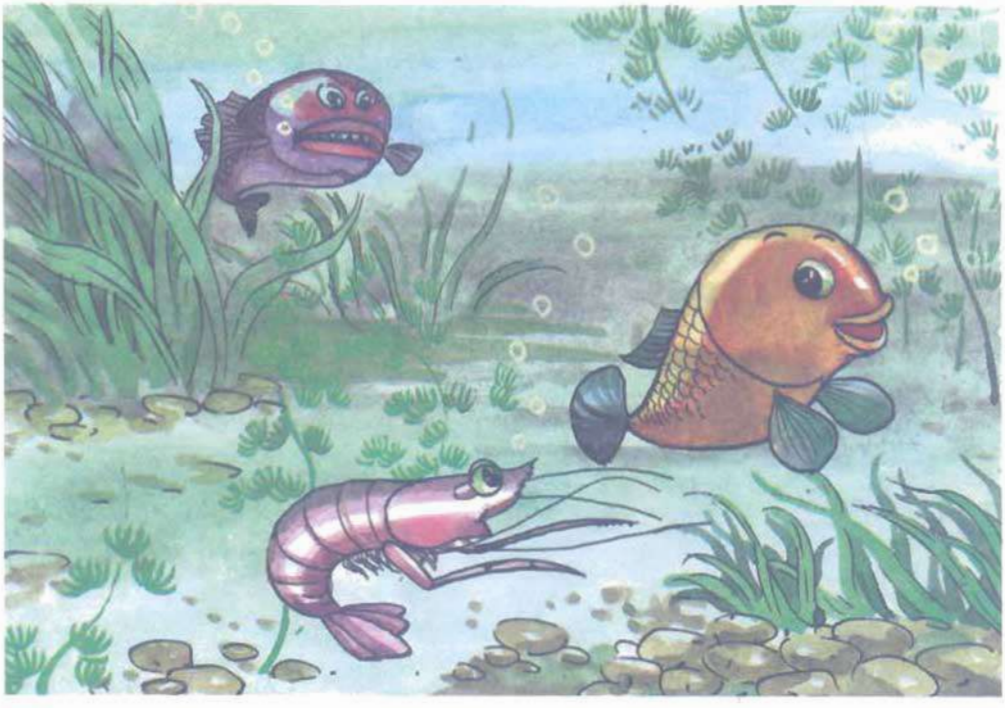

1. Một hôm, Tôm Càng đang tập búng càng dưới đáy sông thì thấy một con vật lạ bơi đến. Con vật thân dẹt, trên đầu có hai mắt tròn xoe, khắp người phủ một lớp vẩy bạc óng ánh.

Thấy Tôm Càng ngó mình trân trân, con vật nói :

- Chào bạn. Tôi là Cá Con.

- Chào Cá Con. Bạn cũng ở sông này sao ?

- Chúng tôi cũng sống dưới nước như nhà tôm các bạn. Có loài cá ở sông ngòi, có loài ở hồ ao, có loài ở biển cả.

2. Thấy đuôi Cá Con lượn nhẹ nhàng, Tôm Càng nắc nỏm khen. Cá Con khoe :

- Đuôi tôi vừa là mái chèo, vừa là bánh lái đấy. Bạn xem này !

Nói rồi, Cá Con lao về phía trước, đuôi ngoắt sang trái. Vút cái, nó đã quẹo phải. Bơi một lát, Cá Con lại uốn đuôi sang phải. Thoắt cái, nó lại quẹo trái. Tôm Càng thấy vậy phục lăn.

3. Cá Con sắp vọt lên thì Tôm Càng thấy một con cá to mắt đỏ ngầu, nhằm Cá Con lao tới. Tôm Càng vội búng càng, vọt tới, xô bạn vào một ngách đá nhỏ. Cú xô làm Cá Con bị va vào vách đá. Mất mồi, con cá dữ tức tối bỏ đi.

4. Tôm Càng xuýt xoa hỏi bạn có đau không. Cá Con cười :

- Cảm ơn bạn. Toàn thân tôi phủ một lớp vẩy. Đó là bộ áo giáp bảo vệ nên tôi có va vào đá cũng không đau.

Cá Con biết tài búng càng của Tôm Càng, rất nể trọng bạn. Cả hai từ đấy kết bạn cùng nhau.

Theo **TRƯƠNG MĨ ĐỨC, TÚ NGUYỆT**
(Hoàng Lan *dịch*)

:

- ***Búng càng*** : co mình lại rồi dùng càng đẩy mình vọt lên để di chuyển.
- ***(Nhìn) trân trân*** : (nhìn) thẳng và lâu, không chớp mắt.
- ***Nắc nỏm khen*** : khen luôn miệng, tỏ ý thán phục.
- ***Mái chèo*** : vật dùng để đẩy nước cho thuyền đi.
- ***Bánh lái*** : bộ phận dùng để điều khiển hướng chuyển động của tàu, thuyền.
- ***Quẹo*** : rẽ.

?

1. Khi đang tập dưới đáy sông, Tôm Càng gặp chuyện gì ?
2. Cá Con làm quen với Tôm Càng như thế nào ?
3. Đuôi và vẩy Cá Con có lợi ích gì ?
4. Kể lại việc Tôm Càng cứu Cá Con.
5. Em thấy Tôm Càng có gì đáng khen ?

Kể chuyện

1. Dựa vào các tranh minh hoạ dưới đây, kể lại từng đoạn câu chuyện *Tôm Càng và Cá Con* :

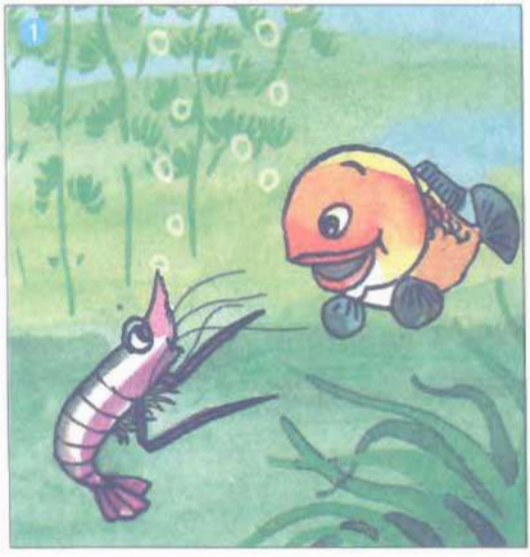

2. Phân vai, dựng lại câu chuyện.

1. Tập chép :

Vì sao cá không biết nói ?

Việt đang say sưa ngắm bể cá cảnh, bỗng hỏi Lân :

- Anh này, vì sao cá không biết nói nhỉ ?

Lân đáp :

- Em hỏi thật ngớ ngẩn. Nếu miệng em ngậm đầy nước, em có nói được không ?

Theo **TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ**

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***r*** hay ***d*** ?

Lời ve kim ...a diết
Xe sợi chỉ âm thanh
Khâu những đường rạo ...ực
Vào nền mây trong xanh.

NGUYỄN MINH NGUYÊN

b) ***ưt*** hay ***ươc*** ?

Mới vừa nắng quái
Sân hãy r... vàng
Bỗng chiều sẫm lại
Mờ mịt sương giăng.

Cây cối trong vườn
Rủ nhau th... dậy
Đêm như loãng ra
Trong mùi hoa ấy.

QUANG HUY

Sông Hương

Ảnh : NGUYỄN THỊNH

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau : màu xanh thẳm của da trời, màu xanh biếc của cây lá, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm đềm.

Theo **ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM**

- ***Sắc độ*** : mức đậm, nhạt của màu.
- ***Hương Giang*** : tên gọi khác của sông Hương.
- ***Lụa đào*** : lụa màu hồng.
- ***Đặc ân*** : ơn đặc biệt.
- ***Thiên nhiên*** : trời đất.
- ***Êm đềm*** : yên tĩnh.

1. Tìm những từ chỉ các màu xanh khác nhau của sông Hương.
2. Vào mùa hè và vào những đêm trăng, sông Hương đổi màu như thế nào ?
3. Vì sao nói sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho thành phố Huế ?

Luyện từ và câu

1. Hãy xếp tên các loài cá vẽ dưới đây vào nhóm thích hợp :

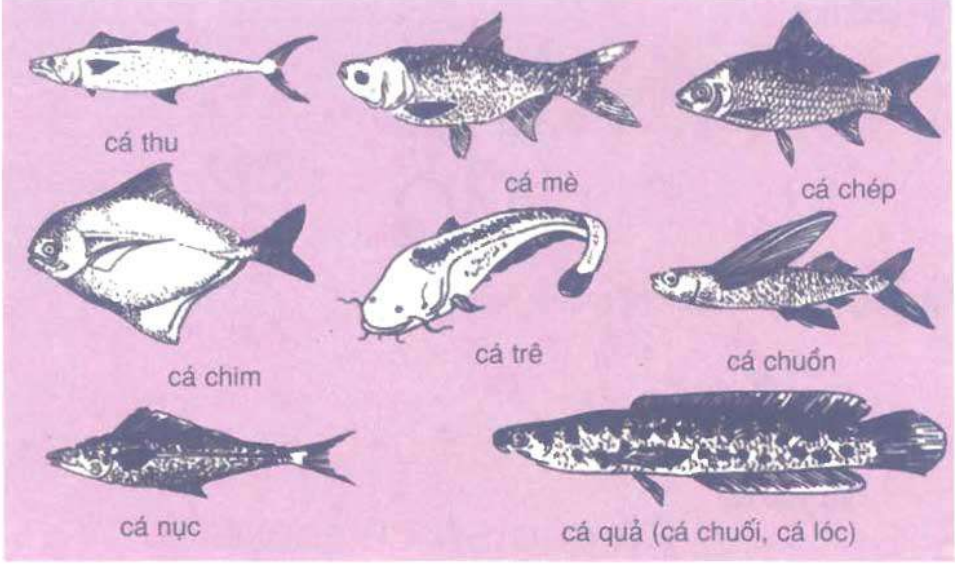

a) Cá nước mặn (cá biển). **M :** cá nục

b) Cá nước ngọt (cá ở sông, hồ, ao). **M :** cá chép

2. Kể tên các con vật sống ở dưới nước :

M : tôm, sứa, ba ba,...

3. Những chỗ nào trong câu 1 và câu 4 còn thiếu dấu phẩy ?

Trăng trên sông trên đồng trên làng quê, tôi đã thấy nhiều. Chỉ có trăng trên biển lúc mới mọc thì đây là lần đầu tiên tôi được thấy. Màu trăng như màu lòng đỏ trứng mỗi lúc một sáng hồng lên. *Càng lên cao, trăng càng nhỏ dần càng vàng dần càng nhẹ dần.*

Theo **TRẦN HOÀI DƯƠNG**

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

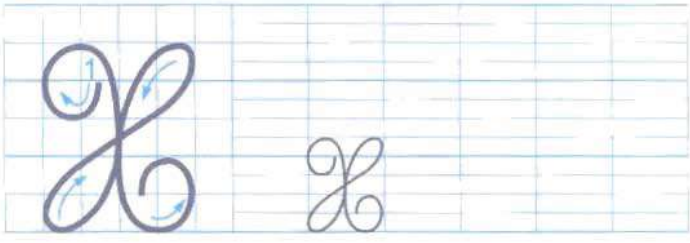

2. Viết ứng dụng : Xuôi chèo mát mái.

Tập đọc

Truyện vui

Cá sấu sợ cá mập

Có một khu du lịch ven biển mới mở khá đông khách. Khách sạn nào cũng hết sạch cả phòng. Bỗng xuất hiện một tin đồn làm cho mọi người sợ hết hồn : hình như ở bãi tắm có cá sấu.

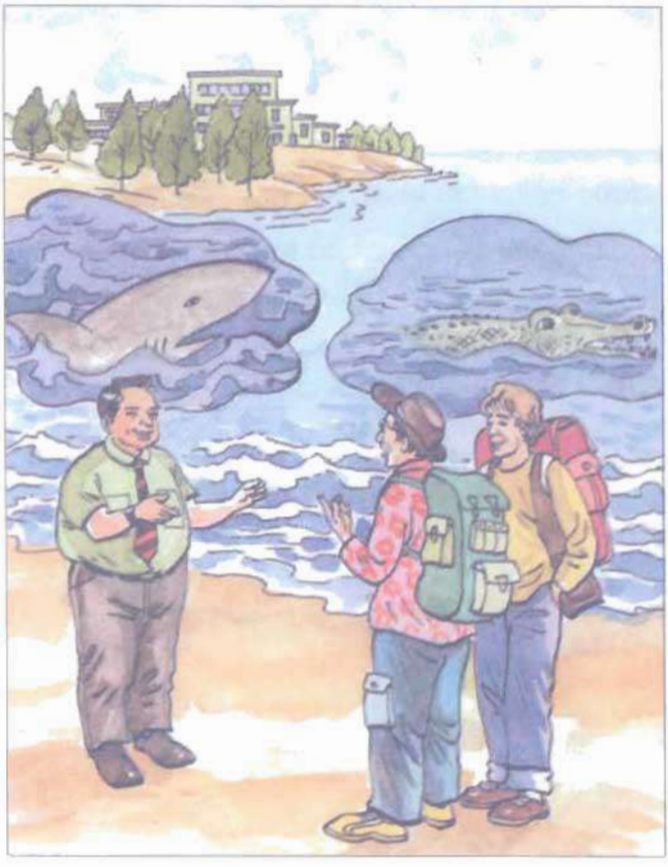

Một số khách đem ngay chuyện này ra hỏi chủ khách sạn :

- Ông chủ ơi ! Chúng tôi nghe nói bãi tắm này có cá sấu. Có phải vậy không, ông ?

Chủ khách sạn quả quyết :

- Không ! Ở đây làm gì có cá sấu !

- Vì sao vậy ?

- Vì những vùng biển sâu như thế này nhiều cá mập lắm. Mà cá sấu thì rất sợ cá mập.

Các vị khách nghe xong, khiếp đảm, mặt cắt không còn một giọt máu.

TRUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI

:

- ***Khách sạn*** : nhà lớn, có phòng cho thuê để ở.
- ***Tin đồn*** : tin lan truyền từ người này qua người khác.
- ***Quả quyết*** : khẳng định chắc chắn.
- ***Cá mập*** : loại cá biển lớn, rất dữ.
- ***Mặt cắt không còn giọt máu*** : sợ trắng bệch cả mặt.

?

1. Khách tắm biển lo lắng điều gì ?
2. Ông chủ khách sạn nói thế nào ?
3. Vì sao ông chủ quả quyết như vậy ?
4. Vì sao khi nghe giải thích xong, khách lại sợ hơn ?

Chính tả

1. Nghe - viết : *Sông Hương* (từ *Mỗi mùa hè...* đến *dát vàng.*)

(?) Tìm và viết tên riêng trong bài chính tả.

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) *(giải, dải, rải)* : ... thưởng, ... rác, ... núi
(giành, dành, rành) : ...mạch, để ..., tranh ...

b) *(sứt, sức)* : ... khoẻ, ... mẻ
(đứt, đức) : cắt ..., đạo ...
(nứt, nức) : ... nở, ... nẻ

(3). Tìm các tiếng :

a) Bắt đầu bằng ***gi*** hoặc ***d*** có nghĩa như sau :
- Trái với ***hay***.
- Tờ mỏng, dùng để viết chữ lên.

b) Có vần ***ưt*** hoặc ***ưc***, có nghĩa như sau :
- Chất lỏng màu tím, xanh hoặc đen, dùng để viết chữ.
- Món ăn bằng hoa quả rim đường.

Tập làm văn

1. Nói lời đáp lại của em trong các trường hợp sau :

a) Em quên chiếc áo mưa trong lớp, quay lại trường để lấy. Bác bảo vệ sắp đi nghỉ, thấy em xin vào, bác mở cửa nói : "Cháu vào đi !"

b) Em mời cô y tá ở gần nhà tới tiêm thuốc cho mẹ. Cô y tá nhận lời : "Cô sẽ sang ngay."

c) Em mời bạn đến chơi nhà. Bạn nhận lời : "Ừ, đợi tớ xin phép mẹ đã."

2. Viết lại những câu trả lời của em ở bài tập 3 trong tiết Tập làm văn tuần trước :

a) Tranh vẽ cảnh gì ?

b) Sóng biển như thế nào ?

c) Trên mặt biển có những gì ?

d) Trên bầu trời có những gì ?

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

TIẾT 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm bộ phận của mỗi câu dưới đây trả lời cho câu hỏi "*Khi nào ?*".

a) Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.

b) Hoa phượng vĩ nở đỏ rực khi hè về.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) ***Những đêm trăng sáng***, dòng sông trở thành một đường trăng lung linh dát vàng.

b) Ve nhởn nhơ ca hát ***suốt cả mùa hè***.

4. Nói lời đáp lại của em :

a) Khi bạn cảm ơn em vì em đã làm một việc tốt cho bạn.

b) Khi một cụ già cảm ơn em vì em đã chỉ đường cho cụ.

c) Khi bác hàng xóm cảm ơn em vì em đã trông giúp em bé cho bác một lúc.

TIẾT 2

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Trò chơi mở rộng vốn từ về bốn mùa.

Ví dụ, đố nhau :

- Mỗi mùa bắt đầu từ tháng nào, kết thúc vào tháng nào ?
- Mỗi mùa có hoa gì, quả gì ?
- Thời tiết mỗi mùa như thế nào ?

3. Ngắt đoạn trích sau thành 5 câu và chép vào vở. Nhớ viết hoa chữ đầu câu.

Trời đã vào thu những đám mây bớt đổi màu trời bớt nặng gió hanh heo đã rải khắp cánh đồng trời xanh và cao dần lên.

Theo **NGÔ VĂN PHÚ**

TIẾT 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi "*Ở đâu ?*".

a) Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.

b) Chim đậu trắng xoá trên những cành cây.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ***hai bên bờ sông***.

b) ***Trong vườn***, trăm hoa khoe sắc thắm.

4. Nói lời đáp của em :

a) Khi bạn xin lỗi vì đã vô ý làm bẩn quần áo em.

b) Khi chị xin lỗi vì đã trách mắng lầm em.

c) Khi bác hàng xóm xin lỗi vì làm phiền gia đình em.

TIẾT 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Trò chơi mở rộng vốn từ về chim chóc : nói hoặc làm động tác để đố nhau tên, đặc điểm và hoạt động của loài chim.

Ví dụ :

a) Con gì biết bơi, lên bờ đi lạch bà lạch bạch ?

b) Mỏ con vẹt màu gì ?

c) Con chim chích giúp gì cho nhà nông ?

3. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3, 4 câu) về một loài chim hoặc gia cầm (gà, vịt, ngỗng,...) mà em biết.

TIẾT 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi "*Như thế nào ?* ".

a) Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ sông.

b) Ve nhởn nhơ ca hát suốt mùa hè.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) Chim đậu ***trắng xoá*** trên những cành cây.

b) Bông cúc sung sướng ***khôn tả***.

4. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :

a) Ba em nói rằng tối nay ti vi chiếu bộ phim em thích.

b) Bạn em báo tin bài làm của em được điểm cao.

c) Cô giáo (thầy giáo) cho biết lớp em không đoạt giải Nhất trong tháng thi đua này.

TIẾT 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Trò chơi mở rộng vốn từ về muông thú.

Cách chơi :

a) Thi đố giữa hai nhóm.

b) Một bên nói tên con vật, bên thứ hai phải nêu một từ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm của con vật đó.

c) Sau đó, hai nhóm đổi việc cho nhau.

3. Thi kể chuyện về các con vật mà em biết.

TIẾT 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi "*Vì sao ?*".

a) Sơn ca khô cả họng vì khát.

b) Vì mưa to, nước suối dâng ngập hai bờ.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) Bông cúc héo lả đi ***vì thương xót sơn ca***.

b) ***Vì mải chơi***, đến mùa đông, ve không có gì ăn.

4. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :

a) Cô (hoặc thầy) hiệu trưởng nhận lời đến dự liên hoan văn nghệ với lớp em.

b) Cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm đồng ý cho lớp em đi thăm viện bảo tàng.

c) Mẹ đồng ý cho em đi chơi xa cùng mẹ.

TIẾT 8

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Chơi ô chữ.

a) Có thể điền từ nào vào các ô trống theo hàng ngang ?

- Dòng 1 : Người cưới công chúa Mị Nương (có 7 chữ cái).
- Dòng 2 : Mùa rét (lạnh) (có 4 chữ cái).
- Dòng 3 : Cơ quan phụ trách việc chuyển thư từ, điện báo,... (có 7 chữ cái).
- Dòng 4 : Ngày Tết của thiếu nhi có trăng đẹp (có 8 chữ cái).
- Dòng 5 : Nơi chứa sách, báo cho mọi người đọc (có 7 chữ cái).
- Dòng 6 : Con vật đi lạch bạch, lạch bạch (có 3 chữ cái).
- Dòng 7 : Trái nghĩa với *dữ* (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ H).
- Dòng 8 : Tên con sông đẹp ở thành phố Huế (có 9 chữ cái).

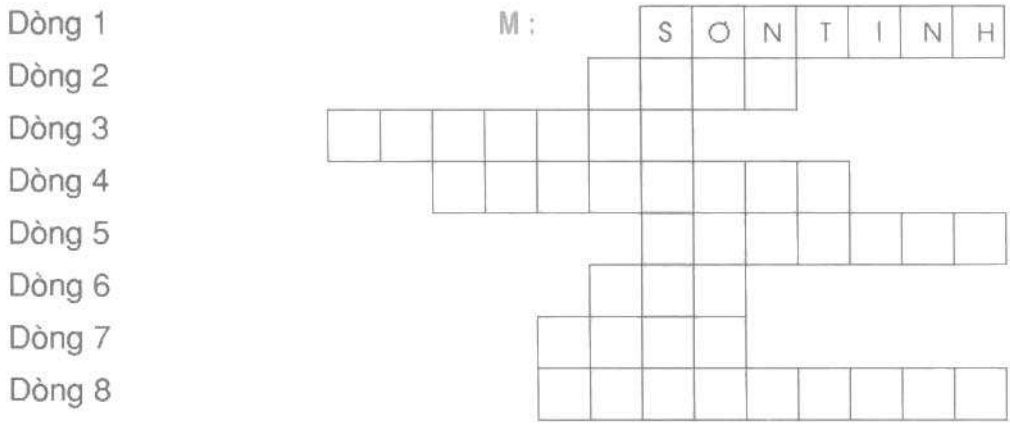

b) Đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc.

TIẾT 9

BÀI LUYỆN TẬP

A. Đọc thầm :

Cá rô lội nước

Những bác rô già, rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường tráng mình dài mốc thếch. Suốt mùa đông ẩn náu trong bùn ao, bây giờ chúng chui ra, khoan khoái đớp bóng nước mưa mới ấm áp, rồi dựng vây lưng ra như ta trương cờ, rạch ngược qua mặt bùn khô, nhanh như cóc nhảy. Hàng đàn cá rô nô nức lội ngược trong mưa, nghe rào rào như đàn chim vỗ cánh trên mặt nước.

Theo **TÔ HOÀI**

B. Dựa theo nội dung của bài, chọn câu trả lời đúng :

1. Cá rô có màu như thế nào ?
   a) Giống màu đất.
   b) Giống màu bùn.
   c) Giống màu nước.
2. Mùa đông, cá rô ẩn náu ở đâu ?
   a) Ở các sông.
   b) Trong đất.
   c) Trong bùn ao.
3. Đàn cá rô lội nước mưa tạo ra tiếng động như thế nào ?
   a) Như cóc nhảy.
   b) Rào rào như đàn chim vỗ cánh.
   c) Nô nức lội ngược trong mưa.

4. Trong câu *Cá rô nô nức lội ngược trong mưa*, từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi *Con gì ?*
   a) Cá rô.
   b) Lội ngược.
   c) Nô nức.
5. Bộ phận in đậm trong câu *Chúng* ***khoan khoái*** *đớp bóng nước mưa* trả lời cho câu hỏi nào ?
   a) Vì sao ?
   b) Như thế nào ?
   c) Khi nào ?

TIẾT 10

BÀI LUYỆN TẬP

A. Nghe - viết :

Con Vện

Mỗi khi nó chạy
Cái đuôi cong lên,
Đuôi như bánh lái
Định hướng cho thuyền.

Rời nhà xa ngõ
Đuôi quắp dọc đường.
Đuôi buông ủ rũ
Là khi nó buồn.

Nhưng mà ngộ nhất
Là lúc nó vui :
Chẳng hề nhếch mép
Nó cười bằng... đuôi.

NGUYỄN HOÀNG SƠN

- ***Vện*** : tên con chó có lông vằn.

B. Tập làm văn :

Dựa vào những câu hỏi gợi ý sau, viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 câu) để nói về một con vật mà em thích.

1. Đó là con gì, ở đâu ?
2. Hình dáng con vật ấy có đặc điểm gì nổi bật ?
3. Hoạt động của con vật ấy có gì ngộ nghĩnh, đáng yêu ?

CÂY CỐI

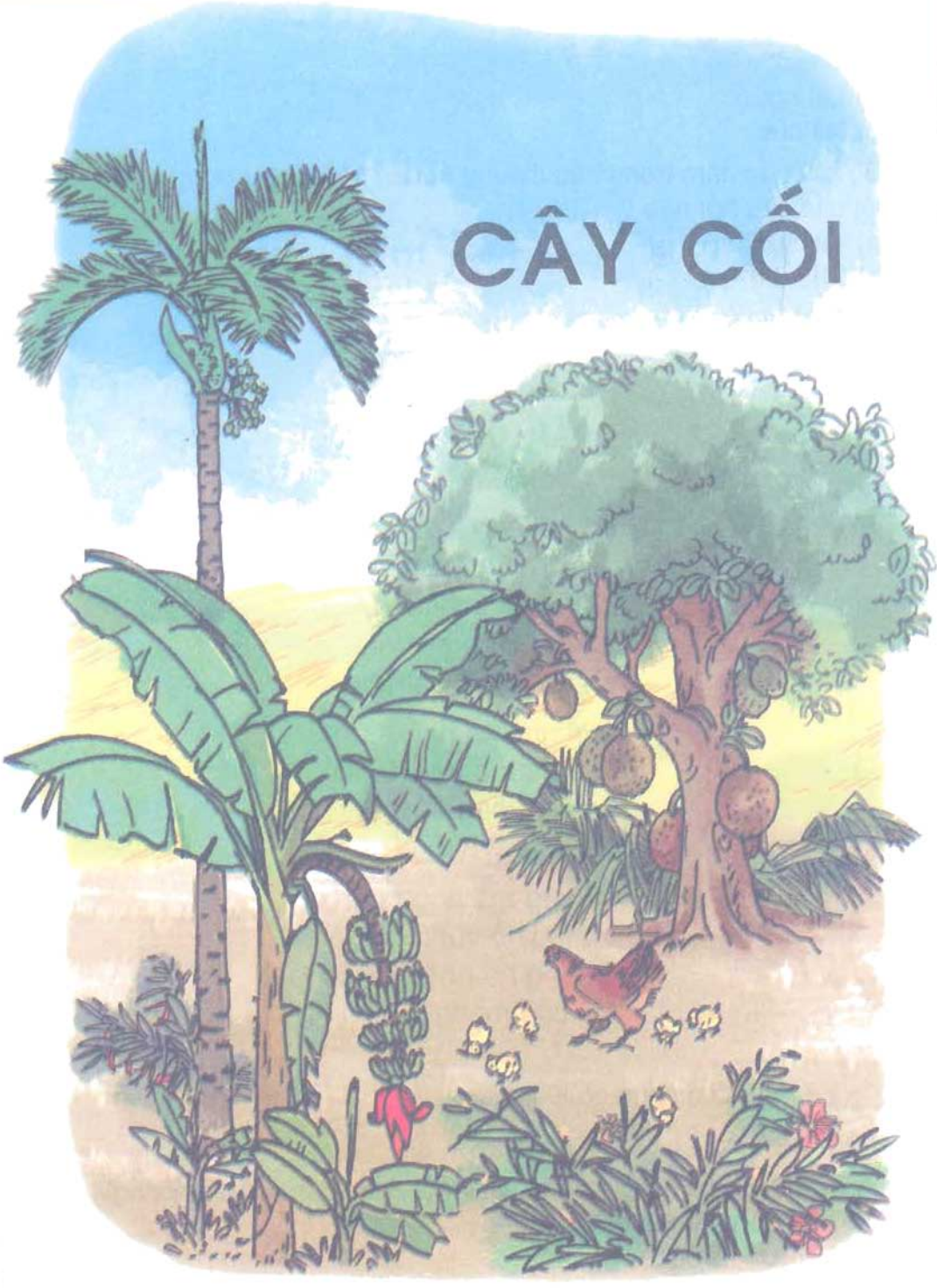

Kho báu

1. Ngày xưa, có hai vợ chồng người nông dân kia quanh năm hai sương một nắng, cuốc bẫm cày sâu. Hai ông bà thường ra đồng từ lúc gà gáy sáng và trở về nhà khi đã lặn mặt trời. Đến vụ lúa, họ cấy lúa, gặt hái xong, lại trồng khoai, trồng cà. Họ không để cho đất nghỉ, mà cũng chẳng lúc nào ngơi tay. Nhờ làm lụng chuyên cần, họ đã gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.

2. Nhưng rồi, hai ông bà mỗi ngày một già yếu. Hai con trai của họ đều ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hão huyền. Ít lâu sau, bà lão qua đời. Rồi ông lão cũng lâm bệnh nặng. Biết mình khó lòng qua khỏi, ông dặn dò các con :

- Cha không sống mãi để lo cho các con được. Ruộng nhà có một kho báu, các con hãy tự đào lên mà dùng.

3. Theo lời cha, hai người con đào bới cả đám ruộng mà chẳng thấy kho báu đâu. Vụ mùa đến, họ đành trồng lúa. Nhờ làm đất kĩ, vụ ấy lúa bội thu. Hết mùa, hai người con lại ra công đào bới mà vẫn không tìm được gì. Mùa tiếp theo, họ lại đành trồng lúa và vụ ấy lúa cũng bội thu.

Liên tiếp mấy vụ liền được mùa, hai anh em có của ăn của để. Lúc ấy, họ mới hiểu lời dặn dò khi trước của người cha.

Theo **NGỤ NGÔN Ê-ĐỐP**
(Nguyệt Tú *dịch*)

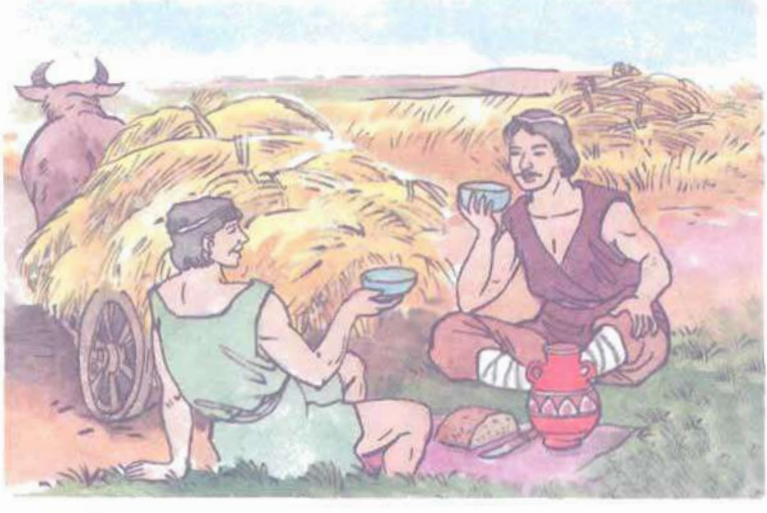

- ***Kho báu*** : chỗ cất giữ nhiều của cải quý.
- ***Hai sương một nắng*** : làm việc vất vả từ sáng sớm đến tối.
- ***Cuốc bẫm cày sâu*** : ý nói chăm chỉ làm nghề nông.
- ***Cơ ngơi*** : nhà cửa, ruộng vườn, tài sản,...
- ***Đàng hoàng*** : ý nói đầy đủ.
- ***Hão huyền*** : không thể có.
- ***Bội thu*** : thu được nhiều hơn bình thường.
- ***Của ăn của để*** : của cải đủ dùng và còn có để dành.

1. Tìm những hình ảnh nói lên sự cần cù, chịu khó của vợ chồng người nông dân.
2. Trước khi mất, người cha cho các con biết điều gì ?
3. Theo lời cha, hai người con đã làm gì ?
4. Vì sao mấy vụ liền lúa bội thu ?
5. Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì ?

Kể chuyện

1. **Dựa theo các gợi ý dưới đây, kể lại từng đoạn câu chuyện *Kho báu* :**

a) *Đoạn 1* : Hai vợ chồng chăm chỉ.
- Thức khuya dậy sớm.
- Không lúc nào ngơi tay.
- Kết quả tốt đẹp.

b) *Đoạn 2* : Dặn con.
- Tuổi già.
- Hai người con lười biếng.
- Lời dặn của người cha.

c) *Đoạn 3* : Tìm kho báu.
- Đào ruộng tìm kho báu.
- Không thấy kho báu.
- Hiểu lời dặn của cha.

2. **Kể lại toàn bộ câu chuyện.**

Chính tả

1. Nghe - viết : *Kho báu* (từ đầu đến *trồng khoai, trồng cà.*)

2. Điền vào chỗ trống *ua* hay *ươ* ?

- voi h... vòi
- th... nhỏ
- m... màng
- chanh ch...

(3). Điền vào chỗ trống :

a) ***l*** hay ***n*** ?

Ơn trời mưa ...ắng phải thì
...ơi thì bừa cạn, ...ơi thì cày sâu.
Công lênh chẳng quản bao ...âu,
Ngày ...ay ...ước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi, đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

Ca dao

b) ***ên*** hay ***ênh*** ?

Cái gì cao lớn l... khênh
Đứng mà không tựa ngã k... ngay ra ?

Câu đố

Tò vò mà nuôi con nhện
Đến khi nó lớn, nó qu... nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ ti :
Nhện ơi, nh... hỡi, nh... đi đằng nào ?

Ca dao

Tập đọc

Bạn có biết ?

1. Cây lâu năm nhất

Cây có tuổi thọ cao nhất là một cây thông ở Nhật Bản. Ước tính, nó đã sống trên 7000 năm. Còn ở nước ta, trong Vườn Quốc gia Cúc Phương, có cây chò khoảng 1000 tuổi.

2. Cây to nhất

Cây xê-côi-a 6000 tuổi ở Mĩ to đến mức người ta đặt được cả một tiệm giải khát trong gốc cây. Cây bao-báp 4000 tuổi ở châu Phi cũng to không kém : cả một lớp 40 học sinh nắm tay nhau mới ôm được hết thân của nó.

3. Cây cao nhất

Đó là cây xê-côi-a ở Mĩ, cao tới 150 mét.

4. Cây gỗ thấp nhất

Đó là một loại cây ở châu Phi chỉ có hai lá. Thân nó chỉ cao chừng 40 xăng-ti-mét, nhưng to đến mức phải 3, 4 học sinh nắm tay nhau mới bao hết vòng thân.

5. Cây đoàn kết nhất

Đó là cây thông. Những cây thông mọc thành cụm thường nối rễ với nhau, đói no cùng chia sẻ.

Theo **LÊ QUANG LONG, NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

- ***Tuổi thọ*** : thời gian sống được của người, con vật, cây cối,...
- ***Ước tính*** : tính không thật tỉ mỉ, chính xác.
- ***Tiệm giải khát*** : cửa hàng bán nước uống.
- ***Vườn Quốc gia Cúc Phương*** : khu rừng ở tỉnh Ninh Bình có các loài cây và con vật quý hiếm, được Nhà nước bảo vệ.

?

1. Nhờ bài viết trên, em biết được những điều gì mới ?
2. Vì sao bài viết được đặt tên là *Bạn có biết* ?
3. Hãy nói về cây cối ở làng, phố hay trường em :
   a) Cây cao nhất.
   b) Cây thấp nhất.
   c) Cây to nhất.

Luyện từ và câu

1. Kể tên các loài cây mà em biết theo nhóm.

a) Cây lương thực, thực phẩm. M : lúa
b) Cây ăn quả. M : cam
c) Cây lấy gỗ. M : xoan
d) Cây bóng mát. M : bàng
đ) Cây hoa. M : cúc

2. Dựa vào kết quả bài tập 1, hỏi - đáp theo mẫu sau :

- Người ta trồng cây cam ***để làm gì*** ?
- Người ta trồng cây cam ***để ăn quả.***

3. Điền *dấu chấm* hay *dấu phẩy* vào ô trống ?

Chiều qua ■ Lan nhận được thư bố ■ Trong thư, bố dặn dò hai chị em Lan rất nhiều điều. Nhưng Lan nhớ nhất lời bố dặn riêng em ở cuối thư : "Con nhớ chăm bón cây cam ở đầu vườn để khi bố về ■ bố con mình có cam ngọt ăn nhé !"

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

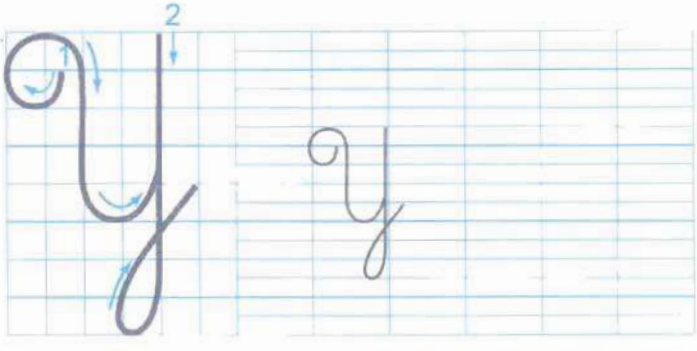

2. Viết ứng dụng : Yêu luỹ tre làng.

Cây dừa

Cây dừa xanh toả nhiều tàu,
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phếch tháng năm,
Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè hoa nở cùng sao,
Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.
Ai mang nước ngọt, nước lành,
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa.
Tiếng dừa làm dịu nắng trưa,
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo.
Trời trong đầy tiếng rì rào,
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.

TRẦN ĐĂNG KHOA

- ***Toả*** : từ một điểm chia ra các phía.
- ***Tàu (lá)*** : lá to, có cuống dài.
- ***Canh*** : trông giữ, bảo vệ.
- ***Đủng đỉnh*** : chậm rãi, tỏ ra không vội vã.

1. Các bộ phận của cây dừa (lá, ngọn, thân, quả) được so sánh với những gì ?
2. Cây dừa gắn bó với thiên nhiên (gió, trăng, mây, nắng, đàn cò) như thế nào ?
3. Em thích những câu thơ nào ? Vì sao ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Cây dừa* (8 dòng thơ đầu)

Nhận xét về cách trình bày các dòng thơ.

(2). a) Hãy kể tên các loài cây bắt đầu bằng *s* hoặc *x*.

M : sấn, xà cừ.

b) Tìm các tiếng có vần *in* hoặc *inh*, có nghĩa như sau :

- Số tiếp theo số 8.
- (Quả) đã đến lúc ăn được.
- Nghe (hoặc ngửi) rất tinh, rất nhạy.

3. Có bạn chép đoạn thơ sau của nhà thơ Tố Hữu nhưng quên viết hoa nhiều tên riêng. Em hãy giúp bạn sửa lại cho đúng.

Ta đi giữa ban ngày
Trên đường cái, ung dung ta bước.
Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường bắc sơn, đình cả, thái nguyên
Đường qua tây bắc, đường lên điện biên
Đường cách mạng, dài theo kháng chiến...

1. Em đoạt giải cao trong một cuộc thi (kể chuyện, vẽ hoặc múa, hát,...). Các bạn chúc mừng. Em sẽ nói gì để đáp lại lời chúc mừng của các bạn ?

2. Đọc và trả lời các câu hỏi :

Quả măng cụt

Quả măng cụt tròn như quả cam, to bằng nắm tay trẻ con, toàn thân tím sẫm ngả sang đỏ. Cuống nó to và ngắn, quanh cuống có bốn, năm cái tai tròn úp vào quả.

Tách nửa vỏ trên, ruột măng cụt sẽ hiện ra trắng muốt như hoa bưởi. Có đến bốn, năm múi to không đều nhau, ăn vào ngọt trong miệng và toả hương thoang thoảng.

Theo **PHẠM HỮU TÚNG**

a) Nói về hình dáng bên ngoài quả măng cụt :
- Quả hình gì ?
- Quả to bằng chừng nào ?
- Quả màu gì ?
- Cuống nó như thế nào ?

b) Nói về ruột quả và mùi vị quả măng cụt :
- Ruột quả măng cụt màu gì ?
- Các múi như thế nào ?
- Mùi vị măng cụt ra sao ?

3. Viết vào vở các câu trả lời cho phần a hoặc phần b (bài tập 2).

Tập đọc

Những quả đào

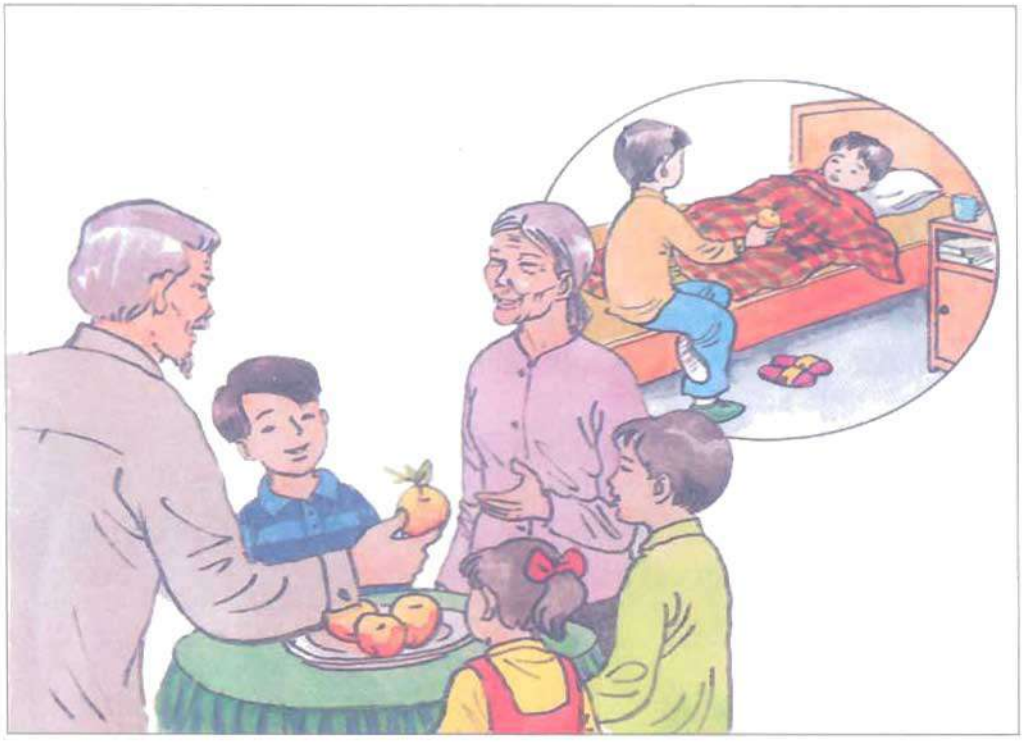

1. Sau một chuyến đi xa, người ông mang về nhà bốn quả đào. Ông bảo vợ và các cháu :

- Quả to này xin phần bà. Ba quả nhỏ hơn phần các cháu.

Bữa cơm chiều hôm ấy, ông hỏi các cháu :

- Thế nào, các cháu thấy đào có ngon không ?

2. Cậu bé Xuân nói :

- Đào có vị rất ngon và mùi thật là thơm. Cháu đã đem hạt trồng vào một cái vò. Chẳng bao lâu, nó sẽ mọc thành một cây đào to đấy, ông nhỉ ?

- Mai sau cháu sẽ làm vườn giỏi. - Ông hài lòng nhận xét.

3. Cô bé Vân nói với vẻ tiếc rẻ :

- Đào ngon quá, cháu ăn hết mà vẫn thèm. Còn hạt thì cháu vứt đi rồi.

- Ôi, cháu của ông còn thơ dại quá !

4. Thấy Việt chỉ chăm chú nhìn vào tấm khăn trải bàn, ông ngạc nhiên hỏi :

- Còn Việt, sao cháu chẳng nói gì thế ?

- Cháu ấy ạ ? Cháu mang đào cho Sơn. Bạn ấy bị ốm. Nhưng bạn ấy không muốn nhận. Cháu đặt quả đào trên giường rồi trốn về.

- Cháu là người có tấm lòng nhân hậu ! - Ông lão thốt lên và xoa đầu đứa cháu nhỏ.

Phỏng theo **LÉP TÔN-XTÔI**

- ***Cái vò*** : đồ đựng bằng đất nung, miệng tròn, thân phình ra, đáy thót lại.
- ***Hài lòng*** : vừa ý, ưng ý.
- ***Thơ dại*** : còn bé quá, chưa biết gì.
- ***Thốt*** : bật ra thành lời một cách tự nhiên.

1. Người ông dành những quả đào cho ai ?
2. Mỗi cháu của ông đã làm gì với những quả đào ?
3. Nêu nhận xét của ông về từng cháu. Vì sao ông nhận xét như vậy ?
4. Em thích nhân vật nào ? Vì sao ?

Kể chuyện

1. Hãy tóm tắt nội dung mỗi đoạn của câu chuyện *Những quả đào* bằng một cụm từ hoặc một câu.

M : - *Đoạn 1* : Chia đào
- *Đoạn 2* : Chuyện của Xuân

2. Dựa vào kết quả bài tập 1, kể lại từng đoạn.

3. Phân vai, dựng lại câu chuyện.

Chính tả

1. Tập chép :

Những quả đào

Một người ông có ba đứa cháu nhỏ. Một hôm, ông cho mỗi cháu một quả đào. Xuân ăn đào xong, đem hạt trồng. Vân ăn xong, vẫn còn thèm. Còn Việt thì không ăn mà mang đào cho cậu bạn bị ốm. Ông bảo : Xuân thích làm vườn, Vân bé dại, còn Việt là người nhân hậu.

(2). a) Điền vào chỗ trống ***s*** hay ***x*** ?

Đang học bài, Sơn bỗng nghe thấy tiếng lạch cạch. Nhìn chiếc lồng sáo treo trước cửa ...ổ, em thấy lồng trống không. Chú ...áo nhỏ tinh nhanh đã ...ổ lồng. Chú đang nhảy nhảy trước ...ân. Bỗng mèo mướp ...ồ tới. Mướp định vồ sáo nhưng sáo nhanh hơn, đã vụt bay lên và đậu trên một cành ...oan rất cao.

b) Điền vào chỗ trống ***in*** hay ***inh*** ?

- To như cột đ...
- K... như bưng
- T... làng nghĩa xóm
- K... trên nhường dưới
- Ch... bỏ làm mười.

Tập đọc

Cây đa quê hương

Cây đa nghìn năm đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng tôi. Đó là cả một toà cổ kính hơn là một thân cây. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không xuể. Cành cây lớn hơn cột đình. Ngọn chót vót giữa trời xanh. Rễ cây nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang giận dữ. Trong vòm lá, gió chiều gẩy lên những điệu nhạc li kì tưởng chừng như ai đang cười đang nói.

Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát. Lúa vàng gợn sóng. Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu ra về, lững thững từng bước nặng nề. Bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng.

Theo **NGUYỄN KHẮC VIỆN**

:

- ***Thời thơ ấu*** : lúc còn là trẻ con.
- ***Cổ kính*** : cũ và có vẻ đẹp trang nghiêm.
- ***Chót vót*** : (cao) vượt lên hẳn những vật xung quanh.
- ***Li kì*** : lạ và hấp dẫn.
- ***Tưởng chừng*** : nghĩ như là, ngỡ là.
- ***Lững thững*** : (đi) chậm, từng bước một.

?

1. Những từ ngữ, câu văn nào cho biết cây đa đã sống rất lâu ?
2. Các bộ phận của cây đa (thân, cành, ngọn, rễ) được tả bằng những hình ảnh nào ?
3. Hãy nói lại đặc điểm mỗi bộ phận của cây đa bằng một từ.

   M : Thân cây rất ***to***.

4. Ngồi hóng mát ở gốc đa, tác giả còn thấy những cảnh đẹp nào của quê hương ?

Luyện từ và câu

1. Hãy kể tên các bộ phận của một cây ăn quả.

2. Tìm những từ có thể dùng để tả các bộ phận của cây.

M : thân cây (to, cao, chắc, bạc phếch,...)

3. Đặt các câu hỏi có cụm từ *để làm gì* để hỏi về từng việc làm được vẽ trong các tranh dưới đây. Tự trả lời các câu hỏi ấy.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

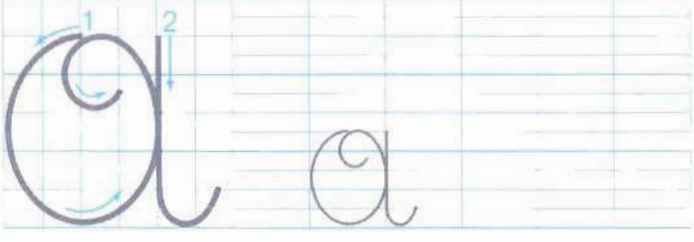

2. Viết ứng dụng : Ao liền ruộng cả.

Cậu bé và cây si già

Bờ ao đầu làng có một cây si già. Thân cây to, cành lá xum xuê, ngả xuống mặt nước. Một cậu bé đi ngang qua. Sẵn con dao nhọn trong tay, cậu hí hoáy khắc tên mình lên thân cây. Cây đau điếng, nhưng cố lấy giọng vui vẻ, hỏi cậu :

- Chào cậu bé. Tên cậu là gì nhỉ ?

- Cháu tên là Ngoan.

- Cậu có cái tên mới đẹp làm sao !

Mặt cậu bé rạng lên. Cậu nói :

- Cảm ơn cây.

- Này, vì sao cậu không khắc tên lên người cậu ? Như thế có phải tiện hơn không ? - Cây hỏi.

Cậu bé rùng mình, lắc đầu :

- Đau lắm, cháu chịu thôi !

- Vậy, vì sao cậu lại bắt tôi phải nhận cái điều cậu không muốn ?

Theo **TRẦN HỒNG THẮNG**

- ***Rùng mình*** : bất chợt rung mạnh toàn thân vì sợ hay lạnh.

1. Cậu bé đã làm điều gì không phải với cây si ?
2. Cây đã làm gì để cậu bé hiểu được nỗi đau của nó ?
3. Theo em, sau cuộc nói chuyện với cây, cậu bé còn nghịch như thế nữa không ? Vì sao ?

Chính tả

1. Nghe - viết :

Hoa phượng

Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh.
Sáng nay bừng lửa thẫm
Rừng rực cháy trên cành.

- Bà ơi ! Sao mà nhanh !
Phượng mở nghìn mắt lửa,
Cả dãy phố nhà mình,
Một trời hoa phượng đỏ.

Hay đêm qua không ngủ
Chị gió quạt cho cây ?
Hay mặt trời ủ lửa
Cho hoa bừng hôm nay ?

LÊ HUY HOÀ

Tìm các dấu câu có trong bài chính tả.

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***s*** hay ***x*** ?

Bầu trời ...ám xịt như ...à xuống ...át tận chân trời. Sấm rền vang, chớp loé sáng. Cây sung già trước cửa sổ trút lá theo trận lốc, trơ lại những cành xơ ...ác, khẳng khiu. Đột nhiên, trận mưa dông sầm ...ập đổ xuống, gõ lên mái tôn loảng ...oảng. Nước mưa ...ủi bọt, cuốn qua mảnh sân ...i măng thành dòng ngầu đục.

Theo **PHAN THIẾU**

b) ***in*** hay ***inh*** ?

Chú Vinh là thương b... . Nhờ siêng năng, biết t...́ toán, chú đã có một ngôi nhà x... xắn, vườn cây đầy trái ch...́ thơm lừng. Chú hay giúp đỡ mọi người nên được gia đ...̀ , làng xóm t... yêu, k...́ phục.

Tập làm văn

1. Nói lời đáp của em trong các trường hợp sau :

a) Bạn tặng hoa, chúc mừng sinh nhật em.

b) Bác hàng xóm sang chúc Tết. Bố mẹ đi vắng, chỉ có em ở nhà.

c) Em là lớp trưởng. Trong buổi họp cuối năm, cô giáo phát biểu chúc mừng thành tích của lớp.

2. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi :

Sự tích hoa dạ lan hương

a) Vì sao cây hoa biết ơn ông lão ?

b) Lúc đầu, cây hoa tỏ lòng biết ơn ông lão bằng cách nào ?

c) Về sau, cây hoa xin Trời điều gì ?

d) Vì sao Trời lại cho hoa có hương thơm vào ban đêm ?

BÁC HỒ

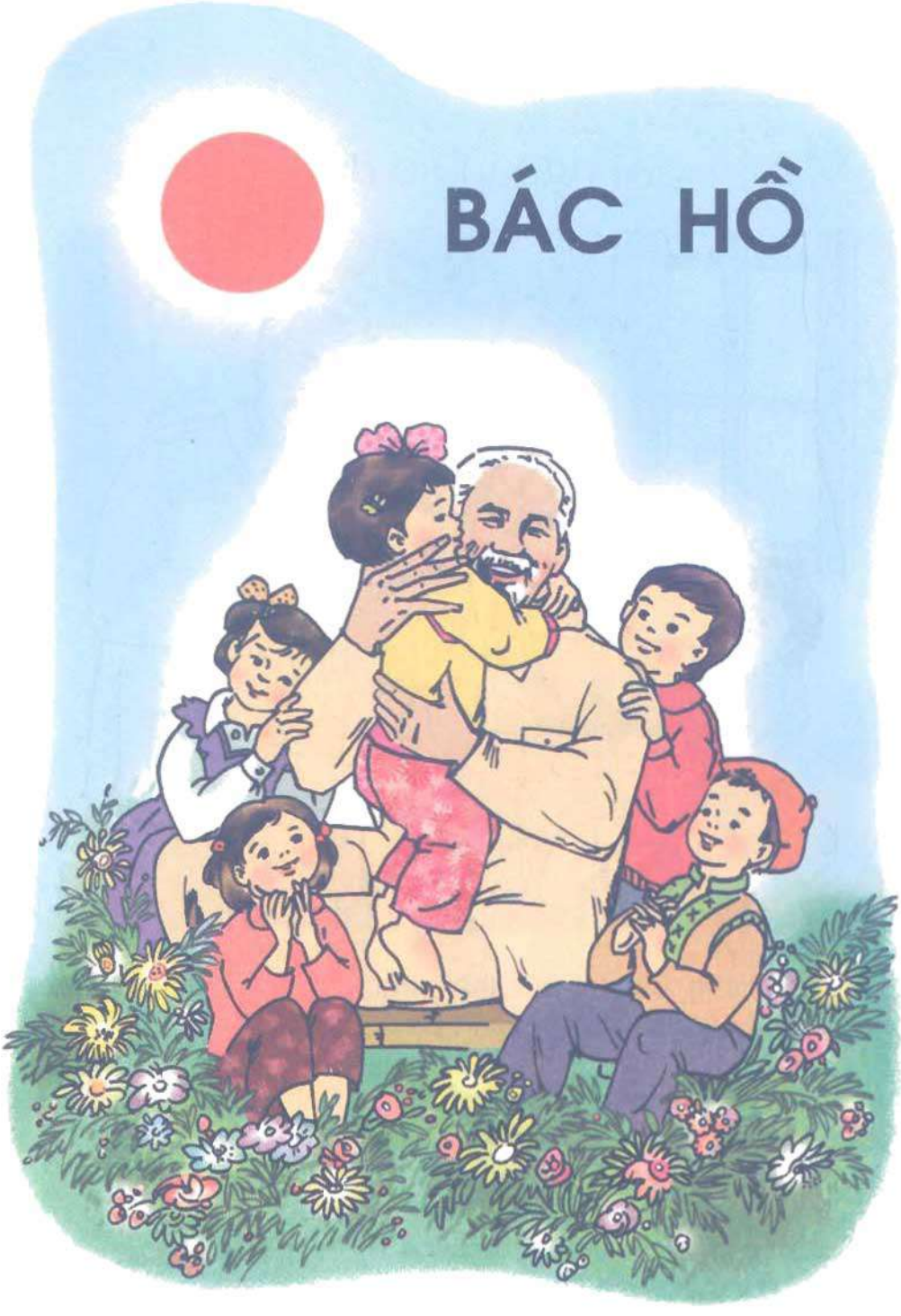

Tập đọc

Ai ngoan sẽ được thưởng

1. Một buổi sáng, Bác Hồ đến thăm trại nhi đồng. Vừa thấy Bác, các em nhỏ đã chạy ùa tới, quây quanh Bác. Ai cũng muốn nhìn Bác cho thật rõ.

Bác đi giữa đoàn học sinh, tay dắt hai em nhỏ nhất. Mắt Bác sáng, da Bác hồng hào. Bác cùng các em đi thăm phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp, nơi tắm rửa,...

2. Khi trở lại phòng họp, Bác ngồi giữa các em và hỏi :

- Các cháu chơi có vui không ?

Những lời non nớt vang lên :

- Thưa Bác, vui lắm ạ !

Bác lại hỏi :

- Các cháu ăn có no không ?

- No ạ !

- Các cô có mắng phạt các cháu không ?

- Không ạ !

Bác khen :

- Thế thì tốt lắm ! Bây giờ Bác chia kẹo cho các cháu. Các cháu có thích kẹo không ?

Tất cả cùng reo lên :

- Có ạ ! Có ạ !

Một em bé giơ tay xin nói :

- Thưa Bác, ai ngoan thì được ăn kẹo, ai không ngoan thì không được ạ !

- Các cháu có đồng ý không ?

- Đồng ý ạ !

3. Các em nhỏ đứng thành vòng rộng. Bác cầm gói kẹo chia cho từng em. Đến lượt Tộ, em không nhận, chỉ khẽ thưa :

- Thưa Bác, hôm nay cháu không vâng lời cô. Cháu chưa ngoan nên không được ăn kẹo của Bác.

Bác cười trìu mến :

- Cháu biết nhận lỗi, thế là ngoan lắm ! Cháu vẫn được phần kẹo như các bạn khác.

Tộ mừng rỡ nhận lấy kẹo Bác cho.

Theo **TUỲ PHƯƠNG** và **THANH TÚ**

- ***Hồng hào*** : (da) đỏ hồng, thể hiện sức khoẻ tốt.
- ***Lời non nớt*** : lời trẻ em ngây thơ.
- ***Trìu mến*** : thể hiện tình thương yêu.
- ***Mừng rỡ*** : vui mừng lộ rõ ra bên ngoài.

1. Bác Hồ đi thăm những nơi nào trong trại nhi đồng ?
2. Bác Hồ hỏi các em học sinh những gì ?
3. Các em đề nghị Bác chia kẹo cho những ai ?
4. Tại sao bạn Tộ không dám nhận kẹo Bác chia ?
5. Tại sao Bác khen bạn Tộ ngoan ?

Kể chuyện

1. Dựa vào các tranh dưới đây, hãy kể lại từng đoạn của câu chuyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* :

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

3. Kể lại đoạn cuối câu chuyện theo lời của bạn Tộ.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Ai ngoan sẽ được thưởng* (từ *Một buổi sáng...* đến *da Bác hồng hào.)*

? Tìm và tập viết tên riêng trong bài chính tả.

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) *(chúc, trúc)* : cây ... , ... mừng
(chở, trở) : ... lại , che ...

b) *(bệt, bệch)* : ngồi ... , trắng ...
(chết, chếch) : chênh ... , đồng hồ ...

Xem truyền hình

Nhà chú La mới mua ti vi. Cái Liên, con chú, khoe với An :

- Vô tuyến đấy.

Còn chú La bảo đó là cái máy truyền hình. Chú mời khắp hàng xóm sang xem, vì tối nay ti vi sẽ đưa tin về xã nhà.

Chưa đến 7 giờ, nhà chú đã chật ních người. Ai cũng háo hức chờ xem cái máy phát hình xã mình thế nào. Đây rồi ! Giọng cô phát thanh viên trong trẻo : "Vừa qua, xã Hoa Ban đã tổ chức lễ kỉ niệm sinh nhật Bác và phát động trồng 1000 gốc thông phủ kín đồi trọc." Những tiếng reo vui, bình phẩm nổi lên : "A, núi Hồng ! Kìa, chú La, đúng không ? Chú La trẻ quá !"

Đêm ấy, mọi người còn ngồi lại, vừa ăn bắp nướng vừa xem phim mãi đến khuya.

NGUYỄN MINH

- ***Chật ních*** : rất chật, tưởng như không thể chứa thêm được nữa.
- ***Háo hức*** : vui và nóng lòng chờ đợi.
- ***Phát thanh viên*** : người chuyên đọc tin trên đài phát thanh, truyền hình.
- ***Bình phẩm*** : phát biểu ý kiến khen, chê người, vật hoặc việc.

1. Chú La mời mọi người đến nhà mình làm gì ?
2. Tối hôm ấy, mọi người xem được những gì trên ti vi ?
3. Em thích những chương trình gì trên ti vi hằng ngày ?

Luyện từ và câu

1. Tìm những từ ngữ :

a) Nói lên tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi. M : thương yêu

b) Nói lên tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ. M : biết ơn

2. Đặt câu với mỗi từ em tìm được ở bài tập 1.

3. Mỗi tranh dưới đây kể một hoạt động của thiếu nhi kỉ niệm ngày sinh của Bác Hồ. Em hãy ghi lại hoạt động trong mỗi tranh bằng một câu.

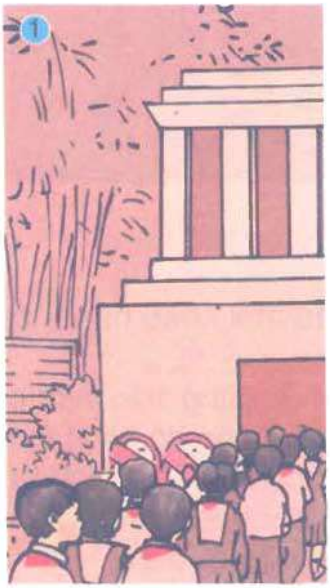

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

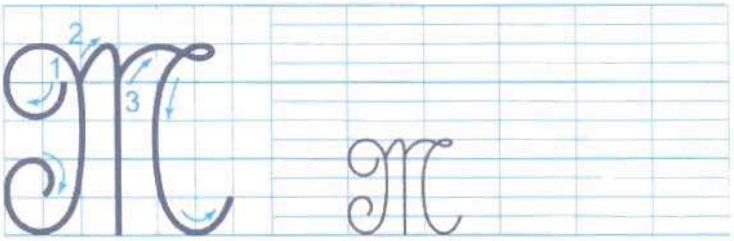

2. Viết ứng dụng : Mắt sáng như sao.

Cháu nhớ Bác Hồ

(Trích)

Đêm nay bên bến Ô Lâu,
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ.
Nhớ hình Bác giữa bóng cờ
Hồng hào đôi má, bạc phơ mái đầu.
Mắt hiền sáng tựa vì sao
Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời.
Nhớ khi trăng sáng đầy trời
Trung thu Bác gửi những lời vào thăm.
Đêm đêm cháu những bâng khuâng
Giở xem ảnh Bác cất thầm bấy lâu.
Nhìn mắt sáng, nhìn chòm râu,
Nhìn vầng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ.
Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ,
Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn.

Theo **THANH HẢI**

- Bài thơ trên được sáng tác trong thời kì nước ta bị chia cắt thành hai miền Nam, Bắc. Bạn nhỏ trong bài thơ sống ở vùng địch tạm chiếm.

- ***Ô Lâu*** : con sông chảy qua các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế.
- ***Cất thầm*** : giấu kín.
- ***Ngẩn ngơ*** : cảm thấy như trong mơ.
- ***Ngờ*** : ngỡ là, tưởng là.

1. Bạn nhỏ trong bài thơ quê ở đâu ?
2. Vì sao bạn phải "cất thầm" ảnh Bác ?
3. Hình ảnh Bác hiện lên như thế nào qua 8 dòng thơ đầu ?
4. Tìm những chi tiết nói lên tình cảm kính yêu Bác Hồ của bạn nhỏ.
5. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả

1. Nghe viết : *Cháu nhớ Bác Hồ* (từ *Đêm đêm...* đến *Bác hôn.)*

? Những từ nào trong bài chính tả phải viết hoa ? Vì sao ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***ch*** hay ***tr*** ?

...ăm sóc, một ...ăm, va ...ạm, ...ạm y tế

b) ***êt*** hay ***êch*** ?

ngày T..., dấu v..., chênh l..., d... vải.

(3). Thi đặt câu nhanh :

a) Với từ chứa tiếng bắt đầu bằng ***ch*** hoặc ***tr***.

b) Với từ chứa tiếng có vần ***êt*** hoặc ***êch***.

Tập làm văn

1. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi :

Qua suối

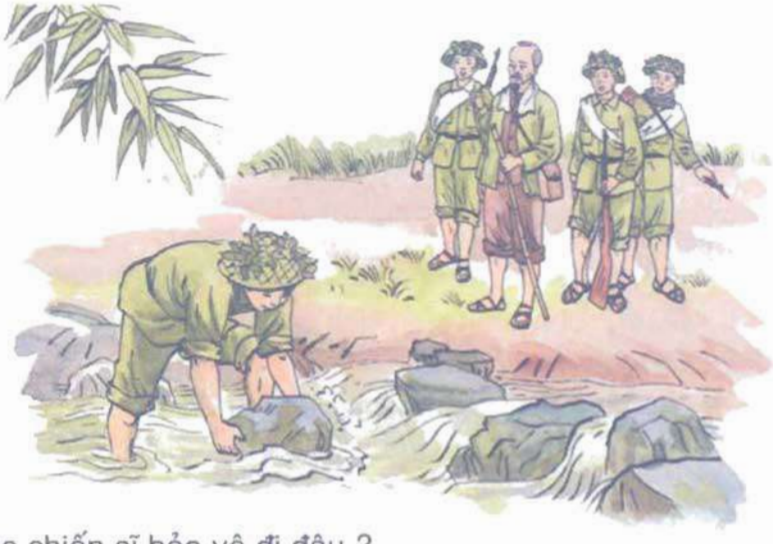

a) Bác Hồ và các chiến sĩ bảo vệ đi đâu ?

b) Có chuyện gì xảy ra với anh chiến sĩ ?

c) Khi biết hòn đá bị kênh, Bác bảo anh chiến sĩ làm gì ?

d) Câu chuyện *Qua suối* nói lên điều gì về Bác Hồ ?

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi d trong bài tập 1.

Tập đọc

Chiếc rễ đa tròn

1. Buổi sớm hôm ấy, như thường lệ, sau khi tập thể dục, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ và dài ngoằn ngoèo nằm trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi bảo chú cần vụ đứng gần đấy :

- Chú cuốn rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé !

2. Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Nhưng Bác lại bảo :

- Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn và bảo chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc :

- Thưa Bác, làm thế để làm gì ạ ?

Bác khẽ cười :

- Rồi chú sẽ biết.

3. Nhiều năm sau, chiếc rễ đã bén đất và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy. Lúc đó mọi người mới hiểu vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

Theo tập sách **BÁC HỒ KÍNH YÊU**

- ***Thường lệ*** : thói quen hoặc quy định có từ lâu.
- ***Tần ngần*** : đang mải nghĩ, chưa biết nên làm thế nào.
- ***Chú cần vụ*** : chú cán bộ làm công việc chăm sóc Bác.
- ***Thắc mắc*** : có điều chưa hiểu, cần hỏi.

1. Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác bảo chú cần vụ làm gì ?
2. Bác hướng dẫn chú cần vụ trồng chiếc rễ đa như thế nào ?
3. Chiếc rễ đa ấy trở thành một cây đa có hình dáng thế nào ?
4. Các bạn nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa ?
5. Hãy nói một câu :
   a) Về tình cảm của Bác đối với thiếu nhi.
   b) Về thái độ của Bác đối với mỗi vật xung quanh.

Kể chuyện

1. Sắp xếp lại trật tự các tranh dưới đây theo đúng diễn biến trong câu chuyện *Chiếc rễ đa tròn* :

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Chính tả

1. Nghe - viết :

Việt Nam có Bác

Bác là non nước trời mây,
Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn.
Còn cao hơn đỉnh Trường Sơn,
Nghìn năm chung đúc tâm hồn ông cha.
Điệu lục bát, khúc dân ca,
Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam.

LÊ ANH XUÂN

? Tìm các tên riêng trong bài chính tả.

2. Điền vào ô trống ***r, d*** hay ***gi*** ? Đặt ***dấu hỏi*** hay ***dấu ngã*** trên những chữ in đậm ?

Thăm nhà Bác

Anh dắt em vào cõi Bác xưa
Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa
Có hồ nước lặng sôi tăm cá
Có ***bươi*** cam thơm, mát bóng ừa.

Có ào râm bụt ***đo*** hoa quê
Như cổng nhà xưa Bác trở về
Có bốn mùa au tươi tốt lá
Như ***nhưng*** ngày cháo bẹ măng tre...

Nhà gác đơn sơ một góc vườn
Gô thường mộc mạc, ***chăng*** mùi sơn
ường mây chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

TỐ HỮU

(3). Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống :

a) ***rời*** hay ***dời*** ?
Tàu ... ga. Sơn Tinh ... từng dãy núi đi.
giữ hay ***dữ*** ?
Hổ là loài thú ... Bộ đội canh ... biển trời.

b) ***lã*** hay ***lả*** ?
Con cò bay ... bay la. Không uống nước ...
võ hay ***vỏ*** ?
Anh trai em tập ... ... cây sung xù xì.

Cây và hoa bên lăng Bác

Ảnh : VÕ VĂN CHIẾN

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc, toả ngát hương thơm.

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm. Hướng chính lăng, cạnh hàng dầu nước thẳng tắp, những đoá hoa ban đã nở lứa đầu.

Sau lăng, những cành đào Sơn La khoẻ khoắn vươn lên, reo vui với nhành sứ đỏ của đồng bằng Nam Bộ. Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông, nhưng hoa nhài trắng mịn, hoa mộc, hoa ngâu kết chùm đang toả hương ngào ngạt.

Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào lăng viếng Bác.

Theo **TẬP ĐỌC LỚP 4,1977**

- ***Uy nghi*** : trang nghiêm.
- ***Tụ hội*** : từ khắp nơi họp lại.
- ***Tam cấp*** : thềm nhà, lăng tẩm,... thường có ba bậc.
- ***Non sông gấm vóc*** : đất nước tươi đẹp.
- ***Tôn kính*** : hết sức kính trọng.

(?) 1. Kể tên những loài cây được trồng phía trước lăng Bác.
2. Kể tên những loài hoa nổi tiếng ở khắp miền đất nước được trồng quanh lăng Bác.
3. Câu văn nào cho thấy cây và hoa cũng mang tình cảm của con người đối với Bác ?

Luyện từ và câu

1. Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

Bác Hồ sống rất giản dị. Bữa cơm của Bác ... như bữa cơm của mọi người dân. Bác thích hoa huệ, loài hoa trắng ... . Nhà Bác ở là một ngôi ... khuất trong vườn Phủ Chủ tịch. Đường vào nhà trồng hai hàng ... , hàng cây gợi nhớ hình ảnh miền Trung quê Bác. Sau giờ làm việc, Bác thường ... chăm sóc cây, cho cá ăn.

(nhà sàn, râm bụt, đạm bạc, tinh khiết, tự tay)

2. Tìm những từ ngữ ca ngợi Bác Hồ.

M : sáng suốt

3. Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào ô trống trong đoạn văn sau ?

Tôn trọng luật lệ chung

Một hôm Bác Hồ đến thăm một ngôi chùa. Lệ thường, ai vào chùa cũng phải bỏ dép. Nhưng vị sư cả mời Bác cứ đi cả dép vào. Bác không đồng ý Đến thềm chùa Bác cởi dép để ngoài như mọi người, xong mới bước vào.

Theo tập sách **BÁC HỒ KÍNH YÊU**

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

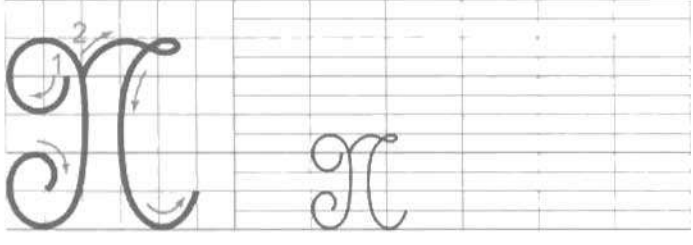

2. Viết ứng dụng : Người ta là hoa đất.

Bảo vệ như thế là rất tốt

Đơn vị bảo vệ Bác Hồ ở chiến khu có thêm một chiến sĩ mới. Đó là Lí Phúc Nha, người dân tộc Sán Chỉ.

Ngày đầu đứng gác trước nhà Bác, Nha vừa tự hào, vừa lo. Anh chăm chú nhìn con đường dẫn vào vọng gác. Đang quan sát, bỗng anh thấy từ xa một cụ già cao gầy, chân đi dép cao su rảo bước về phía mình.

Nha chưa kịp hỏi, ông cụ đã cất tiếng chào :

- Chú gác ở đây à ?

Nói rồi, cụ định đi vào nhà. Nha vội nói :

- Cụ cho cháu xem giấy tờ ạ !

Ông cụ vui vẻ bảo :

- Bác đây mà.

- Bác cũng phải có giấy mà ! Có giấy mới được vào mà !

Lúc ấy, đại đội trưởng chạy tới, hoảng hốt :

- Bác Hồ đây mà. Sao đồng chí không để Bác vào nhà của Bác ?

Nhưng Bác Hồ đã ôn tồn bảo :

- Chú ấy làm nhiệm vụ bảo vệ như thế là rất tốt.

Theo tập sách **BÁC HỒ KÍNH YÊU**

- ***Chiến khu*** : vùng căn cứ của ta trong kháng chiến chống Pháp.
- ***Vọng gác*** : nơi có người gác.
- ***Quan sát*** : xem xét để thấy rõ, biết rõ.
- ***Rảo bước*** : đi nhanh.
- ***Đại đội trưởng*** : người chỉ huy đại đội (đơn vị bộ đội khoảng 150 người).

1. Anh Nha được giao nhiệm vụ gì ?
2. Vì sao anh Nha hỏi giấy tờ của Bác Hồ ?
3. Bác Hồ khen anh Nha thế nào ?
4. Em thích chi tiết nào nhất ? Vì sao ?

Chính tả

1. Nghe - viết : *Cây và hoa bên lăng Bác* (từ *Sau lăng...* đến *toả hương ngào ngạt.)*

Tìm và tập viết các tên riêng có trong bài chính tả.

(2). Tìm các từ :

a) Bắt đầu bằng ***r, d*** hoặc ***gi***, có nghĩa như sau :
- Chất lỏng, dùng để thắp đèn, chạy máy,...
- Cất, giữ kín, không cho ai thấy hoặc biết.
- (Quả, lá) rơi xuống đất.

b) Có ***thanh hỏi*** hoặc ***thanh ngã***, có nghĩa như sau :
- Cây nhỏ, thân mềm, làm thức ăn cho trâu, bò, ngựa.
- Đập nhẹ vào vật cứng cho kêu.
- Vật dùng để quét nhà.

Tập làm văn

1. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :

a) Em quét dọn nhà cửa sạch sẽ, được cha mẹ khen.
b) Em mặc đẹp, được các bạn khen.
c) Em vứt một hòn đá nằm giữa đường sang bên đường để người qua lại khỏi bị vấp ; một cụ già nhìn thấy, khen em.

2. Quan sát ảnh Bác Hồ được treo trong lớp học, trả lời các câu hỏi sau :

a) Ảnh Bác được treo ở đâu ?
b) Trông Bác như thế nào (râu tóc, vầng trán, đôi mắt,...) ?
c) Em muốn hứa với Bác điều gì ?

3. Dựa vào những câu trả lời trên, viết một đoạn từ 3 đến 5 câu về ảnh Bác Hồ.

NHÂN DÂN

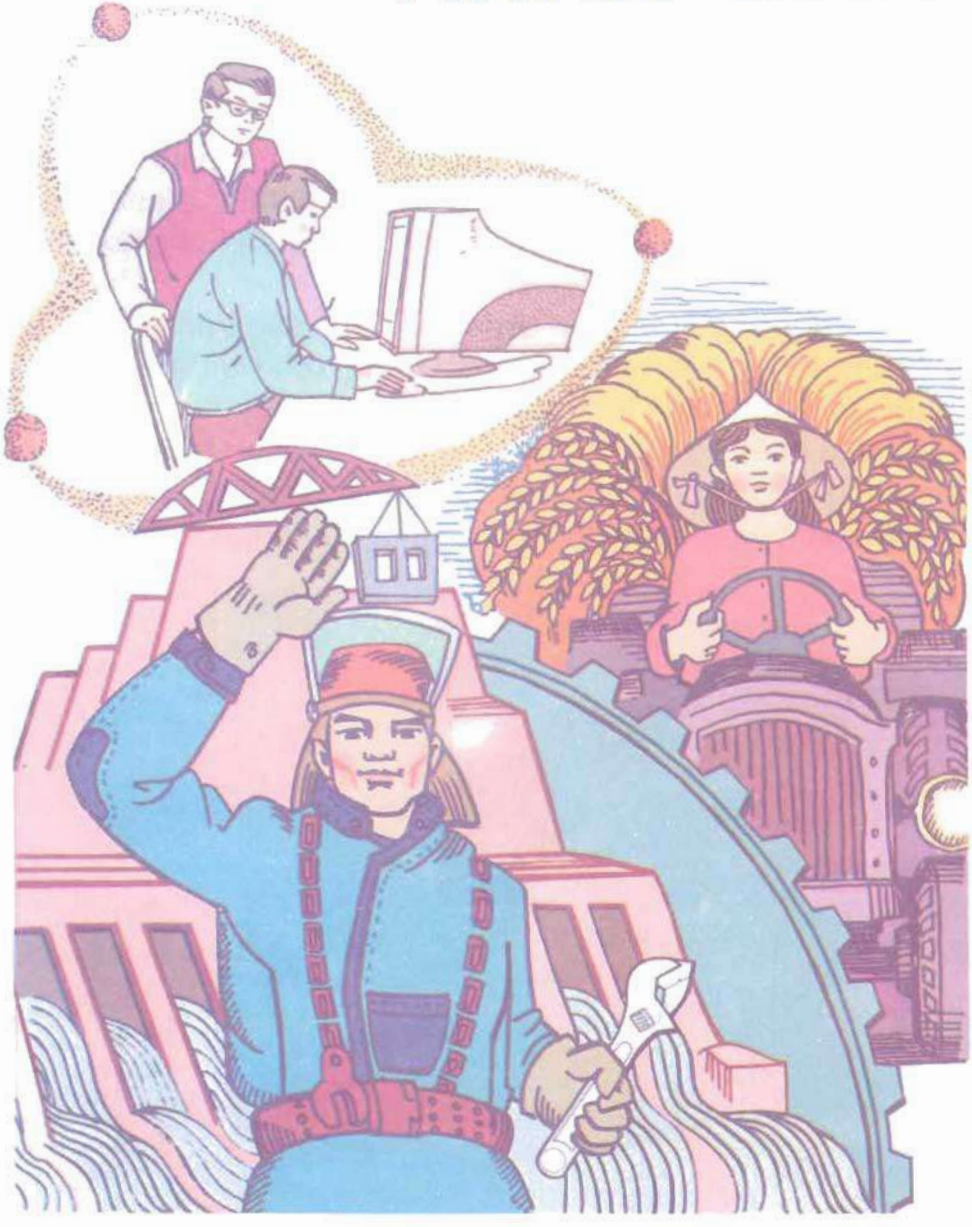

Chuyện quả bầu

1. Ngày xửa ngày xưa có hai vợ chồng đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi lạy van xin tha, hứa sẽ nói một điều bí mật. Hai vợ chồng thương tình tha cho. Dúi báo sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt khắp nơi. Nó khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn đủ bảy ngày, bảy đêm, rồi chui vào đó, bịt kín miệng gỗ bằng sáp ong, hết hạn bảy ngày hãy chui ra.

2. Hai vợ chồng làm theo. Họ còn khuyên bà con trong bản cùng làm nhưng chẳng ai tin. Hai người vừa chuẩn bị xong thì sấm chớp đùng đùng, mây đen ùn ùn kéo đến. Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài đều chết chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi như thuyền, hai vợ chồng thoát nạn. Sau bảy ngày, họ chui ra. Cỏ cây vàng úa. Mặt đất vắng tanh không còn một bóng người.

3. Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu. Thấy chồng buồn, chị đem bầu cất lên giàn bếp.

Một lần, hai vợ chồng đi làm nương về, nghe thấy tiếng cười đùa trong bếp. Lấy làm lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì thấy có tiếng lao xao. Người vợ lấy que đốt thành cái dùi, rồi nhẹ nhàng dùi quả bầu.

Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ-mú nhanh nhảu ra trước, dính than nên hơi đen. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh,... lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

Theo **TRUYỆN CỔ KHƠ-MÚ**

- ***Con dúi*** : loài thú nhỏ, ăn củ và rễ cây, sống trong hang đất.
- ***Sáp ong*** : chất mềm, dẻo do ong mật luyện để làm tổ.
- ***Nương*** : đất trồng trên đồi, núi hoặc bãi cao ven sông.
- ***Tổ tiên*** : những người đầu tiên sinh ra một dòng họ hay một dân tộc.

1. Con dúi mách hai vợ chồng người đi rừng điều gì ?
2. Hai vợ chồng làm cách nào để thoát nạn lụt ?
3. Có chuyện gì lạ xảy ra với hai vợ chồng sau nạn lụt ?
4. Hãy kể thêm tên một số dân tộc trên đất nước ta.
5. Hãy đặt tên khác cho câu chuyện.

Kể chuyện

1. Dựa theo các tranh sau, kể lại các đoạn 1 và 2 của *Chuyện quả bầu* :

2. Kể lại đoạn 3.

Gợi ý :

- Người vợ sinh ra quả bầu.
- Hai người thấy có tiếng lao xao trong quả bầu.
- Những con người bé nhỏ sinh ra từ quả bầu.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện theo cách mở đầu dưới đây :

Đất nước ta có 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc có tiếng nói riêng, có cách ăn mặc riêng. Nhưng tất cả các dân tộc ấy đều sinh ra từ một mẹ. Chuyện kể rằng...

1. Tập chép :

Chuyện quả bầu

Từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ-mú nhanh nhảu ra trước. Tiếp đến, người Thái, người Tày, người Nùng, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh,... lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

- Hãy tìm các tên riêng trong bài chính tả.
- Các tên riêng ấy được viết thế nào ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***l*** hay ***n*** ?

Bác lái đò

Bác làm nghề chở đò đã năm năm ...ay. Với chiếc thuyền ...an ...ênh đềnh mặt nước, ngày ...ày qua tháng khác, bác chăm ...o đưa khách qua ...ại trên sông.

TIẾNG VIỆT 4, 1984

b) ***v*** hay ***d*** ?

Đi đâu mà ...ội mà ...àng
Mà ...ấp phải đá, mà quàng phải ...ây
Thong thả như chúng em đây
Chẳng đá nào ...ấp, chẳng ...ây nào quàng.

Ca dao

(3). Tìm các từ :

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng ***n*** hay ***l***, có nghĩa như sau :
- Vật dùng để nấu cơm.
- Đi qua chỗ có nước.
- Sai sót, khuyết điểm.

b) Chứa tiếng bắt đầu bằng ***v*** hay ***d***, có nghĩa như sau :
- Ngược với *buồn*.
- Mềm nhưng bền, khó làm đứt.
- Bộ phận cơ thể nối tay với thân mình.

Tập đọc

Quyển sổ liên lạc

Ai cũng bảo bố Trung lắm hoa tay. Bố làm gì cũng khéo, viết chữ thì đẹp. Chẳng hiểu sao, Trung không có được hoa tay như thế. Tháng nào, trong sổ liên lạc, cô giáo cũng nhắc Trung phải tập viết thêm ở nhà.

Một hôm, bố lấy trong tủ ra một quyển sổ mỏng đã ngả màu, đưa cho Trung. Trung ngạc nhiên : đó là quyển sổ liên lạc của bố ngày bố còn là một cậu học trò lớp hai. Trang sổ nào cũng ghi lời thầy khen bố Trung chăm ngoan, học giỏi. Nhưng cuối lời phê, thầy thường nhận xét chữ bố Trung nguệch ngoạc, cần luyện viết nhiều hơn. Trung băn khoăn :

- Sao chữ bố đẹp thế mà thầy còn chê ?

Bố bảo :

- Đấy là do sau này bố tập viết rất nhiều, chữ mới được như vậy.
- Thế bố có được thầy khen không ?

Giọng bố buồn hẳn :

- Không. Năm bố học lớp ba, thầy đi bộ đội rồi hi sinh.

NGUYỄN MINH

- ***Lắm hoa tay*** : ý nói khéo tay.
- ***Lời phê*** : lời nhận xét của thầy, cô.
- ***Hi sinh*** : chết vì việc nước.

1. Trong sổ liên lạc, cô giáo nhắc Trung điều gì ?
2. Bố đưa quyển sổ liên lạc cũ cho Trung xem để làm gì ?
3. Vì sao bố buồn khi nhắc tới thầy giáo cũ của bố ?
4. Trong sổ liên lạc, thầy (cô) nhận xét em thế nào ? Em làm gì để thầy (cô) vui lòng ?

Luyện từ và câu

1. Xếp các từ cho dưới đây thành từng cặp có nghĩa trái ngược nhau (từ trái nghĩa) :

a) đẹp, ngắn, nóng, thấp, lạnh, xấu, cao, dài
b) lên, yêu, xuống, chê, ghét, khen
c) trời, trên, đất, ngày, dưới, đêm

M : nóng - lạnh

2. Em chọn *dấu chấm* hay *dấu phẩy* để điền vào mỗi ô trống trong đoạn sau ?

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : Đồng bào Kinh hay Tày ▢ Mường hay Dao Gia-rai hay Ê-đê ▢ Xơ-đăng hay Ba-na và các dân tộc ít người khác đều là con cháu Việt Nam ▢ đều là anh em ruột thịt ▢ Chúng ta sống chết có nhau sướng khổ cùng nhau ▢ no đói giúp nhau.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

2. Viết ứng dụng : Quân dân một lòng.

Tập đọc

Tiếng chổi tre

(Trích)

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...

Những đêm đông
Khi cơn giông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

Nhớ em nghe
Tiếng chổi tre
Chị quét
Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về
Giữ sạch lề
Đẹp lối
Em nghe !

TỐ HỮU

- ***Xao xác*** : từ gợi tả chuỗi tiếng động nhẹ phá vỡ cảnh yên tĩnh.
- ***Lao công*** : người làm các công việc vệ sinh, phục vụ,...

1. Nhà thơ nghe thấy tiếng chổi tre vào những lúc nào ?
2. Tìm những câu thơ ca ngợi chị lao công.
3. Nhà thơ muốn nói với em điều gì qua bài thơ ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Tiếng chổi tre* (từ *Những đêm đông...* đến hết.)

- Những chữ nào trong bài chính tả phải viết hoa ?
- Nên bắt đầu viết mỗi dòng thơ từ ô nào trong vở ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***l*** hay ***n*** ?

- Một cây ...àm chẳng ...ên ...on
Ba cây chụm lại ...ên hòn ...úi cao.

Tục ngữ

- Nhiễu điều phủ ...ấy giá gương
Người trong một ...ước phải thương nhau cùng.

Tục ngữ

b) ***it*** hay ***ich*** ?

Vườn nhà em trồng toàn m... . Mùa trái chín, m... lúc lỉu trên cây như đàn lợn con. Những chú chim ch... tinh ngh... nhảy lích r... trong kẽ lá. Chị em em tíu t... ra vườn. Ngồi ăn những múi m... đọng mật dưới gốc cây thật là th... .

(3). Thi tìm nhanh các từ ngữ chứa tiếng :

a) Chỉ khác nhau ở âm đầu ***l*** hoặc ***n***.
M : bơi ***lặn*** - ***nặn*** tượng

b) Chỉ khác nhau ở vần ***it*** hoặc ***ich***.
M : ***thịt*** gà - thình ***thịch***

Tập làm văn

1. Đọc lời các nhân vật trong tranh dưới đây :

2. Nói lời đáp của em trong các trường hợp sau :

a) Em muốn mượn bạn quyển truyện. Bạn bảo : "Truyện này tớ cũng đi mượn."

b) Em nhờ bố làm giúp em bài tập vẽ. Bố bảo : "Con cần tự làm bài chứ !"

c) Em xin đi chợ cùng mẹ. Mẹ bảo : "Con ở nhà học bài đi !"

3. Đọc và nói lại nội dung một trang sổ liên lạc của em.

Bóp nát quả cam

1. Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Thấy sứ giặc ngang ngược đủ điều, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

2. Sáng nay, biết Vua họp bàn việc nước ở dưới thuyền rồng, Quốc Toản quyết đợi gặp Vua để nói hai tiếng "xin đánh". Đợi từ sáng đến trưa, vẫn không được gặp, cậu bèn liều chết xô mấy người lính gác ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Quân lính ập đến vây kín. Quốc Toản mặt đỏ bừng bừng, tuốt gươm, quát lớn :

- Ta xuống xin bệ kiến Vua, không kẻ nào được giữ ta lại.

3. Vừa lúc ấy, cuộc họp dưới thuyền rồng tạm nghỉ, Vua cùng các vương hầu ra ngoài mui thuyền.

Quốc Toản bèn chạy đến, quỳ xuống tâu :

- Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin Bệ hạ cho đánh !

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.

Vua truyền cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo :

- Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng xét thấy em còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, Vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

4. Quốc Toản tạ ơn Vua, chân bước lên bờ mà lòng ấm ức : "Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, vẫn không cho dự bàn việc nước." Nghĩ đến quân giặc đang lăm le đè đầu cưỡi cổ dân mình, cậu nghiến răng, hai bàn tay bóp chặt.

Thấy Quốc Toản trở ra, mọi người ùa tới. Cậu xoè bàn tay phải cho họ xem cam quý Vua ban. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

Theo **NGUYỄN HUY TƯỞNG**

- ***Nguyên*** : triều vua Trung Hoa (1279 - 1368), ba lần xâm lược nước ta đều thua.
- ***Ngang ngược*** : bất chấp lẽ phải, tỏ ra không sợ gì.
- ***Trần Quốc Toản (1267 - 1285)*** : một thiếu niên anh hùng, em vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.
- ***Thuyền rồng*** : thuyền của vua, có chạm hình con rồng.
- ***Bệ kiến*** : gặp vua.
- ***Vương hầu*** : những người có tước vị cao do vua ban.

1. Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta ?
2. Trần Quốc Toản xin gặp Vua để làm gì ?
3. Quốc Toản nóng lòng gặp Vua như thế nào ?
4. Vì sao Vua không những tha tội mà còn ban cho Quốc Toản cam quý ?
5. Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam ?

Kể chuyện

1. Sắp xếp lại thứ tự các tranh sau theo đúng nội dung câu chuyện *Bóp nát quả cam* :

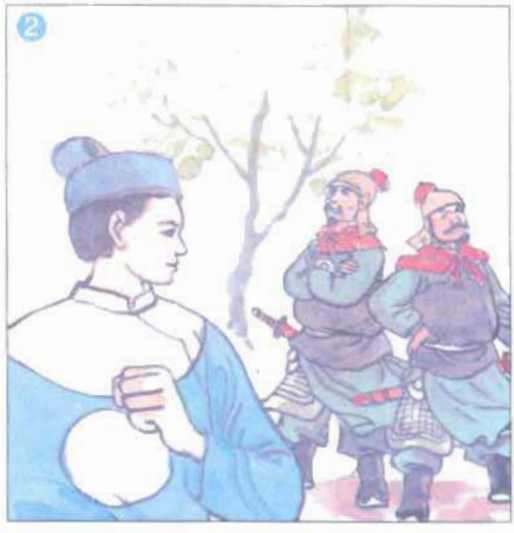

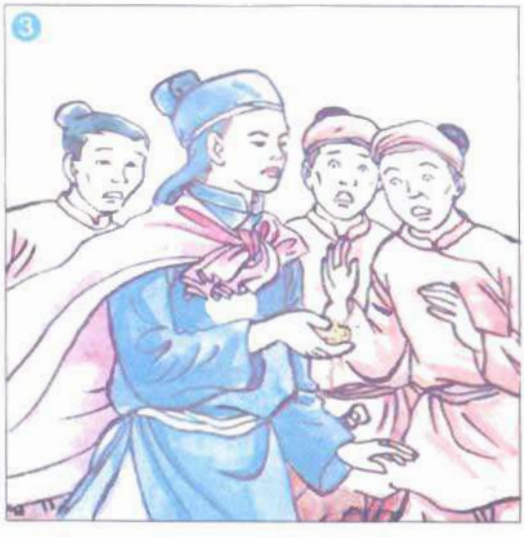

2. Dựa vào các tranh đã được sắp xếp lại, kể từng đoạn câu chuyện.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

1. Nghe - viết :

Bóp nát quả cam

Thấy giặc âm mưu chiếm nước ta, Quốc Toản liều chết gặp vua xin đánh. Vua thấy Quốc Toản còn nhỏ đã biết lo cho nước nên tha tội và thưởng cho quả cam. Quốc Toản ấm ức vì bị xem như trẻ con, lại căm giận lũ giặc, nên nghiến răng, xiết chặt bàn tay, làm nát quả cam quý.

? Những chữ cái nào trong bài chính tả viết hoa ? Vì sao phải viết hoa ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***s*** hay ***x*** ?

- Đông ...ao thì nắng, vắng ...ao thì mưa.

Tục ngữ

- Con công hay múa
Nó múa làm ...ao ?
Nó rụt cổ vào
Nó ...oè cánh ra.

Đồng dao

- Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm, lộn cổ ...uống ao
Ông ơi, ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có ...áo thì ...áo nước trong
Chớ ...áo nước đục đau lòng cò con.

Ca dao

b) ***iê*** hay ***i*** ?

Thuỷ Tiên rất hợp với tên của em. Em thật xinh xắn với nụ cười chúm ch...́ m, t... ng nói d... u dàng, dễ thương. Như một cô t... n bé nhỏ, Thuỷ T... n thích giúp đỡ mọi người, kh...́ n ai cũng yêu quý.

Lá cờ

- Ra coi, mau lên !

Chị tôi vừa gọi, vừa kéo tôi chạy ra cửa. Chị chỉ tay về phía bót :

- Thấy gì chưa ?

Tôi thấy rồi. Cờ ! Cờ đỏ sao vàng trên cột cờ trước bót. Tôi ngỡ ngàng ngắm lá cờ rực rỡ với ngôi sao vàng năm cánh đang bay phấp phới trên nền trời xanh mênh mông buổi sáng.

Cờ mọc trước cửa mỗi nhà. Cờ bay trên những ngọn cây xanh lá. Cờ đậu trên tay những người đang lũ lượt đổ về chợ. Trên dòng sông mênh mông, bao nhiêu là xuồng với những lá cờ mỗi lúc mỗi gần nhau, đổ về bến chợ. Xuồng nối nhau, san sát, kết thành một chiếc bè đầy cờ, bập bềnh trên sóng.

Đó là buổi mít tinh đầu tiên của dân làng tôi mừng ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

Theo **NGUYỄN QUANG SÁNG**

- ***Bót*** : đồn giặc.
- ***Ngỡ ngàng*** : bàng hoàng, ngạc nhiên vì không ngờ tới.
- ***San sát*** : rất nhiều, liền sát nhau như không còn kẽ hở.
- ***Bập bềnh*** : chuyển động lên xuống, nhấp nhô theo làn sóng.
- ***Mít tinh*** : cuộc họp đông người để thể hiện thái độ đối với một việc lớn.
- ***Cách mạng tháng Tám*** : cuộc cách mạng diễn ra vào tháng 8 năm 1945 giành độc lập cho nước ta.

?

1. Thoạt tiên, bạn nhỏ nhìn thấy lá cờ ở đâu ?
2. Hình ảnh lá cờ đẹp như thế nào ?
3. Cờ đỏ sao vàng mọc lên ở những nơi nào nữa ?
4. Mọi người mang cờ đi đâu ?

Luyện từ và câu

1. Tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp của những người được vẽ trong các tranh dưới đây :

2. Tìm thêm những từ ngữ chỉ nghề nghiệp khác mà em biết.

M : thợ may

3. Trong các từ dưới đây, những từ nào nói lên phẩm chất của nhân dân Việt Nam ta ?

anh hùng, cao lớn, thông minh, gan dạ, rực rỡ, cần cù, đoàn kết, vui mừng, anh dũng.

4. Đặt một câu với một từ tìm được trong bài tập 3.

Tập viết

1. Viết chữ hoa :

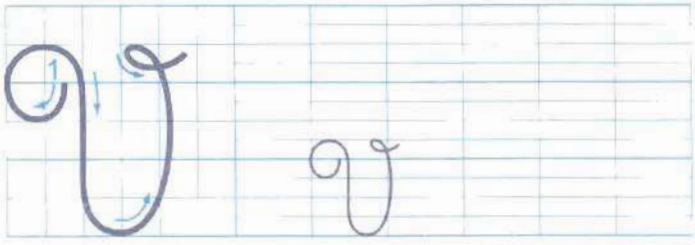

2. Viết ứng dụng : Việt Nam thân yêu.

Tập đọc

Lượm

(Trích)

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao.

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo.

Đường quê vắng vẻ
Lúa trỗ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...

TỐ HỮU

- ***Loắt choắt*** : dáng bé nhỏ, nhanh nhẹn.
- ***Cái xắc*** : túi da, túi vải có quai đeo bên mình.
- ***Ca lô (mũ chào mào)*** : loại mũ mềm, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại.
- ***Thượng khẩn*** : rất gấp. Thư có ghi "Thượng khẩn" là thư quan trọng, cần chuyển gấp.
- ***Đòng đòng*** : bông lúa non còn nằm trong bẹ cây.

1. Tìm những nét ngộ nghĩnh, đáng yêu của Lượm trong hai khổ thơ đầu.
2. Lượm làm nhiệm vụ gì ?
3. Lượm dũng cảm như thế nào ?
4. Em thích những câu thơ nào ? Vì sao ?
5. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả

1. Nghe - viết : *Lượm* (hai khổ thơ đầu)

- Đếm số chữ của mỗi dòng thơ.
- Nên bắt đầu viết các dòng thơ từ ô nào trong vở ?

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

a) *(sen, xen)* : hoa ... , ... kẽ
(sưa, xưa) : ngày ... , say ...
(sử, xử) : cư ... , lịch ...

b) *(kín, kiến)* : con ... , ... mít
(chín, chiến) : cơm ... , ... đấu
(tim, tiêm) : kim ... , trái ...

(3). Thi tìm nhanh các từ ngữ chứa tiếng :

a) Chỉ khác nhau ở âm ***s*** hay ***x***.

M : nước ***sôi*** - đĩa ***xôi***, ngôi ***sao*** - ***xao*** xác

b) Chỉ khác nhau ở âm ***i*** hay ***iê***.

M : nàng ***tiên*** - lòng ***tin***, lúa ***chiêm*** - ***chim*** sâu

Tập làm văn

1. Hãy nhắc lại lời an ủi và lời đáp của các nhân vật trong tranh dưới đây :

2. Nói lời đáp của em trong các trường hợp sau :

a) Em buồn vì điểm kiểm tra không tốt. Cô giáo an ủi : "Đừng buồn. Nếu cố gắng hơn, em sẽ được điểm tốt."

b) Em rất tiếc vì mất con chó. Bạn em nói : "Mình chia buồn với bạn."

c) Em rất lo khi con mèo nhà em đi đâu, đã hai ngày không về. Bà em an ủi : "Đừng buồn. Có thể ngày mai mèo lại về đấy, cháu ạ."

3. Hãy viết một đoạn văn ngắn (3, 4 câu) kể một việc tốt của em (hoặc của bạn em). Ví dụ :

- Săn sóc mẹ khi mẹ bị ốm.
- Cho bạn đi chung áo mưa.

Tập đọc

Người làm đồ chơi

1. Bác Nhân, hàng xóm nhà tôi, là một người làm đồ chơi bằng bột màu. Ở ngoài phố, cái sào nứa cắm đồ chơi của bác dựng chỗ nào là chỗ ấy trẻ con xúm lại. Các bạn ngắm đồ chơi, tò mò xem bác nặn những ông Bụt, Thạch Sanh, Tôn Ngộ Không, những con vịt, con gà,... sắc màu sặc sỡ.

Bác Nhân rất vui với công việc của mình. Mỗi chiều bán hàng về, bác lại kể cho tôi nghe trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác như thế nào.

2. Dạo này, hàng của bác Nhân bỗng bị ế. Những đồ chơi mới bằng nhựa đã xuất hiện.

Một hôm, bác Nhân bảo : bác sắp về quê làm ruộng, không nặn đồ chơi nữa.

Tôi suýt khóc, nhưng cố tỏ ra bình tĩnh :

- Bác đừng về. Bác ở đây làm đồ chơi bán cho chúng cháu.
- Nhưng độ này chả mấy ai mua đồ chơi của bác nữa.
- Cháu mua và sẽ rủ bạn cháu cùng mua.

Bác cảm động ôm lấy tôi.

3. Hôm sau là buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân. Sáng ấy, tôi đập con lợn đất, đếm được hơn mười nghìn đồng. Tôi chia nhỏ món tiền, nhờ mấy bạn trong lớp mua giúp đồ chơi của bác.

Gặp bác chiều ấy, tôi thấy bác rất vui. Bác tặng tôi hai con giống, rồi kể : "Hôm nay, bác bán hết nhẵn hàng. Thì ra, vẫn còn nhiều trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác."

Bác còn bảo :

- Về quê, bác cũng sẽ nặn đồ chơi để bán. Nghe nói trẻ ở nông thôn thích thứ này hơn trẻ thành phố.

Theo **XUÂN QUỲNH**

- ***Ế hàng*** : không bán được hàng.
- ***Hết nhẵn*** : không còn tí nào.

1. Bác Nhân làm nghề gì ?
2. Các bạn nhỏ thích đồ chơi của bác Nhân như thế nào ?
3. Vì sao bác Nhân định chuyển về quê ?
4. Bạn nhỏ trong truyện đã làm gì để bác vui trong buổi bán hàng cuối cùng ?
5. Hãy đoán xem bác Nhân sẽ nói gì với bạn nhỏ ấy nếu bác biết vì sao hôm đó đắt hàng.

Kể chuyện

1. Dựa vào nội dung tóm tắt dưới đây, kể lại từng đoạn câu chuyện *Người làm đồ chơi* :

a) *Đoạn 1* : Cuộc sống vui vẻ của bác Nhân.
b) *Đoạn 2* : Bác Nhân định chuyển nghề.
c) *Đoạn 3* : Buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân.

2. Kể toàn bộ câu chuyện.

1. Nghe - viết :

Người làm đồ chơi

Bác Nhân là người nặn đồ chơi bằng bột màu. Khi đồ chơi bằng nhựa xuất hiện, hàng của bác không bán được, bác định chuyển nghề về quê làm ruộng. Một bạn nhỏ đã lấy tiền để dành, nhờ bạn bè mua đồ chơi để bác vui trong buổi bán hàng cuối cùng.

Tìm tên riêng trong bài chính tả.

(2). Điền vào chỗ trống :

a) ***cháng*** hay ***tráng*** ?

... khoe ... tỏ hơn đèn
Cớ sao ... phải chịu luồn đám mây ?
Đèn khoe đèn tỏ hơn ...
Đèn ra trước gió còn ... hỡi đèn ?

Ca dao

b) ***ong*** hay ***ông*** ?

phép c... , c... rau
c... chiêng, c... lưng

(3). a) Điền vào chỗ trống ***ch*** hay ***tr*** ?

Chú Trường vừa ...ồng ...ọt giỏi, vừa ...ăn nuôi giỏi. Vườn nhà chú cây nào cũng ...ĩu quả. Dưới ao, cá ...ôi, cá ...ép, cá ...ắm từng đàn. Cạnh ao là ...uồng lợn, ...uồng trâu, ...uồng gà, ...ông rất ngăn nắp.

b) Ghi trên những chữ in đậm ***dấu hỏi*** hay ***dấu ngã*** ?

Ông Dũng có hai người con đều ***gioi*** giang cả. Chú Nghĩa, con trai ông, bây giờ là ***ki*** sư, làm ***ơ mo*** than. Còn cô Hải, con gái ông, là bác ***si nôi*** tiếng ***ơ*** bệnh viện ***tinh***.

Đàn bê của anh Hồ Giáo

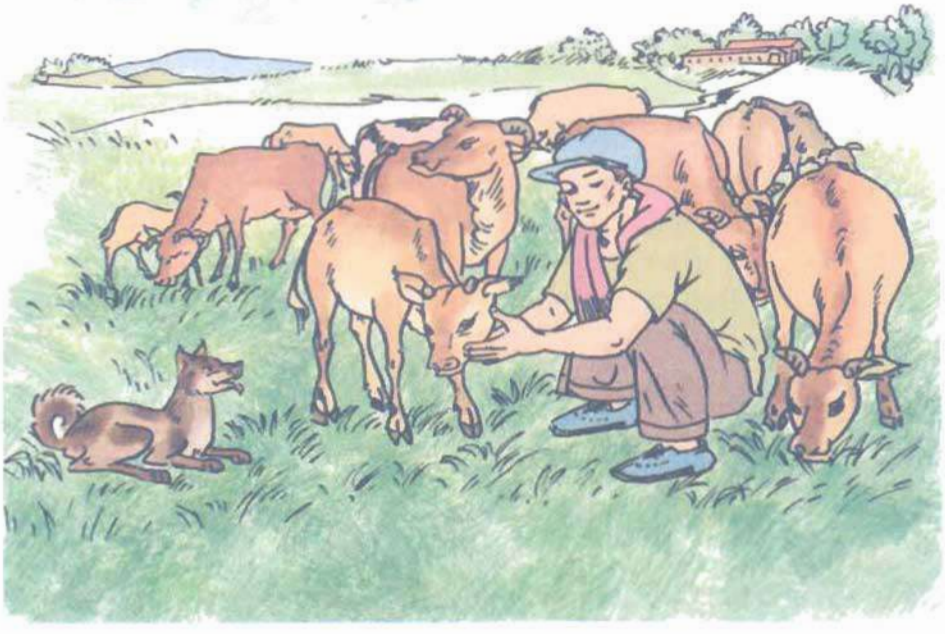

Đã sang tháng ba, đồng cỏ Ba Vì vẫn giữ nguyên vẻ đẹp như hồi đầu xuân. Không khí trong lành và rất ngọt ngào. Bầu trời cao vút, trập trùng những đám mây trắng...

Hồ Giáo đứng đã lâu trên đồng cỏ. Đàn bê ăn quanh quẩn ở bên anh.

Giống như những đứa trẻ quấn quýt bên mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân Hồ Giáo. Chúng vừa ăn vừa đùa nghịch. Những con bê đực, y hệt những bé trai khoẻ mạnh, chốc chốc lại ngừng ăn, nhảy quẩng lên rồi chạy đuổi nhau thành một vòng tròn xung quanh anh... Những con bê cái thì khác hẳn. Chúng rụt rè chẳng khác nào những bé gái được bà

chiều chuộng, chăm bẵm, không dám cho chạy đi chơi xa... Chúng ăn nhỏ nhẹ, từ tốn. Thỉnh thoảng, một con, chừng như nhớ mẹ, chạy lại chỗ Hồ Giáo, dụi mõm vào người anh nũng nịu. Có con còn sán vào lòng anh, quơ quơ đôi chân lên như là đòi bế.

Theo **PHƯỢNG VŨ**

:

- ***Hồ Giáo*** : tên một Anh hùng Lao động ngành chăn nuôi.
- ***Trập trùng*** : nhiều tầng, nhiều lớp liên tiếp.
- ***Quanh quẩn*** : loanh quanh ở một chỗ, không rời đâu xa.
- ***Nhảy quẩng*** : nhảy lên vì thích.
- ***Rụt rè*** : không mạnh dạn làm điều muốn làm.
- ***Từ tốn*** : chậm rãi, nhẹ nhàng.

?

1. Không khí và bầu trời mùa xuân trên đồng cỏ Ba Vì đẹp như thế nào ?
2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của đàn bê con với anh Hồ Giáo.
3. Theo em, vì sao đàn bê yêu quý anh Hồ Giáo như vậy ?

Luyện từ và câu

1. Dựa theo nội dung bài *Đàn bê của anh Hồ Giáo*, tìm những từ ngữ trái nghĩa điền vào chỗ trống :

Những con bê cái	Những con bê đực
- như những bé gái	- như những ...
- rụt rè	- ...
- ăn nhỏ nhẹ, từ tốn	- ăn ...

2. Hãy giải nghĩa từng từ dưới đây bằng từ trái nghĩa với nó :

a) Trẻ con
b) Cuối cùng
c) Xuất hiện
d) Bình tĩnh

M : *Trẻ con* : trái nghĩa với *người lớn*.

3. Chọn ý thích hợp ở cột B cho các từ ngữ ở cột A :

A	B
Nghề nghiệp	**Công việc**
Công nhân	a) Cấy lúa, trồng khoai, nuôi lợn (heo), thả cá,...
Nông dân	b) Chỉ đường ; giữ trật tự làng xóm, phố phường ; bảo vệ nhân dân,...
Bác sĩ	c) Bán sách, bút, vải, gạo, bánh kẹo, đồ chơi, ô tô, máy cày,...
Công an	d) Làm giấy viết, vải mặc, giày dép, bánh kẹo, thuốc chữa bệnh, ô tô, máy cày,...
Người bán hàng	e) Khám và chữa bệnh

Tập viết

1. Viết chữ hoa : Ôn các chữ hoa

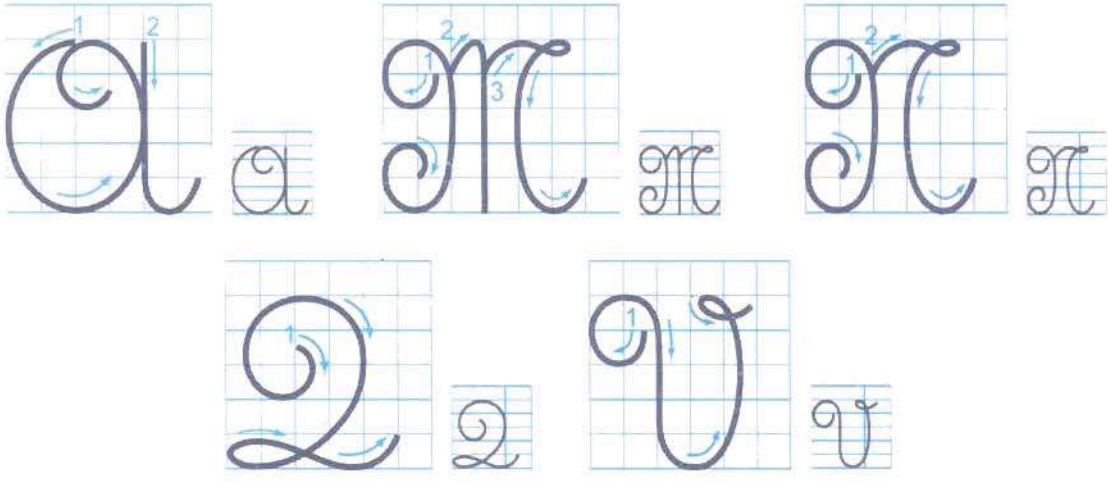

2. Viết ứng dụng : Việt Nam
Nguyễn Ái Quốc
Hồ Chí Minh

Cháy nhà hàng xóm

Trong làng nọ có nhà bị cháy. Cả làng đổ ra, kẻ thùng, người chậu, ai nấy ra sức tìm cách dập đám cháy. Riêng có một người nhà ở ngay bên cạnh vẫn trùm chăn, bình chân như vại, nghĩ :

- Cháy nhà hàng xóm, chẳng việc gì mình phải bận tâm.

Nào ngờ, lửa mỗi lúc một to, gió thổi mạnh làm tàn lửa bay tứ tung, bén sang mái nhà ông ta. Lúc bấy giờ người kia mới chồm dậy, cuống cuồng tìm cách dập lửa. Nhưng không kịp nữa rồi. Nhà cửa, của cải của ông ta đã bị ngọn lửa thiêu sạch.

TRUYỆN NGỤ NGÔN

:

- ***Bình chân như vại*** : ý nói không quan tâm, lo lắng gì.
- ***Tứ tung*** : tản ra khắp mọi chỗ, mọi nơi.
- ***Bén*** : (lửa) bắt vào một vật, làm cháy vật đó.
- ***Cuống cuồng*** : vội vàng, rối rít.

?

1. Thấy có nhà cháy, mọi người trong làng làm gì ?
2. Trong lúc mọi người chữa cháy, người hàng xóm nghĩ gì, làm gì ?
3. Kết thúc câu chuyện ra sao ?
4. Câu chuyện này khuyên ta điều gì ?

Chính tả

1. Nghe - viết :

Đàn bê của anh Hồ Giáo

Giống như những đứa trẻ quấn quýt bên mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân anh Hồ Giáo. Những con bê đực chốc chốc lại ngừng ăn, nhảy quẩng lên rồi chạy đuổi nhau thành một vòng tròn xung quanh anh. Những con bê cái thì rụt rè. Có con sán vào lòng anh, quơ quơ đôi chân lên như đòi bế.

? Tìm tên riêng trong bài chính tả.

(2). Tìm các từ :

a) Bắt đầu bằng ***ch*** hoặc ***tr*** :
- Chỉ nơi tập trung đông người mua bán.
- Cùng nghĩa với *đợi.*
- Trái nghĩa với *méo.*

b) Có ***thanh hỏi*** hoặc ***thanh ngã*** :
- Chỉ hiện tượng gió rất mạnh, gây mưa to, có sức phá hoại dữ dội.
- Cùng nghĩa với *cọp, hùm.*
- Trái nghĩa với *bận.*

(3). Thi tìm nhanh :

a) Những từ bắt đầu bằng ***ch*** hoặc ***tr*** chỉ các loài cây.
M : chè, trám

b) Những từ có ***thanh hỏi*** hoặc ***thanh ngã*** chỉ các đồ dùng.
M : tủ, đũa

Tập làm văn

1. Hãy kể về một người thân của em (bố, mẹ, chú hoặc dì,...) theo các câu hỏi gợi ý sau :

a) Bố (mẹ, chú, dì,...) của em làm nghề gì ?
b) Hằng ngày, bố (mẹ, chú, dì,...) làm những việc gì ?
c) Những việc ấy có ích như thế nào ?

2. Hãy viết những điều đã kể ở bài tập 1 thành một đoạn văn.

Tuần 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾT 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Hãy thay cụm từ *khi nào* trong các câu hỏi dưới đây bằng các cụm từ thích hợp *(bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ,...)* :

a) Khi nào bạn về quê thăm ông bà nội ?
b) Khi nào các bạn được đón Tết Trung thu ?
c) Khi nào bạn đi đón em gái ở lớp mẫu giáo ?

3. Ngắt đoạn sau thành 5 câu, rồi viết lại cho đúng chính tả :

Bố mẹ đi vắng ở nhà chỉ có Lan và em Huệ Lan bày đồ chơi ra dỗ em em buồn ngủ Lan đặt em nằm xuống giường rồi hát cho em ngủ.

TIẾT 2

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm các từ chỉ màu sắc trong đoạn thơ dưới đây :

Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu...

Em quay đầu đỏ
Vẽ nhà em ở
Ngói mới đỏ tươi
Trường học trên đồi
Em tô đỏ thắm.

ĐỊNH HẢI

3. Chọn hai từ em vừa tìm được ở bài tập 2, đặt câu với mỗi từ đó.

4. Đặt câu hỏi có cụm từ *khi nào* cho những câu sau :

a) Những hôm mưa phùn gió bấc, trời rét cóng tay.
b) Vào những đêm có trăng sao, luỹ tre làng đẹp như tranh vẽ.
c) Chủ nhật tới, cô giáo sẽ đưa cả lớp đi thăm vườn thú.
d) Chúng tôi thường về thăm ông bà vào những ngày nghỉ.

TIẾT 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Đặt câu hỏi có cụm từ *ở đâu* cho những câu sau :

a) Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.
b) Chú mèo mướp vẫn nằm lì bên đống tro ấm trong bếp.
c) Tàu Phương Đông buông neo trong vùng biển Trường Sa.
d) Bên vệ đường, một chú bé đang say mê thổi sáo.

3. Điền *dấu chấm hỏi* hay *dấu phẩy* vào mỗi ô trống trong truyện vui sau ?

Đạt lên năm tuổi. Cậu nói với bạn :

- Chiến này mẹ cậu là cô giáo, sao cậu chẳng biết viết một chữ nào

Chiến đáp :

- Thế bố cậu là bác sĩ răng sao em bé của cậu lại chẳng có chiếc răng nào

TIẾT 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Nói lời đáp của em :

a) Khi ông bà tặng quà, chúc mừng sinh nhật em.
b) Khi bố mẹ chúc mừng em được điểm 10.
c) Khi các bạn trong lớp chúc mừng em được đi dự trại hè.

3. Đặt câu hỏi có cụm từ *như thế nào* cho các câu sau :

a) Gấu đi lặc lè.
b) Sư Tử giao việc cho bề tôi rất hợp lí.
c) Vẹt bắt chước tiếng người rất giỏi.

TIẾT 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Nói lời đáp của em trong mỗi trường hợp sau :

a) Bà đến chơi, em bật ti vi cho bà xem. Bà khen : "Cháu bà giỏi quá !"
b) Em hát và múa cho dì xem. Dì khen : "Cháu hát hay, múa dẻo quá !"
c) Bạn em va vào bàn, làm rơi cái lọ. Em nhanh tay đỡ được. Bạn khâm phục : "Cậu nhanh thật đấy !"

3. Đặt câu hỏi có cụm từ *vì sao* cho các câu sau :

a) Vì khôn ngoan, Sư Tử điều binh khiển tướng rất tài.
b) Vì gấu trắng có tính tò mò, người thuỷ thủ thoát nạn.
c) Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh vì ghen tức.

TIẾT 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Nói lời đáp của em trong mỗi trường hợp sau :

a) Em xin anh cho đi xem lớp anh đá bóng. Anh nói : "Em ở nhà làm cho hết bài tập đi."

b) Em sang nhà bạn mượn bạn quả bóng. Bạn bảo : "Mình cũng đang chuẩn bị đi đá bóng."

c) Em muốn trèo cây hái ổi. Chú em bảo : "Cháu không được trèo. Ngã đấy !"

3. Tìm bộ phận của mỗi câu sau trả lời câu hỏi "*Để làm gì ?*".

a) Để người khác qua suối không bị ngã nữa, anh chiến sĩ kê lại hòn đá bị kênh.

b) Bông cúc toả hương thơm ngào ngạt để an ủi sơn ca.

c) Hoa dạ lan hương xin Trời cho nó được đổi vẻ đẹp thành hương thơm để mang lại niềm vui cho ông lão tốt bụng.

4. Điền *dấu chấm than* hay *dấu phẩy* vào những ô trống trong truyện vui sau ?

Dũng rất hay nghịch bẩn nên ngày nào bố mẹ cũng phải tắm cho cậu dưới vòi hoa sen.

Một hôm ở trường ■ thầy giáo nói với Dũng :

- Ồ ■ Dạo này em chóng lớn quá ■

Dũng trả lời :

- Thưa thầy ■ đó là vì ngày nào bố mẹ em cũng tưới cho em đấy ạ.

Theo **TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ**

TIẾT 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Nói lời đáp của em trong mỗi trường hợp sau :

a) Em ngã đau. Bạn chạy đến đỡ em dậy, vừa xoa chỗ đau cho em vừa nói : "Bạn đau lắm phải không ?"

b) Em rất buồn vì lỡ tay làm vỡ chiếc ấm pha trà của ông. Ông bảo : "Đừng tiếc nữa cháu ạ ! Ông sẽ mua chiếc khác."

c) Em quét nhà đỡ mẹ. Nhà chưa thật sạch, nhưng mẹ bảo : "Con muốn giúp mẹ là tốt rồi. Nhất định lần sau con sẽ quét sạch hơn."

3. Kể chuyện theo tranh, rồi đặt tên cho câu chuyện :

TIẾT 8

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Xếp các từ cho dưới đây thành từng cặp từ trái nghĩa :

đen, phải, sáng, trắng, trái, xấu, hiền, tốt, ít, gầy, tối, nhiều, béo, dữ.

3. Em chọn dấu câu nào để điền vào mỗi ô trống ?

Bé Sơn rất xinh ▪ Da bé trắng hồng ▪ má phinh phính ▪ môi đỏ ▪ tóc hoe vàng ▪ Khi bé cười ▪ cái miệng không răng toét rộng ▪ trông yêu ơi là yêu !

4. Hãy viết từ 3 đến 5 câu nói về em bé của em (hoặc em bé của nhà hàng xóm).

Gợi ý :

- Bé mấy tuổi ?
- Hình dáng (đôi mắt, khuôn mặt, mái tóc, dáng đi,...) của bé như thế nào ?
- Tính tình của bé có gì đáng yêu ?

TIẾT 9

BÀI LUYỆN TẬP

A. Đọc thầm :

Bác Hồ rèn luyện thân thể

Bác Hồ rất chăm rèn luyện thân thể. Hồi ở chiến khu Việt Bắc, sáng nào Bác cũng dậy sớm luyện tập. Bác tập chạy ở bờ suối. Bác còn tập leo núi. Bác chọn những ngọn núi cao nhất trong vùng để leo lên với đôi bàn chân không. Có đồng chí nhắc :

- Bác nên đi giày cho khỏi đau chân.
- Cảm ơn chú. Bác tập leo chân không cho quen.

Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyện chịu đựng với giá rét.

Theo tập sách **ĐẦU NGUỒN**

B. Dựa theo nội dung của bài, chọn câu trả lời đúng :

1. Câu chuyện này kể về việc gì ?
   a) Bác Hồ rèn luyện thân thể.
   b) Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc.
   c) Bác Hồ tập leo núi với đôi bàn chân không.
2. Bác Hồ rèn luyện thân thể bằng những cách nào ?
   a) Dậy sớm, luyện tập
   b) Chạy, leo núi, tập thể dục
   c) Chạy, leo núi, tắm nước lạnh
3. Những cặp từ nào dưới đây cùng nghĩa với nhau ?
   a) Leo - chạy
   b) Chịu đựng - rèn luyện
   c) Luyện tập - rèn luyện
4. Bộ phận in đậm trong câu *Bác **tập chạy ở bờ suối*** trả lời cho câu hỏi nào ?
   a) Làm gì ?
   b) Là gì ?
   c) Như thế nào ?
5. Bộ phận in đậm trong câu *Bác tắm nước lạnh **để luyện chịu đựng với giá rét*** trả lời cho câu hỏi nào ?
   a) Vì sao ?
   b) Để làm gì ?
   c) Khi nào ?

TIẾT 10

BÀI LUYỆN TẬP

A. Nghe - viết :

Hoa mai vàng

Hoa mai cũng có năm cánh như hoa đào, nhưng cánh hoa mai to hơn cánh hoa đào một chút. Những nụ mai không phô hồng mà ngời xanh màu ngọc bích. Sắp nở, nụ mai mới phô vàng. Khi nở, cánh mai xoè ra mịn màng như lụa.

Theo **MÙA XUÂN VÀ PHONG TỤC VIỆT NAM**

B. Tập làm văn :

Dựa vào những câu gợi ý sau, viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 câu) nói về một loài cây mà em thích.

1. Đó là cây gì, trồng ở đâu ?
2. Hình dáng cây như thế nào ?
3. Cây có ích lợi gì ?

Mục lục

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
19. BỐN MÙA	Tập đọc	Chuyện bốn mùa	4
	Kể chuyện	Chuyện bốn mùa	6
	Chính tả	Tập chép : *Chuyện bốn mùa*	
		Phân biệt l/n, dấu hỏi/ dấu ngã	7
	Tập đọc	Lá thư nhầm địa chỉ	7
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về các mùa	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào ?*	8
	Tập viết	Chữ hoa : G	9
	Tập đọc	Thư Trung thu	9
	Chính tả	Nghe - viết : *Thư Trung thu*	
		Phân biệt l/n, dấu hỏi/ dấu ngã	11
	Tập làm văn	Đáp lời chào, lời tự giới thiệu	12
20. BỐN MÙA	Tập đọc	Ông Mạnh thắng Thần Gió	13
	Kể chuyện	Ông Mạnh thắng Thần Gió	15
	Chính tả	Nghe - viết : *Gió*	
		Phân biệt s/x, iêt/ iêc	16
	Tập đọc	Mùa xuân đến	17
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về thời tiết	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào ?*	
		Dấu chấm, dấu chấm than	18
	Tập viết	Chữ hoa : Q	18
	Tập đọc	Mùa nước nổi	19
	Chính tả	Nghe - viết : *Mưa bóng mây*	
		Phân biệt s/x, iêt/ iêc	20
	Tập làm văn	Tả ngắn về bốn mùa	21
21. CHIM CHÓC	Tập đọc	Chim sơn ca và bông cúc trắng	23
	Kể chuyện	Chim sơn ca và bông cúc trắng	25
	Chính tả	Tập chép : *Chim sơn ca và bông cúc trắng*	
		Phân biệt tr/ch, uôt/ uôc	25

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
	Tập đọc	Thông báo của thư viện vườn chim	26
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về chim chóc	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu ?*	27
	Tập viết	Chữ hoa : R	27
	Tập đọc	Vẻ chim	28
	Chính tả	Nghe - viết : *Săn chim*	
		Phân biệt tr/ch, uôt/uôc	29
	Tập làm văn	Đáp lời cảm ơn	
		Tả ngắn về loài chim	30
22. CHIM CHÓC	Tập đọc	Một trí khôn hơn trăm trí khôn	31
	Kể chuyện	Một trí khôn hơn trăm trí khôn	32
	Chính tả	Nghe - viết : *Một trí khôn hơn trăm trí khôn*	
		Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã	33
	Tập đọc	Chim rừng Tây Nguyên	34
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về loài chim	
		Dấu chấm, dấu phẩy	35
	Tập viết	Chữ hoa : G	36
	Tập đọc	Cò và Cuốc	37
	Chính tả	Nghe - viết : *Cò và Cuốc*	
		Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã	38
	Tập làm văn	Đáp lời xin lỗi. Tả ngắn về loài chim	39
23. MUÔNG THÚ	Tập đọc	Bác sĩ Sói	41
	Kể chuyện	Bác sĩ Sói	42
	Chính tả	Tập chép : *Bác sĩ Sói*	
		Phân biệt l/n, ươc/ ươt	43
	Tập đọc	Nội quy Đảo Khỉ	43
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về muông thú	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Như thế nào ?*	45
	Tập viết	Chữ hoa : E	45
	Tập đọc	Sư Tử xuất quân	46
	Chính tả	Nghe - viết : *Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên*	
		Phân biệt l/n, ươc/ươt	48
	Tập làm văn	Đáp lời khẳng định. Viết nội quy	49

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
24. MUÔNG THÚ	Tập đọc	Quả tim khỉ	50
	Kể chuyện	Quả tim khỉ	52
	Chính tả	Nghe - viết : *Quả tim khỉ* Phân biệt s/x, uc/ut	53
	Tập đọc	Gấu trắng là chúa tò mò	53
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về loài thú Dấu chấm, dấu phẩy	55
	Tập viết	Chữ hoa : U Ư	55
	Tập đọc	Voi nhà	56
	Chính tả	Nghe - viết : *Voi nhà* Phân biệt s/x, uc/ut	57
	Tập làm văn	Đáp lời phủ định Nghe - trả lời câu hỏi	58
25. SÔNG BIỂN	Tập đọc	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	60
	Kể chuyện	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	62
	Chính tả	Tập chép : *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* Phân biệt tr/ch, dấu hỏi/ dấu ngã	62
	Tập đọc	Dự báo thời tiết	63
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về sông biển Đặt và trả lời câu hỏi *Vì sao* ?	64
	Tập viết	Chữ hoa : V	64
	Tập đọc	Bé nhìn biển	65
	Chính tả	Nghe - viết : *Bé nhìn biển* Phân biệt tr/ch, dấu hỏi/ dấu ngã	66
	Tập làm văn	Đáp lời đồng ý. Quan sát tranh, trả lời câu hỏi	66
26. SÔNG BIỂN	Tập đọc	Tôm Càng và Cá Con	68
	Kể chuyện	Tôm Càng và Cá Con	70
	Chính tả	Tập chép : *Vì sao cá không biết nói ?* Phân biệt r/d, ưc/ ưt	71
	Tập đọc	Sông Hương	72
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về sông biển Dấu phẩy	73
	Tập viết	Chữ hoa : X	74
	Tập đọc	Cá sấu sợ cá mập	74

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
27. ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II	Chính tả	Nghe - viết : *Sông Hương*	
		Phân biệt r/d/gi, ưc/ ưt	76
	Tập làm văn	Đáp lời đồng ý. Tả ngắn về biển	76
			77-81
28. CÂY CỐI	Tập đọc	Kho báu	83
	Kể chuyện	Kho báu	84
	Chính tả	Nghe - viết : *Kho báu*	
		Phân biệt ua/uơ, l/n, ên/ênh	85
	Tập đọc	Bạn có biết ?	85
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về cây cối	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì ?*	
		Dấu chấm, dấu phẩy	87
	Tập viết	Chữ hoa : Y	87
	Tập đọc	Cây dừa	88
	Chính tả	Nghe - viết : *Cây dừa*	
		Phân biệt s/x, in/ênh. Viết hoa tên riêng	89
	Tập làm văn	Đáp lời chia vui. Tả ngắn về cây cối	90
29. CÂY CỐI	Tập đọc	Những quả đào	91
	Kể chuyện	Những quả đào	92
	Chính tả	Tập chép : *Những quả đào*	
		Phân biệt s/x, in/ênh	93
	Tập đọc	Cây đa quê hương	93
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về cây cối	
		Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì ?*	95
	Tập viết	Chữ hoa : Ơ (kiểu 2)	95
	Tập đọc	Cậu bé và cây si già	96
	Chính tả	Nghe - viết : *Hoa phượng*	
		Phân biệt s/x, in/ênh	97
	Tập làm văn	Đáp lời chia vui	
		Nghe - trả lời câu hỏi	98

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
30. BÁC HỒ	Tập đọc	Ai ngoan sẽ được thưởng	100
	Kể chuyện	Ai ngoan sẽ được thưởng	102
	Chính tả	Nghe - viết : *Ai ngoan sẽ được thưởng* Phân biệt tr/ch, êt/êch	102
	Tập đọc	Xem truyền hình	103
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về Bác Hồ	104
	Tập viết	Chữ hoa : M (kiểu 2)	104
	Tập đọc	Cháu nhớ Bác Hồ	105
	Chính tả	Nghe - viết : *Cháu nhớ Bác Hồ* Phân biệt tr/ch, êt/êch	106
	Tập làm văn	Nghe - trả lời câu hỏi	106
31. BÁC HỒ	Tập đọc	Chiếc rễ đa tròn	107
	Kể chuyện	Chiếc rễ đa tròn	109
	Chính tả	Nghe - viết : *Việt Nam có Bác* Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã	109
	Tập đọc	Cây và hoa bên lăng Bác	111
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về Bác Hồ Dấu chấm, dấu phẩy	112
	Tập viết	Chữ hoa : M (kiểu 2)	112
	Tập đọc	Bảo vệ như thế là rất tốt	113
	Chính tả	Nghe - viết : *Cây và hoa bên lăng Bác* Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã	114
	Tập làm văn	Đáp lời khen ngợi Tả ngắn về Bác Hồ	114
32. NHÂN DÂN	Tập đọc	Chuyện quả bầu	116
	Kể chuyện	Chuyện quả bầu	117
	Chính tả	Tập chép : *Chuyện quả bầu* Phân biệt l/n, v/d	118
	Tập đọc	Quyển sổ liên lạc	119
	Luyện từ và câu	Từ trái nghĩa. Dấu chấm, dấu phẩy	120
	Tập viết	Chữ hoa : Q (kiểu 2)	121
	Tập đọc	Tiếng chổi tre	121

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
	Chính tả	Nghe - viết : *Tiếng chổi tre*	
		Phân biệt l/n, it/ ich	122
	Tập làm văn	Đáp lời từ chối	
		Đọc sổ liên lạc	123
33. NHÂN DÂN	Tập đọc	Bóp nát quả cam	124
	Kể chuyện	Bóp nát quả cam	126
	Chính tả	Nghe - viết : *Bóp nát quả cam*	
		Phân biệt s/x, i/iê	127
	Tập đọc	Lá cờ	128
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ chỉ nghề nghiệp	129
	Tập viết	Chữ hoa : U (kiểu 2)	130
	Tập đọc	Lượm	130
	Chính tả	Nghe - viết : *Lượm*	
		Phân biệt s/x, i/iê	131
	Tập làm văn	Đáp lời an ủi	
		Kể chuyện được chứng kiến (viết)	132
34. NHÂN DÂN	Tập đọc	Người làm đồ chơi	133
	Kể chuyện	Người làm đồ chơi	134
	Chính tả	Nghe - viết : *Người làm đồ chơi*	
		Phân biệt tr/ch, o/ô, dấu hỏi/ dấu ngã	135
	Tập đọc	Đàn bê của anh Hồ Giáo	136
	Luyện từ và câu	Từ trái nghĩa	
		Mở rộng vốn từ : từ ngữ chỉ nghề nghiệp.	137
	Tập viết	Ôn cách viết các chữ hoa : A, M, N, Q, U (kiểu 2)	138
	Tập đọc	Cháy nhà hàng xóm	139
	Chính tả	Nghe - viết : *Đàn bê của anh Hồ Giáo*	
		Phân biệt tr/ch, dấu hỏi/ dấu ngã	140
	Tập làm văn	Kể ngắn về người thân (nói, viết)	140
35. ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II			141-145

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - NGUYỄN NGỌC BẢO**
Biên tập tái bản : **TRỊNH ĐÌNH DỰNG**
Biên tập kĩ thuật - mĩ thuật : **ĐẶNG MINH HIỀN - PHẠM NGỌC TỚI**
Thiết kế sách **NGUYỄN KIM DUNG**
Trình bày bìa : **ĐẶNG MINH HIỀN**
Minh hoạ : **ĐẶNG MINH HIỀN - TÚ ÂN - QUỐC ANH - NGUYỄN BÍCH LA**
NGUYỄN TRUNG DŨNG - NGUYỄN MẠNH HÙNG
Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

TIẾNG VIỆT 2 - TẬP HAI
Mã số : **1H202T1**
In 70 000 bản (QĐ 09GK), khổ 17 x 24cm
In tại Công ty cổ phần in Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội.
Số XB: 01-2011/CXB/8-1235/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2011.

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

LONDON
QUALITY CROWN
QC 100

VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

1. TIẾNG VIỆT 2 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 2
3. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
4. TẬP VIẾT 2 (tập một, tập hai)

ISBN 978-604-0-00035-4

8 934994 023375

Giá: 11.200đ